

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỖ TIẾN DŨNG

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI
XÂM PHẠM SỞ HỮU TỪ THỰC TIỄN CÁC
TỈNH, THÀNH MIỀN ĐÔNG NAM BỘ**

Ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 9 38 01 05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS HỒ SỸ SƠN

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong Luận án là trung thực và tôi xin chịu trách nhiệm về tất cả những số liệu, kết quả nghiên cứu đó. Luận án này chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả Luận án

Đỗ Tiến Dũng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến luận án	7
1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.....	27
1.3. Những vấn đề đặt ra nghiên cứu trong luận án	28
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU	32
2.1. Khái niệm, ý nghĩa, phân loại, đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu	32
2.2. Những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu.....	49
Chương 3. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC TÁC ĐỘNG HÌNH THÀNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ	61
3.1. Thực trạng nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ	62
3.2. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ	84
Chương 4. PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH MIỀN ĐÔNG NAM BỘ NHÌN TỪ KHÍA CẠNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI	114
4.1. Những giải pháp loại bỏ những hiện tượng tiêu cực tác động từ môi trường sống	116
4.2. Những giải pháp khắc phục, dần loại bỏ những hiện tượng tiêu cực từ nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu	129
KẾT LUẬN	146
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	142
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ANTT:	An ninh trật tự
CQĐT:	Cơ quan điều tra
CSHS:	Cảnh sát hình sự
CSKV:	Cảnh sát khu vực
ĐNB:	Đông Nam bộ
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
NTNPT	Nhân thân người phạm tội
TAND:	Tòa án nhân dân
TTXH:	Trật tự xã hội
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân
XPSH:	Xâm phạm sở hữu
XDPT& PTX:	Xây dựng phong trào và phụ trách xã

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Số liệu xét xử sơ thẩm số vụ án và bị cáo Xâm phạm sở hữu từ năm 2008- 2017 trên địa bàn miền Đông Nam Bộ
Bảng 2.2.	Tỷ lệ xét xử sơ thẩm xét theo tội danh thuộc nhóm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam Bộ từ 2008- 2017
Bảng 2.3.	Tỷ lệ tình hình tội phạm XPSH trong tình hình tội phạm hình sự trên địa bàn miền Đông Nam Bộ từ năm 2008- 2017
Bảng 2.4.	Số vụ, số bị cáo XPSH trên số diện tích, dân số từ năm 2008- 2017 của Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ
Bảng 2.5.	Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu từ năm 2008- 2017 được tính toán trên cơ sở số dân của các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ
Bảng 2.6.	Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu từ năm 2008- 2017 được tính toán trên cơ sở diện tích của các tỉnh, thành trên địa bàn miền Đông Nam Bộ
Bảng 2.7.	Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu từ năm 2008- 2017 được tính toán trên cơ sở kết hợp yếu tố dân cư và diện tích của các tỉnh, thành trên địa bàn miền Đông Nam Bộ
Bảng 2.8.	Thống kê tính chất hành vi phạm tội thông qua hình phạt từ năm 2008- 2017
Bảng 2.9.	Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu xét theo thời gian gây án
Bảng 2.10.	Cơ cấu về giới tính của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2008- 2017
Bảng 2.11.	Cơ cấu trình độ học vấn của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008- 2017
Bảng 2.12.	Cơ cấu nghề nghiệp của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008- 2017

Bảng 2.13.	Cơ cấu hoàn cảnh gia đình của nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB giai đoạn 2008- 2017
Bảng 2.14.	Cơ cấu nơi cư trú, hộ khẩu thường trú của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008- 2017
Bảng 2.15.	Một số đặc điểm cơ bản của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam Bộ từ năm 2008- 2017
Bảng 2.16.	Cơ cấu động cơ, mục đích phạm tội của người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008- 2017
Bảng 2.17.	Nguyên nhân trực tiếp phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008- 2017
Bảng 2.18.	Công cụ phương tiện gây án của người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008- 2017
Bảng 2.19.	Thống kê về trình độ nghiệp vụ của cán bộ trình sát hình sự, CSKV và Công an XDPT và PTX về ANTT
Bảng 2.20.	Bảng thống kê tổng hợp Phiếu điều tra xã hội học

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền sở hữu tài sản luôn được tôn trọng và bảo vệ ở bất kỳ một xã hội và quốc gia nào. Bảo vệ quyền sở hữu tài sản của mỗi người dân là động lực phát triển kinh tế và quản lý xã hội của đất nước, bảo đảm sự công bằng cho quyền lợi mỗi cá nhân về tài sản. Chính vì vậy, việc bảo vệ quyền sở hữu luôn là một trong những điểm cơ bản, quan trọng mà mỗi quốc gia đều hướng đến. Ở nước ta đang có sự thay đổi, phát triển, hội nhập mạnh mẽ về kinh tế, xã hội, công nghệ thông tin... đặc biệt là sự thay đổi mạnh mẽ về pháp luật quốc tế, thương mại trực tuyến... Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển, hội nhập cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức không nhỏ trong đó là sự gia tăng của các loại tội phạm nhất là các tội xâm phạm sở hữu.

Phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng phải được thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, dưới nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau, trong đó, các biện pháp tác động ảnh hưởng tới nhân thân người phạm tội là rất quan trọng và cần thiết, làm chuyển biến đặc điểm, dấu hiệu xã hội tiêu cực của người phạm tội XPSH thành tích cực, có trách nhiệm với xã hội và không thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, nghiên cứu nhân thân người phạm tội cho phép xác định được các đặc điểm tâm sinh lý tiêu cực của người phạm tội, những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến việc hình thành, từ đó có thể phân loại từng đặc điểm nhân thân để có các biện pháp phòng ngừa theo từng loại, từng nhóm đối tượng được hiệu quả từ góc độ nhân thân người phạm tội XPSH.

Mặc dù vậy ở nước ta hiện nay chưa có công trình nào ở tầm luận án tiến sĩ nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về lý luận và thực tiễn về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu mà chỉ dừng ở lý luận tội phạm học về nhân thân người phạm tội nói chung. Trong khi đó như đã nhấn mạnh việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định phương pháp, biện pháp phòng ngừa theo từng nhóm, loại, theo từng đặc điểm từng vùng của tội phạm xâm phạm sở hữu nhằm hạn chế, loại trừ những hiện tượng xã hội tiêu cực vốn góp phần hình thành nhân thân người phạm tội trong xã hội.

Miền Đông Nam bộ là khu vực kinh tế trọng điểm năng động nhất của cả nước; là nơi giao cắt nhiều tuyến giao thông đường bộ huyết mạch, tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều trường đại học, bệnh viện, bến xe, bến tàu lớn của khu vực và cả nước, cùng với sự hội nhập, phát triển kinh tế, xã hội với lượng dân di cư, sinh viên tập trung về đây ngày càng đông, kéo theo nhiều dịch vụ nhà trọ, nhà cho thuê, cầm đồ..., các loại hình tệ nạn như đánh bài, cá độ, ma túy... ngày càng nhiều và xu hướng gia tăng, len lỏi vào trong đời sống thường ngày của người dân, gây khó khăn trong công tác quản lý làm tình hình tội phạm XPSH phát triển, gia tăng, diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của tòa án nhân dân các tỉnh miền Đông Nam bộ, từ năm 2008 đến 2017 ở tỉnh miền Đông Nam bộ đã xảy ra 60.232 vụ và 90.529 bị cáo phạm tội xâm phạm sở hữu chiếm 63% số vụ và 68% số bị cáo trong tổng số vụ án hình sự xét xử trên địa bàn. Trong đó có 2 trong 6 tỉnh, thành miền Đông Nam bộ là Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai đứng đầu danh sách cả nước về số vụ án xâm phạm sở hữu.

Những năm gần đây, tình hình diễn biến phức tạp hơn, đặc biệt là khi Việt Nam hội nhập, phát triển về kinh tế, văn hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, sự bùng nổ về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, mạng xã hội... mang lại nhiều lợi ích tích cực đến phát triển kinh tế xã hội của miền Đông Nam bộ, tuy nhiên, còn tác động ảnh hưởng tiêu cực với một bộ phận người dân miền Đông Nam bộ phát triển theo xu hướng tiêu cực hơn, có lối sống thực dụng, đề cao giá trị vật chất, suy thoái về đạo đức, nhu cầu, sở thích làm giàu bằng mọi cách kể cả phạm tội... gây ra những hậu quả rất lớn, không những xâm phạm đến quyền sở hữu mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang lo lắng, làm giảm lòng tin của người dân đối với cơ quan nhà nước...

Từ vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách trên, việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm XPSH cần thiết phải nghiên cứu nhân thân người phạm tội từ những vấn đề lý luận như khái niệm, đặc điểm, phân loại, cơ chế hành vi phạm tội, tình hình nhân thân người phạm tội, các yếu tố tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội, cho đến đánh giá thực tiễn nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu cũng như dự báo tình hình các tội này trên địa bàn nhất định. Chính vì lẽ đó nghiên cứu sinh chọn đề tài: *“Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ*

thực tiễn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ” để làm luận án nghiên cứu, chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Luận án góp phần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ, từ đó làm sáng tỏ được thực trạng các đặc điểm của nhân thân tiêu cực người phạm tội XPSH và những hiện tượng tiêu cực nào trong đời sống xã hội tác động làm hình thành nhân thân người phạm tội XPSH; qua đó, xây dựng các giải pháp phòng ngừa tội phạm XPSH bằng cách hạn chế, khắc phục, loại bỏ các hiện tượng tiêu cực tác động hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam bộ trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án đặt ra và phải giải quyết các nhiệm vụ sau đây:

- Phân tích, tổng hợp khái quát các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu để xác định những vấn đề nào kế thừa và vấn đề nào cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong đề tài.
- Nghiên cứu các tài liệu tham khảo, hệ thống hóa và thống nhất nhận thức một số vấn đề lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh, thành miền Đông Nam bộ.
- Phân tích, đánh giá thực trạng đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH miền Đông Nam bộ, từ đó luận giải những hiện tượng tiêu cực nào tác động hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH miền Đông Nam bộ.
- Đề xuất các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ nhìn từ góc độ nhân thân người phạm tội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ nhằm làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa đặc điểm

nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu và những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ, để có biện pháp phòng ngừa tội phạm nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội được hiệu quả.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Đề tài luận án được nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

- Phạm vi về không gian: Nghiên cứu, khảo sát tại địa bàn 6 tỉnh, thành miền Đông Nam bộ (thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Tây Ninh).

- Thời gian nghiên cứu: Đề tài luận án nghiên cứu từ năm 2008 đến 2017.

- Về nội dung: Đề tài nghiên cứu, làm rõ lý luận và thực tiễn của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam bộ, từ đó đề xuất những phương hướng và giải pháp cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội trong thực tiễn hiện nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án lấy phép duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam và của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến nhân thân người phạm tội XPSH làm phương pháp luận nghiên cứu.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Để nghiên cứu đề tài trên đây, luận án còn sử dụng trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Phương pháp thống kê: Phương pháp này được sử dụng để thu thập, thống kê và xử lý số liệu từ các bản án về các tội xâm phạm sở hữu đã xét xử trên địa bàn miền Đông Nam bộ để phân tích làm rõ các đặc điểm của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, từ đó rút ra các yếu tố tác động và giải pháp để loại bỏ, ngăn chặn các yếu tố này ra khỏi đời sống xã hội.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Luận án sử dụng phương pháp này để nghiên cứu, đánh giá 600 bản án điển hình các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu đã xét xử phản ánh đặc trưng nhất phản ánh cơ bản về tính chất, mức độ, đặc điểm của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam bộ.

- Phương pháp so sánh: Luận án sử dụng phương pháp này để so sánh tình hình nhân thân người phạm tội XPSH giữa các tỉnh của miền ĐNB, và giữa miền ĐNB với các vùng miền khác của đất nước để phân biệt và làm rõ đặc điểm đặc trưng riêng mang tính địa lý học nhân thân người phạm tội XPSH so với vùng miền khác.

- Phương pháp chuyên gia: Phương pháp này được sử dụng để tiến hành các buổi tọa đàm, trao đổi, phỏng vấn những người có kinh nghiệm, cán bộ làm thực tế như giáo viên, cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán... để làm rõ hơn về thực trạng phòng ngừa tội phạm XPSH từ khía cạnh nhân thân người phạm tội này trên địa bàn miền Đông Nam bộ.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này được tiến hành thông qua các phiếu điều tra xã hội học để dự kiến bảng hỏi, thu thập ý kiến của một số người có kinh nghiệm, cán bộ thực tế, phạm nhân phạm tội XPSH, phụ huynh các gia đình, thầy cô, học sinh... trên địa bàn miền ĐNB để đánh giá về thực tiễn phòng ngừa, các đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Đề tài luận án là công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện, có hệ thống về “Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ” dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. Những điểm mới của luận án thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, bằng cách tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học để giải quyết vấn đề nghiên cứu của luận án, trong đó đặc biệt là cách tiếp cận triết học pháp luật, tội phạm học kết hợp với các phương pháp nghiên cứu cụ thể, luận án phân tích, đánh giá, làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB.

Thứ hai, luận án luận giải ra những hiện tượng xã hội tiêu cực nào tác động hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB.

Thứ ba, thông qua việc hệ thống hóa đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến các nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu; phân tích những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu; phân tích, đánh giá thực trạng các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH, thực trạng các yếu tố tác động hình thành nhân thân người phạm tội trên địa bàn các tỉnh, thành miền ĐNB, đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm XPSH từ yếu tố nhân thân người phạm tội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với phòng ngừa tình hình các tội XPSH, cụ thể là:

Về mặt lý luận, luận án cung cấp cơ sở lý luận về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu như: Khái niệm, ý nghĩa, phân loại, tình hình, cơ chế, đặc điểm và các yếu tố tác động hình thành nhân thân người phạm tội XPSH, làm cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm này.

Về mặt thực tiễn, luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ nghiên cứu về thực trạng các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH và các yếu tố tác động hình thành đặc điểm nhân thân này trên địa bàn miền ĐNB. Đồng thời, đây còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho việc nghiên cứu giảng dạy môn học: Tội phạm học, Khoa học Điều tra hình sự, Luật hình sự... trong các học viện, trường đại học đào tạo về Luật.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Chương 3: Thực trạng và những hiện tượng tiêu cực tác động hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ

Chương 4: Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh, thành miền Đông Nam bộ nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến luận án

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Từ những công trình đã được công bố cho thấy có nhiều công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài Luận án tiếp cận nhiều góc độ khoa học khác nhau. Để có thể nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ, nghiên cứu sinh tham khảo các công trình nghiên cứu trong nước theo các nhóm sau đây:

1.1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu các vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Có nhiều công trình nghiên cứu khác nhau đề cập về lý luận nhân thân người phạm tội được công bố trên các tài liệu như: giáo trình, tạp chí, đề tài, chuyên đề, luận án, luận văn... Tuy nhiên mỗi công trình nghiên cứu có những quan điểm và tư tưởng riêng được lý giải dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

Trước hết đó là các công trình nghiên cứu có đề cập đến khái niệm nhân thân người phạm tội. Trong số nhiều công trình nghiên cứu, đề cập đầu tiên là giáo trình “Tội phạm học” của GS.TS. Võ Khánh Vinh, năm 1999, đã định nghĩa “nhân thân người phạm tội tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự qui định là tội phạm được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó” [102, tr.126].

Khái niệm nhân thân người phạm tội cũng được nêu trong cuốn sách chuyên khảo “Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, do TS. Phạm Hồng Hải làm chủ biên cùng tập thể tác giả Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật do Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 2000, theo đó nhân thân người phạm tội được hiểu là “tổng hợp các đặc tính, các dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội của con người mà trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định và dưới sự tác động của chính các điều kiện, hoàn cảnh đó động cơ phạm tội nảy sinh” [23, tr.99].

Trong luận án Thạc sĩ “Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học” được bảo vệ thành công năm 1998, tác giả Lương Ngọc Trâm đã định nghĩa “nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, dấu hiệu, các đặc tính quan trọng thể hiện bản chất xã hội của con người khi vi phạm pháp luật hình sự, mà trong sự kết hợp với các điều kiện bên ngoài đã ảnh hưởng đến xử sự phạm tội của người đó” [58, tr.19]. Cùng quan điểm trên, trong “Nhân thân người phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam” bảo vệ luận án tiến sĩ tại Viện Nhà nước và pháp luật năm 2005 của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy đã đưa ra định nghĩa “nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, dấu hiệu, các đặc tính thể hiện bản chất xã hội của con người khi vi phạm pháp luật hình sự, mà trong sự kết hợp với các điều kiện bên ngoài đã ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi phạm tội của người đó” [69, tr.31].

Trong “Giáo trình Tội phạm học” của tập thể tác giả Trường Đại học luật Hà Nội do Nhà xuất bản CAND xuất bản năm 2015, tác giả đã khái niệm “nhân thân người phạm tội là tổng hợp những đặc điểm sinh học, tâm lí và xã hội của người phạm tội và các đặc điểm này kết hợp với các điều kiện, hoàn cảnh khách quan bên ngoài đã dẫn đến con người đó thực hiện hành vi phạm tội” [62, tr.150]. Còn trong Luận văn thạc sĩ luật học “Vai trò nhân thân người phạm tội - Dấu hiệu quy định trách nhiệm hình sự”, bảo vệ tại Trường Đại học quốc gia Hà Nội vào năm 2015 của tác giả Chu Thị Quỳnh đã xác định nhân thân người phạm tội “là tổng hợp các đặc tính, dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội, tính cá biệt, không lặp lại của con người mà trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định và dưới sự tác động của chính những điều kiện, hoàn cảnh đó động cơ phạm tội nảy sinh” [51, tr.15]. Ở mức độ nhất định, khái niệm này đã thể hiện nội hàm nhân thân người phạm tội, tuy nhiên tác giả chỉ thể hiện bản chất xã hội của nhân thân người phạm tội mà không quan tâm đến các đặc trưng, bản chất khác của khái niệm trên đây.

Vấn đề khái niệm nhân thân người phạm tội cũng được thể hiện trong một số công trình nghiên cứu ở dạng bài tạp chí. Trong số đó có thể kể đến bài viết “Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản” đăng tạp chí Tòa án nhân dân, số 10/2001 của tác giả TSKH Lê Cẩm. Trong bài viết này TSKH Lê Cẩm đã phân tích các đặc điểm cơ bản, vốn có, điển hình của nhân thân người phạm tội từ đó đưa ra khái

niệm: “Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm về mặt pháp lý hình sự, xã hội nhân khẩu học, xã hội sinh học và đạo đức tâm lý học của người đã có lỗi (có ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm, mà các đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng để giải quyết vấn đề TNHS của người đó một cách công minh, có căn cứ, đúng pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh chống tình trạng tội phạm” [11, tr.11].

Trong một bài viết khác với tiêu đề “Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam”, tài liệu tham khảo Học viện CSND, năm 2013, GS.TS. Phạm Văn Cảnh và PGS.TS. Phạm Văn Tĩnh đã đưa ra khái niệm nhân thân người phạm tội : “Theo đó, nhân thân người phạm tội là tổng hòa các yếu tố, các đặc điểm riêng biệt của người phạm tội ở một địa bàn hành chính - lãnh thổ nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định về các mặt tâm - sinh lý - xã hội, nhân khẩu - nhân chủng học, dân tộc học và pháp lý, những cái có ý nghĩa, có giá trị thiết thực cho việc xác định nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để có giải pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp” [9, tr.348].

Các quan điểm trên đây về nhân thân người phạm tội là cơ sở lý luận để tác giả nghiên cứu đưa ra khái niệm một cách khái quát, đầy đủ về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, từ đó có ý nghĩa thiết thực để xác định nguyên nhân và điều kiện của tội phạm từ góc độ nhân thân người phạm tội và biện pháp phù hợp trong phòng ngừa tội phạm.

Ý nghĩa việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu cũng đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu và là cơ sở giúp Nghiên cứu sinh xác định được tầm quan trọng, vai trò về lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa, loại trừ tội phạm xảy ra trong thực tiễn xã hội.

Trong số những công trình đó, trước hết phải kể đến cuốn “Giáo trình Tội phạm học” của tập thể tác giả Trường Đại học luật Hà Nội, do Nhà xuất bản CAND xuất bản năm 2015. Trong giáo trình này, các tác giả đã xác định ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội nhằm “mục đích xác định nguyên nhân của tội phạm, bao gồm không chỉ các nguyên nhân từ phía người phạm tội mà cả các nguyên nhân từ phía xã hội”, “xác định được những đặc điểm nhân thân nào của người phạm tội có tác động làm tăng nguy cơ phạm tội ở người phạm”; “xây dựng các biện pháp phòng ngừa

tội phạm bằng cách tác động làm hạn chế hoặc loại trừ các yếu tố tác động hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực” [62, tr.146].

Ý nghĩa của việc nghiên cứu “Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học”, cũng được tác giả Lương Ngọc Trâm đề cập trong luận văn Thạc sĩ luật học bảo vệ năm 1998 tại Viện Nhà nước và pháp luật, theo đó việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định nguyên nhân của tội phạm, phục vụ cho việc áp dụng phương pháp phòng ngừa theo từng nhóm, loại tội phạm nhằm giảm đi tình trạng phạm tội trong xã hội, tạo điều kiện cho Tòa án có cơ sở cân nhắc đánh giá nhân thân bị cáo khi quyết định hình phạt, có ý nghĩa quan trọng khi điều tra ban đầu và quyết định biện pháp ngăn chặn trong quá trình điều tra vụ án, có ý nghĩa trong việc thi hành án phạt tù.

Một loạt công trình nghiên cứu khác có đề cập đến ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội như Luận văn thạc sĩ luật học “Vai trò nhân thân người phạm tội - Dấu hiệu quy định trách nhiệm hình sự”, tác giả Chu Thị Quỳnh bảo vệ tại Trường Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2015; Luận văn thạc sĩ luật học “Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương” của Phạm Thị Triều Mến, bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội năm 2016; bài báo “Vấn đề phân loại nhân thân người phạm tội trong tội phạm học” của tác giả ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3/2003; bài báo “Nhân thân người phạm tội: Một vấn đề lý luận cơ bản” của tác giả TSKH Lê Cẩm đăng tạp chí Tòa án nhân dân, số 10/2001; bài viết “Tội phạm ản tự nhiên có lý do ản từ phía chủ thể của hành vi phạm tội” của TS. Phạm Văn Tĩnh đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 7/1998; bài viết “Tội phạm ản thống kê” của PGS.TS. Phạm Văn Tĩnh đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 12/2003...

Các công trình trên, là cơ sở để đúc kết ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu. Trong đó, đặc biệt là nghiên cứu sinh kế thừa và tiếp tục làm rõ ý nghĩa để phân loại các tội cụ thể, nhóm tội XPSH, trong việc thực hiện chính sách hình sự, điều tra, thi hành án, cải tạo, nhằm mục đích xây dựng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm bằng cách tác động làm hạn chế hoặc loại trừ các yếu tố tác động hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực.

Đặc điểm nhân thân người phạm tội cũng được các nhà khoa học đề cập nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu của mình. Trong số đó, nghiên cứu sinh có tham khảo một số công trình để nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, từ đó làm rõ các đặc điểm cơ bản, xác định được đặc trưng nhất mang tính quy luật của người phạm tội.

Trong số những công trình nghiên cứu mà NCS tham khảo có cuốn giáo trình “*Tội phạm học*” của GS.TS. Võ Khánh Vinh, Đại học Huế, năm 1999. Trong cuốn giáo trình này xuất phát từ khái niệm nhân thân người phạm tội, GS.TS. Võ Khánh Vinh đúc kết ba đặc điểm cơ bản của nhân thân người phạm tội, bao gồm: Đặc điểm nhân chủng học - xã hội (giới tính, lứa tuổi, địa vị xã hội, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú...), đặc điểm về vai trò xã hội (thái độ tiêu cực, thiếu trách nhiệm đối với nghĩa vụ công dân), đặc điểm tâm lý - đạo đức của nhân thân người phạm tội [102, tr.138-143]. Đây là những lý luận nền tảng giúp NCS kế thừa nghiên cứu các vấn đề về đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu dưới góc độ tội phạm học.

“Giáo trình Tội phạm học” của tập thể tác giả Trường Đại học luật Hà Nội, Nhà xuất bản CAND, năm 2015 cũng chia đặc điểm nhân thân người phạm tội thành 03 nhóm, đó là: Nhóm đặc điểm sinh học, nhóm đặc điểm tâm lý, nhóm đặc điểm xã hội, trong đó, “nhóm đặc điểm sinh học bao gồm giới tính, tuổi và một số đặc điểm thể chất khác” [62, tr.154], “nhóm đặc điểm tâm lý của người phạm tội thường được kể đến là những đặc điểm tâm lý tiêu cực của người phạm tội” [62, tr.156], “nhóm đặc điểm xã hội có thể kể đến các đặc điểm về việc làm, nghề nghiệp, thành phần xã hội, về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh kinh tế... và các đặc điểm về môi trường, quá trình được giáo dục, đào tạo...” [62, tr.158]

Trong khi đó trong cuốn sách chuyên khảo “Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm”, do nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 2001, ngoài việc đưa ra quan điểm nhân thân người phạm tội dưới góc độ “cá nhân kẻ phạm tội” có nghĩa là các đặc điểm cá nhân con người gây ra tội phạm [113, tr.141], GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm chia đặc điểm nhân thân thành 04 loại. Theo cách phân chia này, đặc điểm nhân thân được phân loại theo nhân khẩu học như giới tính, lứa tuổi; theo các tiêu chí kinh tế - xã hội như trình độ văn hóa, điều kiện sống, nơi cư trú, địa bàn cư trú...; theo quốc

tịch; theo tình trạng cá nhân vào thời điểm phạm tội (say rượu, nghiện ma túy, phạm tội có tổ chức, phạm tội trong khi cải tạo tại trại giam...) và theo đặc điểm của hành vi phạm tội (cố ý phạm tội hay vô ý phạm tội; phạm tội có sử dụng bạo lực, trục lợi chiếm đoạt tài sản...).

Còn trong luận án Tiến sĩ “Nhân thân người phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam”, bảo vệ tại Viện Nhà nước và pháp luật năm 2005, tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy đưa ra ba nhóm dấu hiệu đặc điểm, đặc trưng của nhân thân người phạm tội: Nhóm các đặc điểm, dấu hiệu về nhân khẩu học - xã hội; nhóm các đặc điểm, dấu hiệu theo pháp lý - hình sự; nhóm các đặc điểm, dấu hiệu về đạo đức - tâm lý.

Đặc điểm nhân thân người phạm tội còn được đề cập phân tích trong một số công trình nghiên cứu khác, chẳng hạn như trong luận văn thạc sĩ luật học “Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương” của Phạm Thị Triều Mến, bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2016; luận văn thạc sĩ luật học “Vai trò nhân thân người phạm tội - Dấu hiệu quy định trách nhiệm hình sự” của tác giả Chu Thị Quỳnh bảo vệ tại Đại học quốc gia Hà Nội năm 2015...

Các công trình trên đây đã đều đề cập, phân tích nội dung các đặc điểm về nhân thân người phạm tội. Tuy nhiên, ngoài điểm chung bao gồm các đặc điểm sinh học, tâm lý, xã hội, pháp lý, các công trình đó có nhìn nhận khác nhau về đặc điểm nhân thân người phạm tội. Từ các cách tiếp cận các quan điểm ở trên, NCS rút ra các đặc điểm của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, bao gồm: *Các đặc điểm về xã hội học - nhân khẩu, các đặc điểm về pháp lý hình sự, các đặc điểm về đạo đức - tâm lý học.*

Trong những năm gần đây các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội cũng được các nhà khoa học Việt Nam đề cập, nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của những công trình nghiên cứu đó cung cấp cho NCS tư liệu cũng như cách tiếp cận nghiên cứu những yếu tố tiêu cực nào trong xã hội tác động; ảnh hưởng quá trình hình thành nhân thân con người phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB.

Người phạm tội là người có đặc điểm nhân thân tiêu cực. Vậy những yếu tố tiêu cực xã hội nào tác động đến sự hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực đó? Trong luận văn “Nhân thân người phạm tội từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng” bảo vệ tại Học viện

khoa học xã hội năm 2016, tác giả Ngô Ngọc Đông cho rằng, đó là thứ nhất, những yếu tố khách quan tiêu cực thuộc môi trường gia đình; thứ hai, những yếu tố tiêu cực trong giáo dục tại nhà trường; thứ ba, những yếu tố tiêu cực trong môi trường kinh tế - xã hội trong đó có quản lý xã hội, quản lý nhà nước và những yếu tố chủ quan gồm sai lệch trong nhận thức, sai lệch về sở thích, sai lệch trong cách thức thỏa mãn nhu cầu, khả năng nhận thức và thực hiện hành vi.

Trong luận văn thạc sĩ luật học về đề tài “Nhân thân người phạm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của con người từ thực tiễn Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh”, bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội năm 2016, tác giả Trần Văn Thắng lại cho rằng, đó là những yếu tố tiêu cực tác động đến quá trình tương tác nhập tâm bao gồm những yếu tố khách quan và những yếu tố chủ quan và những yếu tố tác động đến quá trình tương tác xuất tâm cũng bao gồm những yếu tố khách quan và những yếu tố chủ quan.

Trong luận văn thạc sĩ về đề tài “Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội năm 2016, tác giả Phạm Duy Phương khi bàn về những yếu tố tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu đã cho rằng “có những yếu tố tác động đến quá trình tương tác nhập tâm và những yếu tố tương tác xuất tâm”, trong đó những yếu tố tác động đến quá trình tương tác nhập tâm, theo tác giả luận văn nói trên có những yếu tố khách quan bao gồm môi trường gia đình với các yếu tố như gia đình khuyết thiếu, gia đình không hạnh phúc, gia đình thiếu sự quan tâm chăm sóc, giáo dục con cái, gia đình quá nuông chiều con cái; môi trường nhà trường với các yếu tố như nhà trường chưa có chương trình cụ thể đi vào trọng tâm là giáo dục ý thức tự giác, tuân thủ pháp luật, kỷ luật nhà trường lỏng lẻo, không nghiêm, xử lý những biểu hiện sai trái trong học sinh, sinh viên chưa nghiêm, quan hệ giữa gia đình và nhà trường ở nhiều nơi còn bị buông lỏng, một số cán bộ, giáo viên thiếu gương mẫu; môi trường bạn bè có những hiện tượng tiêu cực; những yếu tố tiêu cực trong quản lý xã hội của nhà nước. Trong số những yếu tố chủ quan như cá nhân đề cao nhu cầu vật chất, có sở thích thói quen xấu... Trong số các yếu tố tác động đến quá trình tương tác xuất tâm, theo tác giả luận văn có các khâu kế hoạch hóa hành vi, hiện thực hóa hành vi. Từ phân tích đó, tác giả

luận văn nói ra kết luận là ở hai khâu này, yếu tố tác động đến nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, đó là sự tác động giữa các yếu tố môi trường khách quan bên ngoài giữ vai trò quy định đối với tâm - sinh lý bên trong của cá nhân con người, cho nên tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra, trước hết là do yếu tố bên ngoài tác động.

Nhìn từ góc độ “nguyên nhân của tội phạm” thì giáo trình “Tội phạm học” do Nhà xuất bản CAND xuất bản năm 2013, PGS.TS. Phạm Văn Tỉnh cho rằng có thể chia nguyên nhân của tội phạm thành 3 nhóm nguyên nhân sau: Nhóm nguyên nhân từ môi trường sống; nhóm nguyên nhân xuất phát từ phía người phạm tội; tình huống cụ thể (trong một số trường hợp được coi là nguyên nhân đưa đến việc phát sinh tội phạm). [9, tr.129].

Với sự thống nhất quan điểm nguyên nhân xuất phát từ phía người phạm tội là một trong những nguyên nhân chính phát sinh tội phạm, tác giả sẽ kế thừa về mặt lý luận cơ bản này để nghiên cứu, phát triển và làm rõ mặt lý luận, thực tiễn các yếu tố tiêu cực tác động hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, bao gồm các yếu tố sau:

- + Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống: Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình, các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường giáo dục, các yếu tố tiêu cực thuộc quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội.

- + Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội xâm phạm sở hữu: Các yếu tố về hoàn cảnh sống, trình độ học vấn, ý thức, thái độ; các yếu tố về sai lệch sở thích; sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu; những hạn chế thuộc về ý thức pháp luật cá nhân; khiếm khuyết về sinh học, tâm lý học.

1.1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về thực trạng nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Để có cơ sở đánh giá thực tiễn về đặc điểm, các hiện tượng xã hội tiêu cực hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB, trước hết, tác giả cần tham khảo nội dung, cách thức, phương pháp đánh giá thực tiễn của các công trình nghiên cứu trong nước có liên quan đến nhân thân người phạm tội để có cái nhìn tổng quát về đặc trưng của tội phạm, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội trên địa bàn cụ thể, từ đó

đưa ra các biện pháp phòng ngừa được hiệu quả. Có nhiều công trình phân tích, đánh giá về thực tiễn đặc điểm nhân thân người phạm tội, nổi bật ở một số công trình sau :

Trong luận án Tiến sĩ “Nhân thân người phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam”, bảo vệ tại Viện Nhà nước và pháp luật, năm 2005, tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy đã phân tích nhân thân của 1790 bị cáo đã bị xét xử trong năm 2000 đến 2003 để đánh giá thực tiễn tình hình nhân thân người phạm tội trên phạm vi cả nước. [69, tr.48-67]

Luận văn Thạc sỹ Luật học “Nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận 7, thành phố Hồ Chí Minh”, của tác giả ThS Phạm Uyên Thy bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2015, đề cập phân tích, đánh giá đặc điểm, đặc trưng cơ bản của nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận 7, trong đó nổi bật là các đặc điểm: Về cơ cấu nghề nghiệp: người phạm tội không có nghề nghiệp là 28,7%, thu nhập không ổn định hoặc lao động phổ thông là 43,36%, số người phạm tội có tiền án, tiền sự chiếm 33,2%; về độ tuổi: Từ 18 - 25 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 54,5%; về cơ cấu theo hoàn cảnh gia đình: Số người sống trong gia đình đông con (từ 3 chị em trở lên) chiếm 79%; về cơ cấu theo trình độ học vấn: Học dưới lớp 5 và không biết chữ chiếm 47%; về cơ cấu theo kinh tế gia đình: 50% rơi vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế hay có người thân trong gia đình là đối tượng hình sự...

Theo một cách tiếp cận khác, Luận văn Thạc sỹ Luật học “Nhân thân người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Bình Định” của tác giả ThS Phạm Văn Phương, bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2015, đề cập phân tích, đánh giá thực tiễn đặc điểm nhân thân người chưa thành niên phạm tội theo các chỉ số về thực trạng, mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn nói trên.

Trong Luận văn thạc sỹ luật học “Vai trò nhân thân người phạm tội - Dấu hiệu quy định trách nhiệm hình sự”, bảo vệ tại Đại học quốc gia Hà Nội năm 2015, tác giả Chu Thị Quỳnh đánh giá mức độ phạm tội về tuổi chiếm tỷ lệ cao từ 18 đến 30 tuổi, trong đó tội trộm cắp tài sản (chiếm 43,5% trong tổng số các bị cáo bị đưa ra xét xử về tội này năm 2011), tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chiếm 31,1% trong tổng số các bị cáo bị đưa ra xét xử về tội này năm 2011); phần lớn những người chưa thành niên (từ 14-18 tuổi) thường phạm các loại tội xâm phạm sở hữu mà theo thống kê tội phạm

năm 2011, chủ yếu các tội trộm cắp, tội cưỡng đoạt, tội cướp giật tài sản. Về tái phạm, tái phạm nguy hiểm, tác giả kết luận trong tổng số người phạm tội có 18% thuộc loại tái phạm; 10% thuộc loại tái phạm nguy hiểm. [51, tr.66-80]

Trong Luận văn thạc sĩ luật học về đề tài “Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương” bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2016, sau khi phân tích, đánh giá đặc điểm nhân thân của 151 bị cáo phạm tội XPSH địa bàn tỉnh Bình Dương từ 2011 đến 2015, tác giả luận văn Phạm Thị Triều Mến kết luận một số đặc điểm nổi bật như: dân nhập cư (chiếm 75,5%); không có nơi cư trú ổn định (chiếm 62,91%); không có nghề nghiệp ổn định (chiếm 64,24%); chưa kết hôn (chiếm 60,93%); chưa có con (chiếm 68,21%); sống trong gia đình đông anh chị em (chiếm 66,89%); sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế không thuận lợi (chiếm 84,11%); động cơ, mục đích phạm tội là thỏa mãn nhu cầu vật chất, hám lợi (chiếm 96,03%). Ngoài ra, người phạm tội không có nghề nghiệp (chiếm 33,77%), có tiền án, tiền sự (chiếm 27,82%), có đồng phạm (chiếm 42%) cũng chiếm tỉ lệ tương đối cao.

Ngoài ra còn nhiều công trình là luận văn, luận án... đều phân tích, đánh giá thực trạng tình hình nhân thân người phạm tội làm cơ sở để tác giả tham khảo, phân loại, khảo sát đề đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH từ thực tiễn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ, và đánh giá những giải pháp phòng ngừa được phù hợp gắn liền với thực tiễn của luận án nhân thân người phạm tội.

Thực trạng các yếu tố xã hội tiêu cực tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội cũng được đề cập nghiên cứu trong một loạt công trình nghiên cứu khoa học ở luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ luật học. Trong số những công trình nghiên cứu mà NCS tham khảo để nghiên cứu các yếu tố tiêu cực từ môi trường sống tác động đến nhân thân người phạm tội như: Luận văn Thạc sĩ Luật học “Nhân thân người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Bình Định” tác giả ThS Phạm Văn Phương bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2015; luận văn Thạc sĩ Luật học “Nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận 7, thành phố Hồ Chí Minh” của tác giả ThS Phạm Uyên Thy bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2015; Luận văn thạc sĩ luật học “Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương” của tác giả Phạm Thị Triều Mến bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2016; Luận văn thạc sĩ luật học “Nhân

thân người phạm tội với việc quyết định hình phạt tù thực tiễn thành phố Hà Nội”, của tác giả Nguyễn Bích Huyền, bảo vệ tại Đại học quốc gia Hà Nội năm 2015; bài báo “Đặc điểm nhân thân người phạm tội và phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai” của tác giả Lê Văn Định đăng trên tạp chí Kiểm sát số 6/2015; Luận án tiến sĩ luật học “Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” của tác giả Nguyễn Đức Thảo bảo vệ tại học viện KHXH năm 2015...

Từ những công trình nêu trên, NCS nhận thức được một số yếu tố tiêu cực đặc trưng phản ánh theo địa lý học tội phạm miền Đông Nam bộ, tìm hiểu được cơ chế hành vi phạm tội nói chung và xâm phạm sở hữu nói riêng, để qua đó nghiên cứu các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống và các yếu tố chủ quan thuộc về nhân thân người phạm tội miền Đông Nam bộ.

1.1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội phạm nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội

Trong số công trình nghiên cứu có đánh giá về công tác phòng ngừa tình hình tội phạm nhìn từ góc độ nhân thân người phạm tội mà NCS tham khảo có:

Luận án Tiến sĩ “Nhân thân người phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam”, Nguyễn Thị Thanh Thủy bảo vệ tại Viện Nhà nước và pháp luật năm 2005. Tác giả luận án nói trên đã phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo đã bị xét xử trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2003, qua đó để đánh giá các giải pháp nhằm phòng ngừa tội phạm trên lĩnh vực pháp lý hình sự: Gồm giải pháp hoàn thiện pháp luật về luật hình sự và tổ tụng hình sự; tăng cường công tác hướng dẫn thi hành pháp luật, tổng kết; tăng cường công tác nghiên cứu tội phạm học, thống kê hình sự và nhóm giải pháp về công tác cán bộ. [69, tr.181-195]

Luận văn thạc sĩ luật học “Vai trò nhân thân người phạm tội – Dấu hiệu quy định trách nhiệm hình sự”, tác giả Chu Thị Quỳnh bảo vệ tại Trường Đại học quốc gia Hà Nội năm 2015 đã phân tích, đánh giá nhân thân người phạm tội dưới góc độ quy định trách nhiệm hình sự, từ đó đã đưa ra một số giải pháp sau đây nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm dựa trên dấu hiệu về quy định trách nhiệm hình sự, bao gồm giải pháp hoàn thiện pháp luật về tuổi và tái phạm, tái phạm nguy hiểm trong

bộ luật Hình sự; tăng cường công tác hướng dẫn thi hành pháp luật, tổng kết; tăng cường công tác nghiên cứu tội phạm học, thống kê hình sự và nhóm giải pháp về công tác cán bộ. [51, tr.81-92]

Luận văn Thạc sĩ Luật học “Nhân thân người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Bình Định” của tác giả ThS Phạm Văn Phương bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2015, nêu ra các nguyên nhân hình thành các đặc điểm của người chưa thành niên phạm tội từ đó đề xuất 07 biện pháp nhằm tăng cường phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội như: Hạn chế tác động tiêu cực trong gia đình; môi trường giáo dục; môi trường bạn bè, nơi công tác; tác động tiêu cực từ mặt trái kinh tế thị trường; từ môi trường xã hội; từ môi trường văn hóa và cuối cùng là tăng cường tuyên truyền giáo dục để khắc phục thói quen, sở thích xấu. [41, tr.59-71].

Ngoài ra NCS còn tham khảo một số công trình nghiên cứu khác như bài báo “Vấn đề phân loại nhân thân người phạm tội trong tội phạm học” của tác giả ThS Nguyễn Thị Thanh Thủy, đăng trên Tạp chí Viện Nhà nước và Pháp luật số 3/2003; Luận văn Thạc sĩ Luật học “Nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận 7, thành phố Hồ Chí Minh” của tác giả ThS Phạm Uyên Thy bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2015; Luận văn thạc sĩ luật học “Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương” của Phạm Thị Triều Mến bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2016...

Qua nghiên cứu, phân tích các công trình khoa học có liên quan, tác giả tham khảo một số giải pháp đã được đề xuất trong thực tiễn hiện nay, từ đó đánh giá một cách khái quát về các giải pháp đã được thực hiện nhưng không hiệu quả, tồn tại, bất cập, những giải pháp nào chưa thực hiện, từ đó đề xuất tăng cường một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn các tỉnh miền Đông Nam bộ dựa vào yếu tố nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu các vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Trong số những công trình thuộc nhóm này mà NCS tham khảo có:

Sách chuyên khảo “*Phân tích các đặc điểm chung của các tội xâm phạm sở hữu, phân tích các dấu hiệu của từng tội phạm*” của GS.TS Borzenkop và GS.TS

Kanuixarop chủ biên xuất bản tại Nhà xuất bản Trường Đại học tổng hợp Xretlov, Liên bang Nga. Trong cuốn sách này các tác giả đã phân tích các đặc điểm chung của các tội XPSH và các dấu hiệu, đặc điểm nhân thân của từng tội phạm XPSH.

Trong cuốn sách “Vì sao họ phạm tội? Tình trạng thanh thiếu niên phạm tội ở các nước tư bản chủ nghĩa” do Nhà xuất bản Molodaja gvardja, Mátxcova xuất bản năm 1974. E.B. Melnikova chỉ ra các nguyên nhân dẫn thanh thiếu niên đến phạm tội gồm: Thứ nhất, sự thiếu thốn vật chất; thứ hai, phong phạm tội và tình hình tội phạm. Tác giả cuốn sách lập luận rằng “Trong xã hội tư bản, hoàn cảnh vật chất ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân thân con người về cách xử sự của họ, ảnh hưởng đó lại càng lớn đối với những người chưa thành niên khi mà họ chưa hoàn toàn được đặt vào trong các mối quan hệ xã hội rất phức tạp, không có kinh nghiệm sống, không có nghề nghiệp, trình độ học vấn không vững chắc... Cùng đó là sự chênh lệch giữa giàu và nghèo rất lớn làm ảnh hưởng tới cách xử sự của thanh thiếu niên trong các gia đình nghèo. Theo E.B. Melnikova, phong xã hội và tình hình tội phạm cũng có liên quan tới nhau, đó là các hình ảnh trên truyền hình về phong cách, lối sống sử dụng bạo lực, vũ khí... ảnh hưởng tới sự hình thành thói quen, nhu cầu, nhân cách của người chưa thành niên phạm tội [128, tr.233].

Trong cuốn sách “Nghiên cứu về phòng ngừa các tội xâm phạm thân thể” công bố vào năm 1977 do Viện khoa học Công an tổ chức dịch, G.I. Checbrarốp cho rằng “Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản, trước hết là do trình độ văn hóa thấp hoặc do tình trạng thất nghiệp. Thái độ bàng quan của quần chúng nhân dân là điều kiện để tội phạm giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản có thể xảy ra. Bên cạnh đó, những điều kiện như những sơ hở trong hoạt động tuần tra của Cảnh sát và các đội dân phòng; công tác quản lý vũ khí không chặt chẽ là những điều kiện của loại tội này [120, tr.63].

Để có thể nghiên cứu sâu sắc vấn đề lý luận nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, NCS tham khảo một số các quan điểm về tội phạm học nói chung được nêu ra trong các trường phái, học thuyết khác nhau trên thế giới. Trước hết là trường phái nhân chủng học luật hình sự Ý thế kỷ XIX. Hạt nhân của trường phái sinh học hình sự Ý là học thuyết của Lombroso trong “Der verbrecher” – “Người phạm tội”, năm 1876

về người phạm tội bẩm sinh, tức là người có biểu hiện phạm tội từ khi sinh ra căn cứ vào cấu tạo của cơ thể, đối với người này trước sau gì cũng phạm tội, không cải tạo được và bất chấp điều kiện tác động của xã hội. Tuy nhiên, với công trình sau này “Những nguyên nhân và cuộc đấu tranh” năm 1889 đã điều chỉnh học thuyết và khẳng định chỉ 1/3 số người phạm tội do bản tính quyết định, và không thể cải tạo nên chỉ áp dụng hình phạt chung thân và tử hình. Trong các công trình nghiên cứu tiếp nối quan điểm nhân chủng học Lombroso, NCS có tham khảo công trình nghiên cứu “The anatomy of violence” (tạm dịch là “Phân tích nguồn cơn bạo lực”) của giáo sư người Anh Andrian Raine, xuất bản vào năm 2013. Theo Giáo sư Andrian Raine thì có tới 50% những hành vi tội phạm chống đối xã hội đã được ngầm mặc định do sự sắp xếp của bộ gen sinh học, tuy vậy có rất ít nhà tội học muốn chạm tới vấn đề này, nó rất gây tranh cãi dù đó là một sự thực hiển nhiên mà bất cứ ai ở trong nghề đều không thể phủ nhận [116, tr.27]. Cũng với trường phái này, với quan điểm của Enrico Ferri, tuy nhiên ông cho rằng “tội phạm là một hiện tượng đồng thời có nguồn gốc sinh học, sinh lý học và xã hội”.

Một trong những trường phái khoa học mà NCS tham khảo là trường phái xã hội học luật hình sự Pháp thế kỷ XIX: Trường phái xã hội học luật hình sự có quan điểm đối lập với trường phái nhân chủng học luật hình sự Ý. Trường phái này chủ yếu nghiêng về tính quyết định của môi trường sống, của xã hội đối với sự hình thành tội phạm. Chẳng hạn trong cuốn sách “Kế hoạch lập pháp hình sự”, J Marát đã nêu bật bản chất giai cấp của tội phạm, sự phụ thuộc của tội phạm vào các điều kiện về xã hội, kinh tế, tư tưởng... Điều kiện J Marát đã làm rõ mối quan hệ mật thiết không tác rời của các tội phạm vào chế độ xã hội.

Các công trình nghiên cứu của học thuyết về tình hình tội phạm thế kỷ XX cũng được NCS tham khảo, đặc biệt là công trình nghiên cứu tội phạm học Mác xít. Chẳng hạn đó là các công trình tiêu biểu như “Die Neue Zeit” – “Tình hình tội phạm ở Pháp từ năm 1840 đến 1886 – Động thái và các nguyên nhân” của Lafargue; “Nhân thân người phạm tội” của Kudrjavcev và Minkovskij, năm 1975; “Những khía cạnh tâm lý – xã hội của THTP người chưa thành niên” của Dolgova. AI; “Tình hình tội phạm ở Liên Xô: Những vấn đề mới và cũ” của I-O.B. Golik.

Theo C. Mác “*Bản chất con người không phải là cái gì đó trừu tượng sẵn có của từng cá nhân riêng biệt, trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người thực tế là tổng hòa tất cả các mối quan hệ xã hội*”. Với những quan điểm của mình, C. Mác đã khẳng định trong quá trình sống và phát triển con người chịu sự tác động của môi trường xã hội, nhân cách con người là kết quả của sự tác động đó. Theo ông, con người khi sinh ra không phải đã mang sẵn định mệnh trở thành tội phạm. Họ chỉ trở thành tội phạm dưới những tác động xấu của môi trường như: Nghèo đói, bất công, bạo lực, thiếu thốn tình cảm hay bị ru rê, lôi kéo... đó chính là những yếu tố bất lợi kích thích tính ác trong con người, là nguyên nhân, nguồn gốc của tội phạm.

Cần nói thêm rằng trong cuốn sách “*Criminology - The Core*”, do Nhà xuất bản Cengage Learning xuất bản năm 2014, Larry Siegel đã công bố những luận điểm về tội phạm, tập trung xoay quanh mối quan hệ giữa nạn nhân với tội phạm, giữa nạn nhân với nạn nhân, bao hàm trên các lĩnh vực nghiên cứu về phạm vi, bản chất, đặc điểm người phạm tội và những nguy cơ từ những người này, phương pháp kiểm soát đối với những nguy cơ đó. Tác giả cuốn sách nói trên đã nghiên cứu một cách tổng thể về lý thuyết cơ cấu xã hội, xung đột xã hội nghiêm trọng giữa tội phạm và công lý, các lý thuyết phát triển về thiên hướng và quy luật tội phạm... theo đó, Larry Siegel đã làm rõ được khái niệm và lý thuyết tội phạm, làm nổi bật được những tính chất liên ngành của lĩnh vực khoa học này. Điểm đáng chú ý trong tác phẩm này là tác giả đã phân tích, giải quyết được nhiều điểm giao nhau giữa tính hợp pháp chính trị, pháp luật với bạo lực chính trị và hoạt động tội phạm. Nhìn chung, đây là một công trình nghiên cứu tương đối toàn diện về tội phạm, đặc biệt là kết quả của những nghiên cứu về mối quan hệ giữa nạn nhân và tội phạm, nạn nhân với nạn nhân, dự báo về các nguy cơ tái phạm đối với một số loại tội phạm như: giết người, cướp, cướp giật tài sản, cố ý gây thương tích... hướng xử lý đối với nguy cơ đó. Đây là công trình có ý nghĩa lớn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa tội phạm và ngăn chặn các nguy cơ tái phạm đối với tội phạm nói chung và nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu nói riêng.

Cuốn sách “*Youth crime and youth culture in the inner city*” (Tạm dịch: Tội phạm thanh, thiếu niên và văn hóa giới trẻ trong khu vực nội thành) của Sanders, Bill

do Nhà xuất bản New York Routledge xuất bản năm 2005. Trong công trình này, tác giả đã phân tích làm rõ bức tranh toàn cảnh về thực trạng tội phạm do thanh, thiếu niên thực hiện trong nội thành thành phố của xã hội hiện đại với xu hướng ngày càng gia tăng trong đó đáng chú ý là các hành vi phạm tội như cướp trên đường phố, trộm cắp, mua bán ma túy... Các tác giả cũng tập trung làm rõ về động cơ, thái độ của những người phạm tội và vai trò của môi trường kinh tế - xã hội tác động đến quá trình hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội. Những nghiên cứu này rất có giá trị trong việc xác định nguyên nhân của hành vi phạm tội xuất phát từ đặc điểm nhân thân người thanh, thiếu niên phạm tội, trong đó có tội xâm phạm sở hữu.

Cuốn sách *“The Liverpool underworld: crime in the city, 1750-1900”* (Tạm dịch: Thế giới ngầm ở Liverpool: Tội phạm trong thành phố giai đoạn 1750 – 1900) của tác giả Macilwee, Mick. Nhà xuất bản Liverpool University Press, năm 2011. Công trình nghiên cứu đã làm rõ được thực trạng tình hình tội phạm ở thành phố Liverpool trong thế kỉ 19. Thông qua các số liệu thống kê về tội phạm và tệ nạn xã hội, tác giả đã làm rõ về thực trạng của tình hình tội phạm và các tệ nạn như mại dâm, rượu chè, cướp giết... Tác giả cũng đi sâu phân tích về vai trò của những đặc điểm bên trong của người phạm tội, như: Động cơ, nỗi sợ hãi, sự tự hào hay khát vọng ... trong cơ chế hành vi phạm tội. Cuối cùng, tác giả đã đề xuất những giải pháp liên quan đến kiểm soát các tệ nạn xã hội hay sự gia tăng hình phạt nhằm hướng đến kiểm soát tội phạm nói chung. Với công trình này, là cơ sở để nghiên cứu sinh tham khảo về đặc điểm và tâm lý bên trong người phạm tội trong cơ chế hành vi phạm tội ở Liverpool.

Sách chuyên khảo *“Property offenders in interior Alaska: Their perception on the etiology of property crime”*, tạm dịch: “người phạm tội xâm phạm sở hữu ở Alaska: Lý giải nguyên nhân phát sinh tội phạm này” của tác giả Joe Lee Anderson, Sản xuất năm: 1985, Hoa Kỳ. Tác giả đã lý giải về nguyên nhân phát sinh tội phạm xâm phạm sở hữu ở Alaska xuất phát từ xã hội và bên trong con người phạm tội. Tác giả kết luận rằng, đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH thường là người có giáo dục tốt, có kỹ năng, có trạng thái thần kinh và tình cảm bình thường, tài chính ổn định.

Nghiên cứu về tội phạm có sử dụng bạo lực và xâm phạm tài sản trong Luận án tiến sĩ *“Examining Violent and Property Crimes in the Provinces of Turkey for the*

Years of 2000 and 2007”, (tạm dịch: Phân tích tội phạm có sự dụng bạo lực và xâm phạm tài sản ở một số tỉnh của Thổ Nhĩ Kỳ từ 2000 đến 2007), Virginia Commonwealth University, công bố năm 2010, tác giả Mus Ekrem, tác giả đánh giá thực trạng nghiên cứu đã kết luận tình trạng gia đình và GDP là hai biến có ảnh hưởng quan trọng đến tội phạm về tài sản và bạo lực (violent crime and property crime). Theo tác giả, căn cứ kết quả phân tích, tình trạng gia đình có ảnh hưởng mạnh nhất đến tội phạm liên quan đến bạo lực trong khi đó GDP lại là chỉ báo quan trọng nhất của tội phạm về tài sản.

1.1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu về thực trạng nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Quá trình nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội không thể không nghiên cứu thực trạng nhân thân người phạm tội. Do vậy, để thực hiện đề tài, NCS có tham khảo các công trình nghiên cứu ở nước ngoài về vấn đề này. Trong số những công trình ở nước ngoài được NCS tham khảo về thực trạng nhân thân người phạm tội, có thể kể đến:

Cuốn sách “*Crime and criminology in Japan*” (tạm dịch: *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại*) của Can Ueda, Giáo sư, tiến sĩ luật học, Trường Đại học Tổng hợp Ritsumeikan được dịch từ bản dịch tiếng Nga của Nhà xuất bản Tiến Bộ, Moskva, năm 1989 do Nhà xuất bản Công an nhân dân ấn hành năm 1994. Trong cuốn sách này, nhà tội phạm học người Nhật cho rằng tội phạm học không phải là khoa học duy nhất nghiên cứu tội phạm, mà là đối tượng của một số ngành khoa học khác như: Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Xã hội học, Tâm lý học, Thần kinh học... Theo Can Ueda “*Tội phạm học là khoa học nghiên cứu tội phạm và đề ra các biện pháp đấu tranh, phòng chống*”. Tác phẩm đã nghiên cứu chuyên sâu về nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, đưa ra các đặc điểm nhân thân của tội phạm đặc trưng ở Nhật như đặc điểm về giới tính, lứa tuổi: Trong số phụ nữ phạm tội bị cảnh sát bắt giữ có 42,3% là nữ vị thành niên (năm 1980); trung bình cứ 100.000 người dân trên 15 tuổi thì có 65,6 người phạm tội, trong số những người bị bắt giữ vì phạm tội năm 1981 có 0,7% người bị tổn hại về thần kinh, sự bất bình thường nhiễm sắc thể giới tính và tội phạm không có mối quan hệ với nhau. Đây là đặc điểm của tội phạm để nghiên cứu sinh tham khảo,

so sánh, làm sáng tỏ các đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu. Khi nghiên cứu về tình trạng bạo lực trong các trường phổ thông, Can Ueda cho rằng “tình trạng các nhóm lưu manh cần quấy đe dọa học sinh và các thầy cô giáo, hành vi phạm tội của chúng đã gây ra thương tích, chết người và các thiệt hại khác. Các nhóm cần quấy có tới 95% các em học sinh hư hỏng tham gia mà nguyên nhân trước hết là sự dồn nén tâm lý và hình thành ý thức phá hoại; một số do rèn luyện kém trở nên lỗ mãng, ngỗ ngược; do ảnh hưởng; do ảnh hưởng của phim ảnh, sách báo có nội dung bạo lực rùng rợn; sự đô thị hóa nhanh phá vỡ xã hội truyền thống làm phát triển tư tưởng cá thể, thói ích kỷ” [14].

Trong cuốn sách chuyên khảo “Robbery facts, Violent crimes against persons”, khi nghiên cứu các vụ cướp tài sản ở Hoa Kỳ trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2010, Chris E. McGoeey đã kết luận “độ tuổi của người phạm tội cướp tài sản cũng rất đa dạng: Độ tuổi 18 - 19 chiếm 6,5%, độ tuổi 20 - 30 chiếm 42%, độ tuổi 31- 40 chiếm 25,8%, độ tuổi 41 - 50 chiếm 14,5% trên 50 tuổi chiếm 11,3%, trên 75 tuổi chiếm 1,6%. Nam giới phạm tội cướp tài sản chiếm 92%, nữ giới phạm tội cướp tài sản chiếm phần còn lại. Người da đen chiếm 54%, người da trắng chiếm 44%, tất cả các chủng tộc khác chiếm phần còn lại” [120, tr.126].

Công trình “*Race, crime, and justice*” (Tạm dịch: Chủng tộc, tội phạm và công lý) của các tác giả Shaun L. Gabbidon và Helen Taylor Greene, Nhà xuất bản Routledge, New York, năm 2005. Công trình có sự tham gia của nhiều học giả tên tuổi với 15 chuyên khảo nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của tình hình tội phạm. Đặc biệt chuyên đề thứ 11 có chủ đề “Up it up: Gender and the accomplishment of street robbery” (Tạm dịch: Chủ đề nóng: Giới tính và hậu quả của tội cướp trên đường phố) của học giả Jody Miller có nội dung rất rộng... Theo học giả Jody Miller, cho thấy nam giới tương đối phù hợp cho việc thực hiện hành vi phạm tội cướp, cướp giật đường phố; còn đối với nữ giới, mặc dù thường thực hiện các hành vi phạm tội liên quan đến mại dâm, nhưng điều đó không loại trừ nữ giới thực hiện các hành vi phạm tội cướp, cướp giật đường phố. Nữ giới, đặc biệt là nữ giới Mỹ gốc Phi có liên quan nhiều hơn đến các tội phạm bạo lực và tội cướp, cướp giật đường phố hơn phụ nữ da trắng. Điều đó cho thấy ngoài giới tính, chủng tộc cũng có vai trò đáng kể đến việc thực hiện các

tội phạm bạo lực, tội cướp và cướp đường phố. Đây là đánh giá hữu ích về thực trạng đặc điểm về giới tính và chủng tộc người phạm tội để nghiên cứu sinh tham khảo liên quan luận án.

1.1.2.3. Nhóm công trình nghiên cứu về các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu từ khía cạnh nhân thân người phạm tội

Một số công trình ở nước ngoài làm cơ sở để tác giả tham khảo để áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình nhân thân người phạm tội XPSH sau:

Cuốn sách “Cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tội phạm” của Mikovskij G.M do Nxb. Max-xcơ-va, Jurid, Literature, năm 1977 (bản dịch của Viện thông tin Khoa học xã hội, năm 1982). Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở lý luận của phòng ngừa tội phạm. Công trình chỉ rõ tội phạm là một hiện tượng xã hội và phương hướng đấu tranh chống tội phạm cơ bản nhất là phòng ngừa tội phạm.

Tác phẩm “*Crime prevention - Theory and Practice*” (Tạm dịch: Phòng ngừa tội phạm - Lý luận và thực tiễn) của Stephen R. Schneider giáo sư về lĩnh vực khoa học xã hội học và tội phạm, thuộc Đại học Saint mary, Halifax, Nova Scotia, Canada. Với công trình này, Stephen R. Schneider đã đưa ra và giải thích một cách khoa học về hoạt động phòng ngừa tội phạm như: Giảm nguy cơ phạm tội bằng cách thay đổi hành vi của các nạn nhân tiềm tàng trong xã hội; giám sát mọi cơ hội tiếp cận để phòng ngừa hành vi phạm tội; các biện pháp kiểm soát lãnh thổ, không gian, kiểm soát xã hội không chính thức, nhằm giảm những nguyên nhân, điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm. Tác giả cũng chỉ ra được những hạn chế và cách giải quyết những hạn chế của việc áp dụng các giải pháp giải quyết vấn đề xã hội cho người phạm tội, tập trung vào công tác phòng ngừa tái phạm, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong phòng ngừa tội phạm.

Một trong những công trình khoa học mà NCS tham khảo có “Cơ sở lý luận của phòng ngừa tội phạm” của tác giả G.M. Mikovskij do Nhà xuất bản pháp lý Mátxcova xuất bản năm 1977. Trong công trình nghiên cứu này G.M. Mikovskij cho rằng “để phòng ngừa tội phạm, cần phải nâng cao đời sống vật chất của quần chúng nhân dân, không ngừng tăng cường tích cực tự giác của quần chúng trong phòng, chống tội phạm, phải theo dõi và thống kê đầy đủ; kịp thời nghiên cứu tội phạm và các điều kiện

làm nảy sinh tội phạm để có cơ sở đề ra các biện pháp phòng, chống tội phạm có hiệu quả; áp dụng kịp thời hình phạt đối với người phạm tội để phòng ngừa tội phạm. G.M. Mikovskij cũng cho rằng “phòng ngừa tội phạm phải bao gồm biện pháp loại trừ các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, các điều kiện sống không lành mạnh và không ổn định; phát triển các tiêu đề cho việc nâng cao trình độ văn hóa của con người trong xã hội; mở rộng hơn nữa điều kiện giáo dục gia đình” [127, tr.196 - 207].

Trong luận văn thạc sỹ luật học “*Đặc điểm hình sự tội phạm cướp giật tài sản công dân trên địa bàn thành phố Phnômpenh vương quốc Campuchia*” do tác giả Ly SuViChhay bảo vệ tại Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2005. Nội dung của luận văn đã xác định những nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cướp giật tài sản trên địa bàn Phnômpenh và hệ thống các biện pháp phòng ngừa nhằm kéo giảm, hướng tới xóa bỏ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Tác giả chỉ rõ, để phòng ngừa đối với loại tội này cần áp dụng đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa sau: Thực hiện tốt công tác xây dựng đặc tình và cơ sở bí mật trên những khu vực phức tạp nhằm chủ động phát hiện các đối tượng phạm tội cướp giật tài sản; công tác sưu tra quản lý đối tượng có nhiều khả năng gây ra các vụ cướp giật tài sản công dân, trong đó chú ý đến các đối tượng thuộc loại nguy hiểm như: lưu manh chuyên nghiệp, có tiền án, tiền sự...; tuần tra, kiểm soát công khai các khu vực thường xuyên xảy ra các vụ cướp giật tài sản, trong đó chú ý các tuyến trọng điểm, tổ chức phục kích, đón lõng vào những thời gian cao điểm ở các khu vực, tuyến thường xảy ra tội phạm.

Trong cuốn sách “Research on the prevention of the crimes of the body”, tác giả G.I. Checbrarop cho rằng “để phòng ngừa tội phạm xâm phạm thân thể của con người trước hết phải bắt đầu từ phòng ngừa xã hội nói chung. Bên cạnh đó, cần áp dụng các biện pháp như đối phó kịp thời và nhạy bén đối với bất cứ hành vi vi phạm pháp luật nào xảy ra hoặc có thể xảy ra; tăng cường tuần tra kiểm soát, bảo đảm trật tự ở những nơi công cộng; nâng cao tính tích cực của công dân trong đấu tranh với loại tội phạm này, đấu tranh xử lý tình trạng mua bán, tàng trữ vũ khí bất hợp pháp và tuyên truyền để nhân dân đem nộp vũ khí mà họ còn cất giữ; tuân thủ triệt để điều lệ về giám sát hành chính đối với những người được tha ra khỏi nhà tù và thiết lập sự kiểm tra của xã hội đối với những người này; nâng cao hiệu quả của cơ quan cảnh sát; kịp thời khám

phá và truy xét có chất lượng những vụ án về các tội phạm xâm phạm thân thể của con người” [120, tr.165].

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

Việc tham khảo các công trình nghiên cứu ở trong nước và ở nước ngoài có liên quan hoặc về nhân thân người phạm tội theo các nhóm vấn đề lý luận, thực trạng nhân thân người phạm tội và các giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nhìn từ góc độ nhân thân người phạm tội cho phép NCS kết luận:

Thứ nhất, phần lớn các công trình nghiên cứu có đề cập nghiên cứu nhân thân người phạm tội dưới góc độ tội phạm học đều nghiên cứu nhân thân người phạm tội trong mối liên hệ với các vấn đề khác như tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và các giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, loại tình hình tội phạm hay tình hình một tội phạm nói riêng.

Thứ hai, ở những mức độ khác nhau các công trình nghiên cứu đó đều phân tích nội hàm và các dấu hiệu (đặc điểm) của nhân thân người phạm tội; nêu bật được ý nghĩa của việc nghiên cứu về nhân thân người phạm tội nhìn từ góc độ của chuyên ngành nghiên cứu tương ứng. Điểm chung của các công trình nghiên cứu thể hiện đó là những dấu hiệu (đặc điểm) của cá nhân người phạm tội và chúng được hình thành từ sự tác động của các nhân tố (yếu tố) khách quan và chủ quan khác nhau. Tuy nhiên, trong các công trình nghiên cứu được tham khảo có sự phân loại khác nhau về các dấu hiệu (đặc điểm) của nhân thân người phạm tội. Về cơ bản, các công trình được tham khảo có cách tiếp cận giống nhau về sự tác động của các yếu tố đến sự hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội.

Thứ ba, khá nhiều vấn đề quan trọng liên quan hoặc gắn với vấn đề nhân thân người phạm tội chưa được đề cập nghiên cứu, chẳng hạn như tình hình nhân thân người phạm tội, cơ chế hành vi phạm tội nhìn từ góc độ nhân thân người phạm tội, các giải pháp khắc phục những hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực tác động tiêu cực đến sự hình thành nhân thân người phạm tội...

1.3. Những vấn đề đặt ra nghiên cứu trong luận án

1.3.1. Những vấn đề đặt ra về lý luận, thực tiễn và giải pháp

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội XPSH, rút ra ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH có tác dụng gì đến công tác phòng ngừa tội phạm; phân loại nhân thân người phạm tội XPSH, làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội gồm những đặc điểm gì và những hiện tượng xã hội tiêu cực nào tác động làm hình thành nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH.

Thứ hai, trên cơ sở nền tảng lý luận về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, nghiên cứu sinh sử dụng để làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền ĐNB giai đoạn 2008-2017, từ đó phục vụ công tác phân loại, phòng ngừa tội phạm được hiệu quả.

Thứ ba, từ thực trạng các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB đã phân tích được, nghiên cứu sinh tiếp tục khảo sát thực tế để đánh giá những hiện tượng xã hội tiêu cực nào từ môi trường sống và thuộc về người phạm tội tác động hình thành nên đặc điểm nhân thân tiêu cực ở người phạm tội XPSH làm thúc đẩy hành vi phạm tội.

Thứ tư, từ kết quả nghiên cứu về lý luận, thực trạng các đặc điểm tiêu cực và những hiện tượng tiêu cực tác động hình thành nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, nghiên cứu sinh sẽ đề xuất những giải pháp nhằm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn ĐNB nhìn từ góc độ nhân thân người phạm tội trong thời gian tới.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

- Làm rõ những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội XPSH?
- Phân loại nhân thân người phạm tội XPSH gồm những loại nào?
- Tình hình đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB từ năm 2008 đến năm 2017?
- Những hiện tượng tiêu cực tác động hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB?

- Trong thời gian tới, tình hình đặc điểm và những hiện tượng tiêu cực tác động hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB sẽ như thế nào?

- Địa nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB có đặc trưng gì? so sánh với các vùng, miền khác?

- Những giải pháp phù hợp với địa lý học tội phạm nhằm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn ĐNB nhìn từ góc độ nhân thân người phạm tội trong thời gian tới?

1.3.3. Giả thuyết nghiên cứu

Với đề tài như trên, tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu như sau:

- Nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB từ năm 2008 đến năm 2017 với những đặc điểm sau: Tội phạm chủ yếu là nam giới, độ tuổi từ 18 đến 30, thất nghiệp hoặc không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, xuất thân gia đình có điều kiện khó khăn về kinh tế, thường sống trong gia đình khiếm khuyết, bất hòa, không hạnh phúc, có trình độ học vấn thấp; đa số là những người có tư tưởng hám lợi, ăn bám, tham lam, chây lười lao động, có nhu cầu, sở thích lệch lạc, tham gia vào các hoạt động tệ nạn xã hội, tâm lý coi trọng đồng tiền, xuống cấp về đạo đức; thường có tiền án, tiền sự, tái phạm nguy hiểm...

- Phân tích thực trạng những hiện tượng tiêu cực tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH, nghiên cứu sinh phân tích những hiện tượng từ các lĩnh vực từ môi trường sống như: kinh tế, văn hóa, xã hội, gia đình, nhà trường, công tác quản lý...; những hiện tượng tiêu cực từ cá nhân người phạm tội như: Ý thức pháp luật, sở thích, nhu cầu... Từ đó là cơ sở để áp dụng các biện pháp phòng ngừa được hiệu quả.

- Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn về nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ từ năm 2008 đến năm 2017, tác giả lựa chọn các giải pháp phòng ngừa tối ưu, phù hợp với thực tế góp phần giải quyết tốt tình hình tội XPSH trong tương lai trên địa bàn miền ĐNB, bao gồm các giải pháp loại bỏ các yếu tố tiêu cực tác động đến quá trình hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu và giải pháp phòng ngừa đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu đã hình thành.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Phòng ngừa tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu cần phải được thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, dưới nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau, trong đó biện pháp tác động ảnh hưởng trực tiếp tới nhân thân người phạm tội là rất quan trọng để chuyển biến những nhân thân tiêu cực trở nên tích cực hơn, có trách nhiệm với xã hội. Việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội còn cho phép xác định được những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến việc hình thành đặc điểm tiêu cực ở con người dẫn đến hành vi phạm tội, từ đó là cơ sở để nghiên cứu sinh có thể đưa ra các biện pháp phòng ngừa hiệu quả từ góc độ nhân thân người phạm tội.

Để tiếp cận giải quyết vấn đề nghiên cứu về nhân thân người phạm tội XPSH, nghiên cứu sinh làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về nhân thân người phạm tội XPSH qua các tài liệu trong và ngoài nước có liên quan như luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, giáo trình, sách chuyên khảo, bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành... từ đó tiếp cận một cách khái quát, toàn diện về nhân thân người phạm tội XPSH.

Tuy nhiên, qua đánh giá cho thấy ở nước ta hiện nay chưa có công trình nào ở tầm luận án tiến sĩ nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về lý luận và thực tiễn về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu mà chỉ dừng ở lý luận tội phạm học về nhân thân người phạm tội nói chung. Trong khi đó như đã nhấn mạnh việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có ý nghĩa đối với việc xác định phương pháp, biện pháp phòng ngừa theo từng nhóm, loại, theo từng đặc điểm từng vùng của tội phạm xâm phạm sở hữu nhằm hạn chế, loại trừ những hiện tượng xã hội tiêu cực vốn góp phần hình thành nhân thân người phạm tội trong xã hội.

Chính vì vậy, nghiên cứu sinh đã làm rõ lý luận và thực trạng trong chương 1 của luận án, bao gồm tập trung nghiên cứu, phân tích và làm sáng tỏ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế cũng như những khoảng trống về mặt khoa học thể hiện trong các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trong và ngoài nước, như: Các công trình nghiên cứu làm rõ về mặt lý

luận và thực tiễn nhân thân người phạm tội nói chung và XPSH nói riêng, các công trình về giải pháp phòng ngừa tội phạm XPSH dưới góc độ nhân thân người phạm tội, phân tích những vấn đề vướng mắc, hạn chế cần đặt ra khi tiếp cận nghiên cứu, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm XPSH xét về khía cạnh nhân thân người phạm tội.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU

2.1. Khái niệm, ý nghĩa, phân loại và đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

2.1.1. Khái niệm nhân thân con người và nhân thân người phạm tội

Để nghiên cứu một cách khái quát và toàn diện về nhân thân người phạm tội nói chung và xâm phạm sở hữu nói riêng, trước hết cần phải tìm hiểu về nhân thân con người cụ thể.

Khái niệm nhân thân con người được xây dựng dựa trên cơ sở của phương pháp luận Mac - Lênin làm điểm xuất phát nghiên cứu nhân thân người phạm tội, điển hình là phương pháp tiếp cận lịch sử - xã hội được sử dụng để tiếp cận con người trong một thực thể xã hội, đánh giá trên một quá trình, điều kiện lịch sử cụ thể để tìm hiểu nhân thân con người và người phạm tội.

Theo C.Mac “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” và “sự phát triển của cá nhân được quyết định bởi sự phát triển của tất cả những cá nhân khác” [8, tr.21].

Con người với bản chất là tổng hòa các mối quan hệ của xã hội và là chủ thể của các mối quan hệ xã hội, nên để làm rõ nhân thân con người, trước hết cần nhận thức về con người và đặc điểm của con người. Theo quan điểm Mac-xít thì “con người là sản phẩm tự nhiên và xã hội. Con người được tự nhiên sinh ra cho nên trước tiên mang các đặc tính của sinh vật. Cái sinh học trong con người quy định sự hình thành những hiện tượng và quá trình tâm lý trong con người” [93, tr.255]

Con người trước hết là sản phẩm của tự nhiên, thực thể sinh học và mang đặc tính sinh học. Cùng với đặc tính sinh học này, con người tồn tại và phát triển ở môi trường sống xung quanh và thông qua hoạt động bộ não của mình, con người tác động vào thế giới quan và tham gia vào các quan hệ xã hội. Đồng thời, cũng thông qua hoạt động bộ não của mình, con người chịu sự tác động ngược lại của môi trường sống, từ đó hình thành đặc tính xã hội riêng biệt của mình. Chính các hoạt động đa dạng đó

giúp cho con người trở thành một cá nhân riêng biệt trong tổng hòa các mối quan hệ xã hội và mang đặc tính xã hội riêng biệt. Các mối quan hệ tác động qua lại này đã hình thành nên nhân cách con người, hay gọi khác đi hình thành những đặc điểm tâm lý, sinh lý, đạo đức xã hội riêng biệt của cá nhân. Chính điều đó cho phép lý giải tại sao con người tuy sống trong môi trường sống giống nhau nhưng có đặc điểm, tính cách, tâm- sinh lý khác nhau. Như vậy, con người được đề cập là sản phẩm của tự nhiên và của xã hội. Tuy nhiên, đặc tính sinh học chỉ là yếu tố thúc đẩy, tạo điều kiện chứ không quyết định sự hình thành nhân cách cá nhân con người vì ý thức, hành vi của con người, được trung chuyển bởi các đặc điểm xã hội của họ.

Tìm hiểu về nhân thân là nghiên cứu khách thể của con người với những đặc điểm, tính chất riêng biệt của con người tồn tại khách quan không phụ thuộc vào ý thức của con người. Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, vì vậy qua sự tác động qua lại giữa môi trường xã hội và con người thông qua bộ não nhận thức, hình thành đặc điểm tính chất riêng biệt của con người. Khi nói đến nhân thân con người là tổng hợp các đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất con người khi tham gia, tác động và chịu sự tác động của các quan hệ xã hội. Các đặc điểm khách quan này có thể chia thành: nhân chủng học, dân tộc học, tâm lý, sinh lý, xã hội và về tư pháp hình sự.

Từ sự phân tích trên, cho phép tác giả đưa ra khái niệm nhân thân con người như sau: *Nhân thân con người là sự tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu, mối quan hệ xã hội của mỗi con người cụ thể, bao gồm: nhân chủng học, dân tộc học, về tâm lý, sinh lý, về xã hội và về tư pháp hình sự, thể hiện tính cá biệt, không lặp lại của một con người cụ thể.*

Tội phạm học ở nước ta, lấy nền tảng là tội phạm học xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu tội phạm trên cơ sở xuất phát từ quan điểm người phạm tội, dù phạm một tội nguy hiểm đến đâu đi chăng nữa nói cho cùng vẫn là một con người cụ thể; con người sinh ra không phải để trở thành người phạm tội.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội là nghiên cứu một phần của nhân thân con người với tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu, mối quan hệ xã hội của con người. Từ đặc điểm nhân thân con người, từ khi sinh ra và lớn lên, dưới sự tác động của yếu tố xã hội hình thành nhân cách đặc trưng của mỗi người, dựa vào hành vi của con người khi

tác động ngược lại môi trường sống được phân loại dưới hai hướng: Tích cực và tiêu cực. Nếu con người phát triển nhân cách theo hướng tích cực sẽ là một người có nhân thân tốt, giúp ích cho xã hội, trách nhiệm với bản thân, gia đình. Ngược lại, nếu con người phát triển nhân cách theo hướng tiêu cực sẽ thực hiện các hành vi vi trái đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật Hình sự sẽ trở thành người phạm tội với nhân thân xấu.

Nhân cách tiêu cực là một phần của đặc điểm nhân thân người phạm tội, phải là người phạm tội có lỗi, vi phạm pháp luật hình sự. Tìm hiểu nhân thân người phạm tội là phân tích đặc điểm nhân thân con người phát triển theo hướng tiêu cực với khái niệm rộng, nội dung hàm chứa lớn, thể hiện bản chất xã hội của con người, phản ánh một tổng thể các dấu hiệu, các đặc tính, các mối quan hệ đặc trưng cho con người; thể giới tinh thần và đạo đức của con người được xét trong sự phát triển, trong tác động qua lại với các điều kiện sinh hoạt xã hội và cá nhân ở một chừng mực nào đó nó đã quyết định việc thực hiện tội phạm [123].

Dưới góc độ tội phạm học, để phòng ngừa tình hình tội phạm tội, cần thiết phải làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội, tức nghiên cứu đặc điểm nhân cách tiêu cực phạm tội và quá trình hình thành các đặc điểm tiêu cực của cá nhân người phạm tội từ đó đưa ra các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả. Để thực hiện được điều đó, trước hết cần phải làm rõ khái niệm nhân thân người phạm tội. Có nhiều quan điểm khác nhau về nhân thân người phạm tội. Chẳng hạn, theo quan điểm tác giả Lý Văn Quyền cho rằng *“khái niệm NTNPT được hiểu là nhân thân người có lỗi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự cấm đoán và trừng phạt”*. Theo một quan điểm khác *“NTNPT là tổng hợp các đặc tính, các dấu hiệu thể hiện bản chất của con người mà trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định và dưới tác động của chính các điều kiện, hoàn cảnh đó động cơ phạm tội nảy sinh”* [133]. Cũng có quan điểm cho rằng *“nhân thân người phạm tội là tổng hòa các yếu tố, các đặc điểm riêng biệt của người phạm tội ở một địa bàn hành chính – lãnh thổ nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định về các mặt tâm – sinh lý – xã hội, nhân khẩu – nhân chủng học, dân tộc học và pháp lý, những cái có ý nghĩa, có giá trị thiết thực cho việc xác định nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để có giải pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp.”*[14].

Các quan điểm trên đây ở những mức độ nhất định đã làm rõ những đặc điểm cơ bản của nhân thân người phạm tội. Tuy nhiên, xét trên nhiều phương diện NCS đồng quan điểm với khái niệm nhân thân người phạm tội theo đó: “*NTNPT tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm được hiểu là tổng thể các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó*” [102, tr.126].

Với khái niệm trên thì nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, dấu hiệu của những người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm. Những đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng đó góp phần truy nguyên những yếu tố tiêu cực tác động ảnh hưởng đến sự phát triển hình thành nhân cách tiêu cực và hành vi nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội.

2.1.2. Khái niệm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Các tội xâm phạm sở hữu là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi Luật hình sự quy định thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến quan hệ sở hữu mà theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự. Những hành vi phạm tội đó được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Hình sự năm 1999 và hiện nay là Chương XVI của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các tội xâm phạm sở hữu quy định tại Chương XIV của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 1999) gồm 13 tội xâm phạm sở hữu: Điều 133. Tội cướp tài sản; Điều 134. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Điều 135. Tội cưỡng đoạt tài sản; Điều 136. Tội cướp giết tài sản; Điều 137. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; Điều 138. Tội trộm cắp tài sản; Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Điều 140. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Điều 141. Tội chiếm giữ trái phép tài sản; Điều 142. Tội sử dụng trái phép tài sản; Điều 143. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; Điều 144. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản Nhà nước; Điều 145. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản. Trong BLHS 2015 các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Điều 168 đến 180, Chương XVI BLHS, cơ bản nội dung các điều luật trong chương

này vẫn được giữ nguyên. Việc sửa đổi, bổ sung ở BLHS 2015 bảo đảm phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, tăng cường bảo vệ quyền về sở hữu tài sản, đặc biệt là các tài sản có giá trị tinh thần đặc biệt của người dân (kỷ vật của liệt sỹ...); bảo đảm đối xử bình đẳng giữa chính sách xử lý hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước với hành vi xâm phạm tài sản của cá nhân theo tinh thần của Hiến pháp 2013. Sửa đổi đặc biệt có liên quan đến nhân thân người phạm tội XPSH như: Mở rộng khách thể bảo vệ đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; bỏ hình phạt tử hình đối với tội cướp tài sản (hình phạt cao nhất là chung thân); bỏ hình phạt tù chung thân đối với các tội: Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội trộm cắp tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (hình phạt cao nhất là 20 năm tù)...

Như vậy, trên cơ sở khái niệm nhân thân con người, nhân thân người phạm tội và quy định của các tội XPSH tại Bộ luật Hình sự năm 2015, khái niệm nhân thân người phạm tội XPSH như sau:

“NTNPT xâm phạm sở hữu tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quan hệ sở hữu bị luật hình sự quy định là tội phạm, được hiểu là tập hợp các dấu hiệu, đặc điểm về xã hội - nhân khẩu học, đạo đức tâm lý, pháp lý hình sự thuộc về cá nhân người phạm tội xâm phạm sở hữu, có ý nghĩa cho việc nghiên cứu, phòng ngừa tội phạm”.

2.1.3. Ý nghĩa nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH nói riêng và nhân thân người phạm tội nói chung có ý nghĩa rất quan trọng đối với nhiều ngành khoa học khác nhau như: Tội phạm học, khoa học luật hình sự, khoa học Luật Tổ tụng hình sự, khoa học Điều tra tội phạm, Tội phạm học, xã hội học, Tâm lý tội phạm, tâm thần học... Tuy cùng nghiên cứu về nhân thân người phạm tội nhưng mỗi ngành khoa học lại có mục đích, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu riêng.

Trong khoa học luật hình sự việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội nhằm xác định và đánh giá hành vi phạm tội, trách nhiệm hình sự và quyết định biện pháp xử lý hình sự đối với người phạm tội theo luật hình sự.

Tâm lý học tư pháp nghiên cứu người phạm tội nhằm xác định năng lực trách nhiệm hình sự và xử lý những người phạm tội là người mắc các bệnh về tâm lý, tâm thần. [62, tr.145]

Trong tội phạm học, nghiên cứu nhân thân người phạm tội sẽ rộng hơn so với các ngành khoa học khác. Vì vậy, nghiên cứu nhân thân người phạm tội nói chung và người phạm tội XPSH nói riêng có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn, liên quan mật thiết với các ngành khoa học khác, là cơ sở thông tin về lý luận, thực tiễn để các ngành khoa học khác tham khảo, nghiên cứu. Có thể khái quát một số ý nghĩa quan trọng khi nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH:

- Trao đổi những thông tin hữu ích cho các ngành khoa học pháp lý khác:

Làm rõ những đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng về nhân khẩu, tâm - sinh lý... của nhân thân người phạm tội XPSH trong tội phạm học, từ đó truy nguyên quá trình sinh ra, lớn lên, ảnh hưởng từ môi trường sống của một con người cụ thể để giải thích vì sao lại thực hiện hành vi phạm tội XPSH có tác dụng trao đổi thông tin hữu ích về mặt lý luận, thực tiễn cho các ngành khoa học pháp lý khác, điển hình như:

Dưới góc độ Pháp luật hình sự cung cấp những thông tin về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nghề nghiệp, trình độ học vấn, hoàn cảnh gia đình, động cơ, mục đích phạm tội, xu hướng tội phạm xét theo nhân thân XPSH giúp cho cơ quan bảo vệ pháp luật giải quyết một cách đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự của người đó, như: Đề quyết định hình phạt, đề định tội, đề định khung hình phạt, làm tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc miễn, giảm chấp hành hình phạt... Ngoài ra, làm rõ các đặc điểm, dấu hiệu, các yếu tố tác động từ môi trường sống của nhân thân người phạm tội XPSH còn là cơ sở để các nhà làm luật xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự chương Các tội XPSH của BLHS.

Trong khoa học Luật tố tụng hình sự dựa vào những thông tin phản ánh về nhân thân người phạm tội XPSH để điều chỉnh những quy phạm pháp luật quy định về trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với người phạm tội XPSH nhằm sao cho phù hợp nhất và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng phạm tội, và là căn cứ quan trọng để cơ quan tư pháp hình sự lựa chọn các biện pháp ngăn chặn, thực nghiệm điều tra, khám xét...

Dưới góc độ luật Thi hành án hình sự, thì nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH là cơ sở thông tin hữu ích để phân loại, cải thiện các biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội đang chấp hành án phạt tù và chuyển biến nhân thân tốt, tái hòa nhập được với cộng đồng xã hội, ngăn ngừa tái phạm tội.

Đối với Khoa học Điều tra hình sự dựa trên những thông tin hữu ích về nhân thân người phạm tội XPSH là một trong những căn cứ quan trọng để cơ quan CSĐT phân loại từng đối tượng, áp dụng các phương pháp, chiến thuật điều tra linh hoạt, phù hợp với từng đặc điểm tâm - sinh lý đặc trưng của tội phạm, giúp cho cơ quan CSĐT xác định đối tượng nhanh chóng, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hỏi cung, lấy lời khai, đối chất, cảm hóa đối tượng... Từ đó, đảm bảo đề nghị khởi tố, truy tố đúng người đúng tội đối tượng phạm tội XPSH.

- Xác định nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm XPSH nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội:

Con người sinh ra không phải là người phạm tội, có sẵn nhân cách tiêu cực mà quá trình sinh ra và lớn lên, họ phạm tội là do tương tác với các yếu tố tiêu cực từ môi trường bên ngoài tác động đến tâm - sinh lý của con người hình thành ở họ đặc điểm nhân cách tiêu cực để rồi trong sự tác động với tình huống xã hội tiêu cực dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội nói chung và XPSH nói riêng.

Như vậy, qua phân tích làm rõ hệ thống những đặc điểm nhân thân người phạm tội nói chung và XPSH nói riêng thông qua đặc điểm tâm - sinh lý riêng biệt thì có thể xác định, luận giải nguyên nhân và điều kiện nào tác động đến nhân thân và làm phát sinh hành vi phạm tội hay nói cách khác là đặt câu hỏi tại sao lại hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH. Có thể kể đến nhóm nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm xuất phát từ môi trường sống bên ngoài tác động như: gia đình, nhà trường, bạn bè, sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan nhà nước... hay xuất phát từ yếu tố chủ quan của người phạm tội như: Lười biếng, ăn chơi, đua đòi, thích hưởng thụ, quan điểm lệch lạc, coi thường pháp luật, tài sản của người khác... từ đó làm phát sinh hành vi phạm tội XPSH của con người có nhân thân tiêu cực.

- Giúp đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm XPSH:

Sau khi đã phân tích, làm rõ lý luận và thực trạng hệ thống đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH, luận giải những hiện tượng xã hội tiêu cực từ môi trường sống làm tác động, hình thành nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH, giúp cho nghiên cứu sinh có thể đưa ra những biện pháp phòng ngừa tội XPSH từ khía cạnh nhân thân được hiệu quả bằng cách tác động đến môi trường sống, đến mỗi cá nhân người phạm tội, đến những tình huống cụ thể từ đó làm hạn chế, dần loại trừ những đặc điểm tiêu cực trong nhân thân mỗi con người, góp phần quan trọng trong phòng ngừa tội phạm từ góc độ nhân thân người phạm tội được hiệu quả.

- Đề ra các biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội XPSH:

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH giúp người nghiên cứu hiểu rõ được các đặc điểm tiêu cực của người phạm tội về động cơ, mục đích phạm tội, thói quen, tính cách... từ đó là cơ sở để phân loại theo từng nhóm người phạm tội khác nhau để xây dựng các biện pháp giáo dục, cải tạo theo từng nhóm, từng đối tượng phạm tội XPSH khác nhau phù hợp với đặc điểm đặc trưng của từng cá nhân người phạm tội, từ đó mới đạt được hiệu quả cao trong phương pháp giáo dục, tuyên truyền, cảm hóa đối với người phạm tội đã hình thành nhân thân xấu, tránh tái phạm tội XPSH đối với người đã chấp hành xong án phạt tù và trở về địa phương, tham gia lao động sản xuất và trở thành người có ích cho xã hội.

- Khắc phục nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH trở nên tốt hơn:

Quá trình nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH giúp cho nghiên cứu sinh hiểu rõ được đặc điểm, tính chất, mức độ tiêu cực của cá nhân, nhóm người phạm tội XPSH và lý giải nguyên nhân và điều kiện nào từ hiện tượng xã hội tiêu cực ở môi trường sống tác động làm hình thành nhân cách tiêu cực. Từ đó, đề xuất các giải pháp hướng đến khắc phục, chuyển biến, cảm hóa những nhân thân tiêu cực phạm tội trở nên tốt hơn, sống có trách nhiệm với cộng đồng xã hội, tôn trọng pháp luật và quyền sở hữu tài sản của người khác, đặc biệt là không thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, đối với những nhân thân tốt trong trong đời sống xã hội cũng trở nên tích cực hơn, nâng cao nhận thức về ý thức pháp luật, tạo sức lan tỏa về tấm gương người tốt, việc tốt để hướng đến dần loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong đời sống xã hội.

2.1.4. Phân loại nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Phân loại người có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân hóa, bảo đảm sự phù hợp tối ưu của các biện pháp phòng ngừa với khách thể và đối tượng [81, tr.144-145]. Việc phân loại đặc điểm nhân thân của mỗi người phạm tội nói chung và tội phạm XPSH nói riêng có ý nghĩa quan trọng để xây dựng, bổ sung cơ sở lý luận về nhân thân người phạm tội XPSH và thực tiễn áp dụng biện pháp phòng ngừa.

Đối với hình thức phân loại nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu là cách thức chia những dấu hiệu, đặc trưng, đặc điểm của những người phạm tội XPSH trên thực tiễn thành các nhóm khác nhau theo những tiêu chí nhất định để nghiên cứu, hiểu rõ hơn và bổ sung, hoàn thiện về hệ thống lý luận nhân thân người phạm tội XPSH. Ngoài ra, còn giúp nghiên cứu sinh làm rõ được nhiều nhóm phân loại cụ thể của nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB, từ đó có thể so sánh ĐNB với vùng miền khác như thế nào, hoặc dựa vào những phân loại nào để áp dụng vào thực tiễn có hiệu quả nhất đối với công tác phòng ngừa? phân tích truy nguyên những hiện tượng tiêu cực nào làm phát sinh hành vi phạm tội và đặc điểm tiêu cực của tội phạm? áp dụng những chương trình giáo dục, cải tạo cho phù hợp với những nhóm đối tượng cụ thể để phòng ngừa tội phạm XPSH được hiệu quả.

Từ nhận thức trên có thể thấy sự cần thiết để phân loại nhân thân người phạm tội XPSH ở miền ĐNB và để phòng ngừa tội phạm XPSH nhìn từ góc độ nhân thân thì nhóm phân loại nào có giá trị nhất? Có nhiều cách phân loại nhân thân người phạm tội XPSH dựa vào đặc điểm, yếu tố, dấu hiệu bên ngoài hoặc động cơ bên trong người phạm tội. Trước hết, việc phân loại người phạm tội có thể tiến hành dựa vào đặc điểm nhân chủng học - xã hội của người phạm tội, tức là dựa trên những đặc điểm bên ngoài như về giới tính, lứa tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình... Với cách phân loại này có thể xác định được những khuynh hướng chung của công tác phòng ngừa [102, tr.146].

Diễn hình như phân loại nhân thân người phạm tội XPSH theo nhóm tội danh được quy định tại Chương XVI - BLHS năm 2015, từ Điều 168 đến 180, cụ thể: Điều 168. Tội cướp tài sản; Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản; Điều 171. Tội cướp giật tài sản; Điều 172. Tội công nhiên chiếm

đoạt tài sản; Điều 173. Tội trộm cắp tài sản; Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản; Điều 177. Tội sử dụng trái phép tài sản; Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản. Việc phân loại nhân thân người phạm tội XPSH theo nhóm tội danh giúp nghiên cứu sinh xác định được tính chất, mức độ nguy hiểm của nhân thân theo tội danh cụ thể và so sánh với nhân thân người phạm tội khác trong nhóm tội, theo từng vùng, miền...

Tuy nhiên, phân loại dựa vào đặc điểm nhân chủng học - xã hội chỉ làm rõ được khái quát các đặc điểm, dấu hiệu bên ngoài, mà chưa thể hiện một cách đầy đủ, toàn diện nhân thân người phạm tội XPSH. Vì vậy, chỉ giải quyết những nhiệm vụ phân loại cơ bản chứ chưa thể soạn thảo các biện pháp phòng ngừa mang tính cụ thể. Cách phân loại này cần thiết phải kết hợp với các cách phân loại khác, chẳng hạn như phân loại cụ thể hơn đối với từng đặc điểm bên trong của người phạm tội để làm rõ các tính cách, tính chất, động cơ, mục đích, đạo đức, tâm lý của người phạm tội, có thể phân loại dựa vào các yếu tố sau:

Dựa vào đặc điểm động cơ vụ lợi của cá nhân người phạm tội phân loại thành 3 nhóm: Các tội vụ lợi có tính chất chiếm đoạt (từ Điều 168 đến Điều 176), các tội vụ lợi không có tính chất chiếm đoạt (Điều 177), và các tội không vụ lợi, không có tính chất chiếm đoạt (Điều 178, Điều 179, Điều 180). Với cách phân loại này có giá trị hữu ích để phân biệt động cơ thúc đẩy nhân thân tiêu cực thực hiện hành vi phạm tội XPSH, tính chất nguy hiểm của các nhóm, tập trung làm rõ những đặc điểm của từng nhóm để phục vụ công tác phòng ngừa được hiệu quả.

Ngoài ra, còn có thể phân loại nhân thân người phạm tội XPSH dựa vào tính chất hành vi phạm tội như: Nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, ít nghiêm trọng; hay phạm tội nhiều lần, đồng phạm, có tổ chức, có yếu tố nước ngoài... Làm rõ tính chất hành vi phạm tội là cơ sở để nghiên cứu sinh phân tích tính chất nguy hiểm, hậu quả, thiệt hại của hành vi phạm tội XPSH gây ra với cộng đồng xã hội, từ đó

truy nguyên ra những đặc điểm, diễn biến tâm lý bên trong đối với nhân thân người phạm tội XPSH.

Căn cứ phân loại nhân thân người phạm tội XPSH dựa vào đặc điểm tiền án, tiền sự có thể chia thành các loại:

Những người phạm tội lần đầu thuộc các loại tội phạm khác nhau: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (chưa có tiền án, tiền sự).

Những người phạm tội lần đầu nhưng trước đó đã có những vi phạm pháp luật và bị xử lý hành chính (đã có tiền sự).

Những người tái phạm (đã có tiền án).

Những người tái phạm nguy hiểm (đã có nhiều tiền án hoặc có tiền án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý).

Những người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (loại lưu manh chuyên nghiệp, có nhiều tiền án, tiền sự).

Dựa vào đặc điểm phân loại tiền án, tiền sự ở trên có hiệu quả đối với công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội tránh tái phạm tội, ngoài ra có thể đo lường được tính hiệu quả của công tác giáo dục, cải tạo đối với người phạm tội XPSH nhằm chuyển biến nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH.

Như vậy, với nhiều cách phân loại khác nhau từ những đặc điểm, dấu hiệu chung đến những đặc điểm, dấu hiệu cụ thể về nhân thân người phạm tội XPSH giúp nghiên cứu sinh phân tích, xây dựng được bức tranh tổng thể về các đặc điểm của nhân thân người phạm tội XPSH, từ đó phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm XPSH nhìn từ khía cạnh nhân thân được hiệu quả. Tuy nhiên, mục đích chính việc phân loại nhân thân người phạm tội XPSH giúp người nghiên cứu có thông tin đầy đủ về các khía cạnh, đặc điểm bên trong, bên ngoài của người phạm tội XPSH phục vụ cho công tác phòng ngừa. Vì vậy, có nhiều đặc điểm phân loại nhân thân người phạm tội nhưng dựa vào những phân tích ở trên thì chỉ cần làm rõ nhóm những đặc điểm sau đây có ý nghĩa quan trọng phục vụ cho công tác phòng ngừa: Xã hội - nhân khẩu học, đạo đức - tâm lý, pháp lý hình sự.

2.1.5. Đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Đặc điểm nhân thân người phạm tội là những đặc điểm nhân cách tiêu cực dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội được hình thành trong quá trình tương tác giữa môi trường sống với đặc điểm tâm sinh lý của mỗi cá nhân. Đặc điểm nhân thân người phạm tội được nhận diện dựa trên khảo sát các bản án phạm tội XPSH trong thời gian và địa bàn nhất định, từ đó rút ra “cái chung” và cái “đặc trưng” mang tính quy luật của tội phạm từ khía cạnh nhân thân người phạm tội.

Mục đích nghiên cứu về đặc điểm nhân thân người phạm tội để nhìn nhận ra mối quan hệ nhân quả, hay quy luật của sự phạm tội, từ đó mới truy nguyên được các hiện tượng xã hội tiêu cực tác động, các đặc trưng khác của hình thành nhân thân người phạm tội từ đó có biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa được hiệu quả. Để phân loại được đặc điểm nhân thân người phạm tội trước hết phải phân tích, làm rõ được mối quan hệ giữa đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội trong nhân thân người phạm tội, rồi mới đúc kết được rằng đặc điểm nhân thân được phân loại gồm những đặc điểm nào.

Tội phạm học Mác xít khẳng định “Nhân thân con người là sự thống nhất giữa các đặc tính xã hội và đặc tính sinh học, trong đó đặc tính xã hội có ý nghĩa quyết định” [23, tr.97]. Đặc điểm xã hội là đặc điểm thể hiện bản chất xã hội của người phạm tội gắn liền với môi trường sống nơi người phạm tội sinh sống và làm việc. Đối với các đặc điểm sinh học chúng có ảnh hưởng nhất định đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội. Mức độ tiếp nhận những hiện tượng quá trình xã hội tiêu cực của cá nhân tùy thuộc ở mức độ nhất định vào các đặc điểm sinh học của họ. Đồng thời các đặc điểm sinh học cũng tác động không nhỏ đến cách xử sự của chủ thể trong tình huống nhất định. Ví dụ với tính cách tâm lý nóng nảy chỉ khi gặp tình huống tác động khiến cá nhân không kiềm chế và thực hiện hành vi phạm tội cụ thể nào đó.

Đối với nhóm nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH đều có đặc điểm tương đồng với nhân thân người phạm tội nói chung, và được hình thành trong quá trình tương tác giữa môi trường sống với đặc điểm tâm sinh lý riêng biệt của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, sự tương tác của các yếu tố khác nhau thuộc môi trường sống, động cơ, mục đích khác nhau dẫn đến chủ thể thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm quyền

sở hữu nên đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH sẽ khác so với các đặc điểm nhân thân khác như tham nhũng, ma túy...

Có nhiều cách phân loại đặc điểm nhân thân người phạm tội nói chung và XPSH nói chung đã được giới thiệu ở trên. Tuy nhiên, để làm rõ một cách toàn diện về nhân thân người phạm tội với những đặc điểm dấu hiệu bên ngoài và tâm, sinh lý, xã hội bên trong của người phạm tội có thể phân loại theo 03 đặc điểm: Đặc điểm xã hội - nhân khẩu học, đặc điểm đạo đức - tâm lý học, đặc điểm pháp lý hình sự. Trước khi phân tích, đánh giá thực tiễn đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB, trước hết cần phải làm rõ cơ sở lý luận của 3 nhóm đặc điểm nhân thân người phạm tội nói trên như sau:

2.1.5.1. Các đặc điểm xã hội - nhân khẩu học

Các đặc điểm xã hội - nhân khẩu học của nhân thân người phạm tội XPSH chỉ phân tích, làm rõ các đặc điểm, dấu hiệu bên ngoài của họ như: Giới tính, lứa tuổi, nơi cư trú, dân tộc, địa vị xã hội, nghề nghiệp, quốc tịch, hoàn cảnh gia đình, trình độ học vấn... [103, tr.144]. Các đặc điểm này tự chúng không thể khẳng định một người là người phạm tội xâm phạm đến quyền sở hữu, vì bất kỳ một con người nào sinh ra đều không phải là người phạm tội mà họ phạm tội khi có đặc điểm nhân thân tiêu cực vốn được hình thành trong quá trình sống hoặc gặp yếu tố tình huống. Những đặc điểm này ở mức độ nhất định ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân thân tiêu cực của người phạm tội.

Những đặc điểm xã hội - nhân khẩu học của người phạm tội XPSH vừa mang tính phổ biến ở các tội phạm vừa mang tính đặc trưng của từng loại tội phạm. Việc làm rõ các đặc điểm xã hội - nhân khẩu học của nhân thân người phạm tội XPSH cho phép phân tích được sự tác động, sự ảnh hưởng của chúng đến quá trình hình thành nhân thân, từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa hiệu quả tình hình tội phạm nhìn từ góc độ nhân thân người phạm tội XPSH, xây dựng các biện pháp mang tính chất giáo dục, cải tạo đối với những người bị kết án, phạm tội. Đồng thời, kết quả nghiên cứu các đặc điểm xã hội - nhân khẩu học là cơ sở để bổ sung thông tin quan trọng, hoàn thiện quy phạm pháp luật về cho các ngành khoa học khác như Khoa học luật hình sự, tổ tụng hình sự...

Như vậy việc nghiên cứu các đặc điểm xã hội - nhân khẩu học của nhân thân người phạm tội XPSH là cơ sở để làm rõ quá trình hình thành đặc điểm tiêu cực của người phạm tội dưới sự tác động của hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú, trình độ học vấn, địa vị xã hội, giới tính, lứa tuổi...

2.1.5.2. Các đặc điểm về đạo đức - tâm lý học

Khác với đặc điểm xã hội - nhân khẩu học chỉ thể hiện các đặc điểm bên ngoài của con người thì đặc điểm đạo đức - tâm lý học thể hiện các đặc điểm bên trong như đạo đức, tâm lý của con người giúp đánh giá sâu sắc hơn về bản chất nhân thân người phạm tội XPSH. Những đặc điểm này của con người tự chúng không làm phát sinh tội phạm cụ thể mà phải tương tác với các yếu tố tiêu cực khác thuộc môi trường sống hay còn gọi là các yếu tố tình huống phạm tội thì mới làm cho con người thực hiện tội cụ thể.

Đặc điểm về đạo đức – tâm lý là các đặc điểm tiêu cực bên trong con người, đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội. Đối với đặc điểm đạo đức – tâm lý của nhân thân người phạm tội XPSH mang đặc trưng riêng biệt, liên quan đến động cơ vụ lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ.

Các đặc điểm đạo đức - tâm lý của nhân thân người phạm tội XPSH bao gồm các đặc điểm bên trong của người phạm tội, vì vậy, để làm rõ đặc điểm này cần phải phân chia thành nhiều đặc điểm cụ thể sau: Quan điểm, thái độ, nhận thức đối với các giá trị; nhu cầu, lợi ích; động cơ, mục đích phạm tội; tôn giáo, tín ngưỡng; khí chất, quan hệ, thái độ đối với các cộng đồng xã hội...

- Quan điểm, thái độ, nhận thức đối với các giá trị xã hội của người phạm tội XPSH thể hiện ở các đặc điểm về quan điểm, thái độ, nhận thức với các giá trị đạo đức xã hội tức quan điểm, thái độ của người phạm tội đối với các giá trị xã hội, tài sản, quyền sở hữu, giá trị về lao động... Theo đó, người phạm tội XPSH có quan điểm, nhận thức sai lệch về các giá trị về vật chất và quyền sở hữu vật chất, muốn hưởng thụ mà không muốn lao động, chạy theo lợi ích vật chất và sẵn sàng làm đủ mọi cách để có lợi ích vật chất dẫn đến chiếm đoạt, hủy hoại tài sản vật chất của người khác. Người phạm tội XPSH thể hiện ở quan điểm, thái độ thờ ơ đối với gia đình, cộng đồng xã hội, thiếu trách nhiệm với các loại hoạt động xã hội cơ bản, với tổ quốc, đối với nghĩa vụ

của công dân, với lao động, với mọi người và với chính bản thân, thường xuyên tham gia vào tệ nạn xã hội, nhậu nhẹt... Chính quan điểm, thái độ của người phạm tội XPSH đó cho phép lý giải vì sao một người phạm tội XPSH, và vì sao họ có quan điểm, thái độ khác với người bình thường. Đồng thời còn cho phép đánh giá quan điểm, thái độ, nhận thức riêng của người đó đối với pháp luật... Thông thường, người phạm tội XPSH không có hiểu biết pháp luật, có thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật, dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến lợi ích của cộng đồng, xã hội.

- Những đặc điểm của nhân thân người phạm tội gắn với nhu cầu, lợi ích là đặc điểm đặc trưng đối với nhân thân người phạm tội XPSH; người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội XPSH để thỏa mãn nhu cầu, lợi ích vật chất mà phần lớn xuất phát từ sự thiếu thốn về vật chất như thiếu tiền tiêu xài, sử dụng ma túy...

Nhu cầu, lợi ích của người phạm tội XPSH tác động đến động cơ và mục đích phạm tội. Đối với nhân thân người phạm tội có nhu cầu, lợi ích lệch lạc, vụ lợi là nguyên nhân trực tiếp đến động cơ, mục đích phạm tội XPSH. Mỗi loại tội phạm khác nhau thì người phạm tội cũng xuất phát từ đặc điểm nhu cầu, sở thích, thói quen khác nhau.

Người phạm tội XPSH thường có nhu cầu, sở thích vật chất không chính đáng, phần lớn do ngộ nhận, đề cao nhu cầu vật chất hoặc thiếu thốn, phụ thuộc và nhu cầu vật chất để trang trải cuộc sống... bằng mọi thủ đoạn, động cơ để có tiền hưởng thụ, sử dụng rượu bia, chất kích thích, sử dụng ma túy, cờ bạc...

- Động cơ và mục đích phạm tội của người phạm tội XPSH được quyết định bởi các nhu cầu và lợi ích của họ. Phần lớn các tội phạm được thực hiện do các động cơ vụ lợi [103, tr.149], điển hình là tội phạm XPSH. Động cơ phạm tội là động lực bên trong con người thúc đẩy họ phạm tội. Mục đích phạm tội là mục tiêu được đặt ra và quyết định ý chí của người phạm tội, hướng ý chí đó đến việc thực hiện tội phạm.

Việc nghiên cứu động cơ, mục đích phạm tội XPSH của người phạm tội cho phép đánh giá được nguyên nhân nào thúc đẩy, quyết định thực hiện tội phạm XPSH, xác định tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích nào... Từ đó, tìm ra những biện pháp tác động tích cực nhằm loại trừ động cơ phạm tội, ngăn cản mục đích tội phạm, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả mà người phạm tội XPSH có thể gây ra cho xã hội.

- Các đặc điểm về khí chất, tính cách là các đặc điểm về khí chất, tính cách của con người từng vùng miền có ảnh hưởng đến hành vi phạm tội. Những người có khí chất nóng nảy, hệ thần kinh không bình thường, không kiểm soát được suy nghĩ, hành động của mình... trước những tình huống cụ thể thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các tội XPSH, điều đó không phải là ngoại lệ.

Trong nhóm tội XPSH, đặc điểm khí chất nóng nảy, hệ thần kinh không bình thường thường thực hiện hành vi phạm tội Tội chiếm giữ trái phép tài sản, Tội sử dụng trái phép tài sản, Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Ngoài ra, còn phải kể đến trường hợp đối tượng thường xuyên sử dụng rượu bia, chất kích thích... dẫn đến tinh thần không tỉnh táo, không kiểm soát được hành vi, nhận thức, dễ bị kích động... Trường hợp này đối tượng thường dễ dàng bị lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

2.1.5.3. Các đặc điểm pháp lý hình sự

Phân tích đặc điểm pháp lý hình sự của nhân thân người phạm tội XPSH có ý nghĩa quan trọng để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và hành vi phạm tội, từ đó là cơ sở để định tội, định khung, quyết định hình phạt được hợp lý, chính xác hơn và quan trọng nhất là làm sáng tỏ nguyên nhân, điều kiện pháp sinh tội phạm XPSH từ các đặc điểm này để đưa ra các biện pháp phòng ngừa đối với từng đặc điểm theo nhóm, hành vi cụ thể hoặc nhóm hành vi phạm tội cho phù hợp và đạt hiệu quả.

Đối với những người bình thường khác thì đặc điểm nhân thân của họ không có những dấu hiệu này. Vì vậy, đặc điểm pháp lý hình sự là căn cứ để phân biệt giữa nhân thân người phạm tội nói chung và XPSH nói riêng với nhân thân người bình thường (không phải là người phạm tội). Đặc điểm pháp lý hình sự của nhân thân người phạm tội XPSH bao gồm: Phạm tội lần đầu hay tái phạm; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phạm tội một mình hay đồng phạm.

Đối với đặc điểm tội phạm XPSH phạm tội lần đầu hay tái phạm, tái phạm nguy hiểm ảnh hưởng rất lớn đến mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Những người phạm tội XPSH lần đầu thì thường sự chuẩn bị công cụ phương tiện, phương thức

thủ đoạn sẽ không tinh vi hơn, dễ phát hiện hơn những người phạm tội đã tái phạm nhiều lần bởi vì họ đã có kinh nghiệm để đối phó với cơ quan bảo vệ pháp luật, kinh nghiệm về xóa dấu vết phạm tội, lên kế hoạch phạm tội, tâm lý vững vàng hơn sẽ gây khó khăn cho cơ quan CSĐT trong việc điều tra, khám phá với thủ đoạn tinh vi này.

Trong nhóm nhân thân người phạm tội XPSH, đặc biệt là nhóm tội vụ lợi có tính chiếm đoạt (từ Điều 168 đến Điều 176) thì đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm sẽ nguy hiểm hơn so với nhóm tội vụ lợi không có tính chất chiếm đoạt và các tội không vụ lợi, không có tính chiếm đoạt, bởi vì đối tượng phạm tội XPSH khi chấp hành án phạt tù có sự gặp gỡ, mở rộng sự quen biết với các bị cáo khác, trao đổi kinh nghiệm về thủ đoạn phạm tội, móc nối khi ra tù.

Chính vì vậy, phân tích đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng đối với cơ quan tư pháp trong việc xác định tỷ lệ tái phạm của tội phạm nói chung và nhóm tội XPSH nói riêng để đánh giá được tổng thể những sơ hở, thiếu sót của cơ quan tư pháp, sự quản lý của cơ quan chức năng trong công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội tái hòa nhập cộng đồng.

Đối với đặc điểm về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội XPSH là căn cứ để xác định tính chất, mức độ tiêu cực của nhân thân người phạm tội thông qua hành vi phạm tội XPSH, từ đó để phân loại nhân thân người phạm tội XPSH và đề ra các biện pháp phòng ngừa, giáo dục cải tạo được hiệu quả hơn.

Để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội XPSH căn cứ trực tiếp vào quyết định hình phạt như tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc thông qua các hình thức gián tiếp để xác định hành vi phạm tội và chuyển biến tâm lý của người phạm tội: Hậu quả, thiệt hại, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; tính chất mức độ lỗi; động cơ mục đích thực hiện hành vi; mức độ hậu quả tác hại do hành vi gây ra; đặc điểm nhân thân người thực hiện hành vi và hoàn cảnh chính trị xã hội, thời gian địa điểm thực hiện hành vi...

Đối với đặc điểm phạm tội một mình hay đồng phạm cũng để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của nhân thân người phạm tội XPSH. Phạm tội một mình là trường hợp tội phạm được thực hiện bởi một người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt

độ tuổi theo quy định của Bộ luật Hình sự. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Đồng phạm tội phạm XPSH được thực hiện từ hai người trở lên bao giờ tính chất, mức độ cũng nguy hiểm hơn so với phạm tội một mình; tăng khả năng đạt mục đích và có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho nạn nhân, từ đó có thể xác định nhân thân người phạm tội XPSH có xu hướng tính chất, mức độ nguy hiểm tiêu cực hoặc có chiều hướng tích cực hơn.

2.2. Những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Vấn đề quan trọng và then chốt khi nghiên cứu đặc điểm nhân thân trong cơ chế hành vi phạm tội ở trên là tìm hiểu những yếu tố xã hội nào và cơ chế tác động như thế nào của những yếu tố xã hội đó đã hình thành nhân thân người phạm tội. Con người từ khi sinh ra lớn lên tương tác với môi trường sống hình thành nhận thức và nhân cách riêng biệt. Quá trình hình thành và phát triển nhân thân của con người trong bất cứ xã hội nào cũng luôn tồn tại hai xu hướng: Tích cực và tiêu cực.

Đối với nhân thân tích cực, tức là kết quả của quá trình tương tác giữa các yếu tố tích cực tác động lên con người, hình thành nhân thân tích cực và phản ánh môi trường sống tốt đẹp về gia đình, bạn bè, đồng nghiệp... xung quanh chủ thể. Đánh giá được yếu tố tích cực này thông qua thể hiện qua hành vi, ứng xử của chủ thể với môi trường xã hội xung quanh.

Đối với nhân thân tiêu cực, tức là kết quả của quá trình tương tác giữa các yếu tố tiêu cực tác động lên con người. Nhân thân tiêu cực qua quá trình tương tác với môi trường sống sẽ hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH như đã trình bày ở trên, những đặc điểm này tiếp tục tương tác với môi trường sống, các hoàn cảnh cụ thể sẽ phát sinh hành vi phạm tội. Chẳng hạn như cá nhân khi sinh ra và lớn lên chịu sự tác động của môi trường gia đình, nhà trường, xã hội... sống trong gia đình cha, mẹ thường xuyên vi phạm pháp luật, nghiện hút, trộm cắp, cướp giật... dẫn đến ảnh hưởng xấu đến con cái, khiến cá nhân bỏ học sớm, hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực như lười lao động, thất học, ý thức pháp luật kém, không nghề... từ đó không có tiền tiêu xài, thỏa mãn cơn nghiện... phải thực hiện hành vi phạm tội XPSH như cướp giật, lừa đảo...

Đặc điểm nhân thân đó trong sự tác động với các yếu tố xã hội tiêu cực khác vốn tồn tại bên ngoài cá nhân đó làm phát sinh tội phạm XPSH cụ thể. Như vậy, nhân thân người phạm tội nói chung và người phạm tội XPSH nói riêng đều phản ánh sự khiếm khuyết của xã hội, của môi trường sống. Tìm hiểu nguyên nhân vì sao hình thành nhân thân người phạm tội XPSH tức là chúng ta phân tích, tìm hiểu về những hiện tượng xã hội tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH. Những hiện tượng xã hội tác động này có thể chia thành 02 nhóm đó là nhóm hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống và nhóm hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc về người phạm tội XPSH.

2.2.1. Những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống

Trong quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH thì những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống đóng vai trò quan trọng. Những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống là những hiện tượng xã hội tiêu cực trong các lĩnh vực địa lý, kinh tế, văn hóa, giáo dục... tương tác đến cá nhân mỗi con người có thể hình thành nhân thân tiêu cực người phạm tội XPSH, được phân tích như sau:

2.2.1.1. Những hiện tượng tiêu cực từ môi trường tự nhiên - địa lý

Những hiện tượng đặc trưng của môi trường tự nhiên - địa lý là một phần trong cơ chế hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội nói chung và tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng. Những hiện tượng tiêu cực từ môi trường tự nhiên - địa lý thể hiện một phần tính địa lý “hành chính - lãnh thổ” của nhân thân người phạm tội cho phép so sánh sự khác nhau, đặc trưng cho nhân thân người phạm tội gắn với miền, vùng, nông thôn, miền núi, đồng bằng...

Môi trường tự nhiên - địa lý của từng vùng như khí hậu, văn hóa, xã hội, tôn giáo... tác động đến quá trình hình thành nhân cách tích cực hoặc tiêu cực của cá nhân, trong đó hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH và chính đặc điểm tiêu cực này mang tính chất riêng biệt của “địa lý học tội phạm” tức là tội phạm trong từng vùng, miền sẽ khác so với vùng, miền khác. Diễn hình như nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB chịu sự tác động từ môi trường sống đặc trưng miền ĐNB như điều kiện về kinh tế, khoa học công nghệ phát triển, khí hậu nóng, ảnh hưởng của văn hóa

phương tây ... từ đó sẽ hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB so với miền Tây Nam bộ, Bắc bộ...

Với đặc trưng riêng biệt của nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB so với các tỉnh, vùng và miền khác trên cả nước, cho phép nhận thức những hiện tượng địa lý - tự nhiên tác động hình thành nhân thân từ đó có thể đề ra các biện pháp phòng ngừa mang đặc trưng riêng biệt của miền ĐNB được hiệu quả.

2.2.1.2. Những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng quan trọng giúp hình thành nhân cách của con người, có vai trò quyết định nhân cách gốc của con người. Từ khi sinh ra và lớn lên và hình thành nhân cách sống thì con người ảnh hưởng rất nhiều ở môi trường gia đình, vì đây là môi trường tương tác nhiều nhất. Mỗi gia đình khác nhau hoặc mỗi cá nhân trong gia đình sẽ hình thành nhân cách khác nhau. Gia đình ở đây có thể hiểu là gia đình nhỏ gồm bố mẹ, con cái và gia đình lớn gồm ông bà, cha mẹ, họ hàng, anh chị em...

Thông qua bố mẹ, ông bà, anh chị em... thì môi trường gia đình tương tác, ảnh hưởng đến với mỗi cá nhân từ khi sinh ra và lớn lên giúp hình thành nhân thân mang tính tích cực và tiêu cực. Đối với nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH phần lớn được hình thành, chịu tác động từ môi trường gia đình có nhiều yếu tố tiêu cực như gia đình khuyết thiếu nên không có thời gian dạy dỗ, chăm sóc con cái; cha mẹ quá nuông chiều hay quá nghiêm khắc với con cái, thường xuyên cãi nhau, gia đình có thành viên vi phạm pháp luật đặc biệt là sống bằng nghề chính là trộm cắp, cướp giật, các thành viên thiếu sự quan tâm nhau, không có sự dạy bảo thường xuyên về đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật... từ đó con cái có thể bỏ học sớm, giao du với đối tượng xấu tham gia vào tệ nạn xã hội và thực hiện hành vi phạm tội trong nhóm tội XPSH.

2.2.1.3. Những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Bên cạnh gia đình thì môi trường nhà trường là 02 yếu tố quan trọng hình thành nên nhân thân tiêu cực ở người phạm tội nói chung và người phạm tội XPSH. Môi trường giáo dục chủ yếu là ở nhà trường nơi mà trẻ em đi học kiến thức văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, các kỹ năng sống cần thiết... Thời gian ngoài ở gia đình ra thì trẻ đi học ở trường là chủ yếu, thậm chí là học bán trú, nội trú nên môi trường nhà trường được coi là chiếc nôi thứ hai trong việc giáo dục và rèn luyện nhân cách trẻ em

ở giai đoạn đang phát triển về thể chất và tinh thần. Với nhiệm vụ giáo dục của nhà trường nếu không hoàn thành tốt sẽ ảnh hưởng sự phát triển về kiến thức, đạo đức, kỹ năng sống, từ đó dễ chán nản và phát sinh tội phạm.

Đối với nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH thì quá trình chịu sự tác động, ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường gia đình đóng vai trò rất quan trọng đến hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH bao gồm:

Trước hết, nhà trường không làm tốt trách nhiệm của mình được giao trong việc truyền thụ kiến thức chuyên môn, rèn luyện đạo đức sống có trách nhiệm với mọi người xung quanh, giáo dục ý thức pháp luật về tài sản và quyền sở hữu, kỹ năng sống cho học sinh để giáo dục thế hệ trẻ trở thành những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp.

Môi trường giáo dục chủ yếu là ở nhà trường nếu có sự quản lý lỏng lẻo, sự phối hợp với gia đình không đạt hiệu quả trong việc giáo dục trẻ; không tạo được hứng thú cho học sinh học tập trên lớp, không quan tâm theo dõi, quản lý để kịp thời phát hiện và uốn nắn từ đó trẻ dễ hình thành tâm lý bất cần, chán học, bỏ học, thích tụ tập bạn bè xấu và nghe theo sự lôi kéo của bạn bè; không quan tâm giáo dục đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống, giáo dục chỉ chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng và chưa có giải pháp hữu hiệu trong việc giáo dục, giúp đỡ học sinh chưa ngoan, cá biệt, khi học sinh có sai phạm thường sẽ bị đuổi học hay đình chỉ học... Tất cả các yếu tố tiêu cực trên phần nào tác động đến cá nhân mỗi học sinh, dần dần hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực nói chung và người phạm tội XPSH nói riêng, từ đó khi gặp tình huống tiêu cực họ dễ vi phạm pháp luật.

2.2.1.4. Những hiện tượng xã hội tiêu cực trong các lĩnh vực chính trị - kinh tế - xã hội

Cùng với sự hội nhập, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, miền ĐNB đã trở thành khu vực kinh tế trọng điểm năng động của cả nước và đạt được nhiều thành tựu đáng trân trọng, tăng mức thu nhập bình quân đầu người, tạo môi trường phát triển kinh tế cạnh tranh, hợp tác với các nước. Tuy nhiên, điều kiện thuận lợi phát triển về kinh tế vĩ mô cũng tiềm ẩn nhiều hiện tượng xã hội tiêu cực tác động hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH:

Sự bùng nổ phát triển kinh tế, xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất tại các trung tâm thành phố, quận, huyện đã làm phát sinh những hiện tượng xã hội tiêu cực như thu hút một lượng lớn người dân lao động ở các tỉnh khác tập trung làm tình hình an ninh trật tự thêm phức tạp dẫn đến trộm cắp vặt, cướp giật, lừa đảo... gia tăng; dân số gia tăng ở các thành phố lớn kéo theo vấn đề giải quyết việc làm nhất là cho dân lao động nhập cư dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, chính sách xã hội, phúc lợi xã hội (giáo dục, y tế, bảo hiểm...) đặc biệt là các chính sách bảo vệ nhóm yếu thế (trẻ em, phụ nữ, người già, người tàn tật,...) chưa thật sự quan tâm đúng mức; xuất hiện hiện tượng quá đề cao giá trị đồng tiền thậm chí là thái độ tiêu cực, chống đối, thù hằn... Những hiện tượng xã hội tiêu cực đó tác động lên giá trị nhân cách của từng người, đặc biệt là những người trẻ tuổi hình thành ở họ đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, viễn thông tạo điều kiện nhiều dịch vụ, trò chơi điện tử mới ra đời, các tiệm game, internet mọc lên rầm rộ; phát triển giao dịch thông qua mạng như tài chính ngân hàng; mạng xã hội... và những khía cạnh tiêu cực của chúng cũng góp phần tác động mạnh mẽ, đến nhân thân tiêu cực của người sử dụng Công nghệ thông tin, mạng xã hội, mạng viễn thông để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản...

Sự phát triển các ngành nghề kinh doanh ở miền ĐNB như dịch vụ cầm đồ, các quán bar, karaoke, khách sạn, nhà nghỉ... tạo ra sự vui chơi giải trí không lành mạnh, vô hình dung tác động đến thói quen, tâm lý của người dân, đặc biệt là người trẻ tuổi, dẫn đến sao nhãng việc học tập, công việc,... thường tụ tập về đây để che giấu thân phận, trốn tránh pháp luật và tiếp tục hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, sự phát triển mạnh mẽ về môi trường kinh tế của cả nước nói chung và miền ĐNB nói chung mang lại nhiều cơ hội, thời cơ mới nhưng cũng phát sinh những hiện tượng xã hội tiêu cực gắn với các quá trình đó. Chính những hiện tượng xã hội tiêu cực này góp phần hình thành đặc điểm tâm - sinh lý tiêu cực của người phạm tội XPSH. Do đó, để ngăn chặn sự hình thành nhân thân tiêu cực của con người phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB trước hết cần tiến hành đồng bộ các giải pháp để xây dựng các chủ trương, chính sách, các biện pháp phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương mình, nhằm phát triển kinh tế bền vững về kinh tế xã

hội, tạo nhiều việc làm, thu nhập cho người dân, giúp họ ổn định cuộc sống của tất cả mọi người.

2.2.1.5. Những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc về văn hóa, tư tưởng, đạo đức

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mang lại giá trị đời sống văn hóa, tư tưởng, đạo đức đa dạng, phong phú cho mỗi người dân nói chung và miền Đông Nam bộ nói riêng. Bên cạnh những hiện tượng xã hội tích cực xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực làm xói mòn chuẩn mực văn hóa, đạo đức, suy thoái về tư tưởng chính trị, các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp. Đặc biệt là sự ảnh hưởng của văn hóa phương tây, văn hóa không phù hợp như coi trọng giá trị vật chất là trên hết, dẫn đến phải làm giàu bằng mọi cách bất chấp thủ đoạn kể cả phạm tội.

Qua đó, cùng hình thành một số thói quen, tư tưởng không phù hợp như những hiện tượng háms lợi, thói quen tiêu xài quá mức, tham lam, ích kỷ, thích hưởng thụ nhưng chây lười lao động, sống gấp, thường xuyên nhậu nhẹt, coi thường tài sản, tính mạng của người khác; sự thờ ơ lãnh cảm, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống ... làm cho một bộ phận không nhỏ, nhất là người trẻ tuổi ảnh hưởng tiêu cực... và để có tiền tiêu xài, thỏa mãn sở thích lệch lạc một số đối tượng đã thực hiện hành vi phạm tội XPSH... Đặc biệt nguy hiểm là một số người do nhận thức thấp có tư tưởng vụ lợi, coi việc làm giàu bất chính, kể cả việc phạm tội. Rõ ràng, những hiện tượng xã hội tiêu cực nói trên tác động không nhỏ đến sự hình thành nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH.

2.2.1.6. Những hiện tượng xã hội tiêu cực trong công tác quản lý

Những hạn chế, bất cập trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm lý tiêu cực của người thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Công tác tuyên truyền, giáo dục thiếu băng rôn, áp phích, phương tiện thông tin không phù hợp, các vụ xét xử lưu động, đặc biệt mạng Internet không được kiểm soát, quản lý tốt tiềm ẩn nguy cơ hình thành nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH, không những không tăng nhận thức về pháp luật để biết hành vi nào phạm tội và không phạm tội mà còn tạo ý thức phủ nhận pháp luật của người phạm tội. Những hiện tượng xã hội tiêu cực trong công tác quản lý nhà nước có liên quan đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; quản lý tạm trú, tạm vắng; quản lý văn hóa, nghệ thuật... có trong cơ chế hình thành nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH.

Những hiện tượng xã hội tiêu cực trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân, tác động đáng kể đến quá trình hình thành nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH nói riêng, điển hình như: Sự yếu kém của cán bộ tư pháp dẫn đến không xác định đúng người đúng tội, bỏ lọt tội phạm, không có sự răn đe đối với người phạm tội; tham mưu ban hành các chế độ, chính sách pháp luật không phù hợp; nhiều bản án có mức hình phạt chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi XPSH do người phạm tội gây ra; do sự tha hóa về phẩm chất đạo đức, sự nể nang, bao che của một bộ phận cán bộ làm việc trong ngành đã làm sai lệch sự việc, một số vụ án áp dụng hình phạt dưới khung hoặc xử án treo không đúng không những làm cho các đối tượng tiếp tục phạm tội, coi thường kỷ cương pháp luật, làm cho lòng tin của quần chúng nhân dân vào cơ quan bảo vệ pháp luật bị giảm sút, mà còn góp phần hình thành ý thức tiêu cực của người phạm tội XPSH.

Những hạn chế trong việc phối hợp giữa TAND các cấp với CQĐT, với VKSND làm cho những vướng mắc trong tố tụng hình sự không được giải quyết kịp thời dẫn đến vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm cho vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án cũng có mặt trong cơ chế hình thành nhân thân người phạm tội XPSH. Các phiên tòa xét xử lưu động tại địa phương nơi xảy ra vụ án nhằm mục đích răn đe, giáo dục, tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho người dân để tự bản thân họ tránh xa những hành vi vi phạm pháp luật và giáo dục con em mình phải tuân theo pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm nói chung và tội XPSH nói riêng. Tuy nhiên, mặt trái của xét xử lưu động tác động không nhỏ đến hình thành nhân thân người tái phạm tội XPSH. Những hạn chế trong công tác thống kê, phân tích số liệu các vụ án hình sự nhằm rút ra những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống các biện pháp phòng ngừa cũng tác động không nhỏ đến sự hình thành nhân thân tiêu cực của người phạm tội.

2.2.2. Những hiện tượng tiêu cực thuộc về người phạm tội xâm phạm sở hữu

Những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống như đã nhấn mạnh, tác động mạnh mẽ đến sự hình thành nhân cách con người. Đặc biệt, những hiện tượng xã

hội tiêu cực thuộc môi trường sống tác động đến sự hình thành đặc điểm tâm sinh lý tiêu cực và tích cực ở con người.

Những đặc điểm nhân thân tiêu cực (lệch chuẩn) đến lượt mình đều có ảnh hưởng nhất định trong việc tiếp nhận những hiện tượng xã hội tiêu cực, quá trình xã hội tiêu cực của cá nhân, dẫn đến càng làm cho nhân thân của con người đã lệch chuẩn (tiêu cực) càng lệch chuẩn (tiêu cực) hơn. Như vậy, ngoài những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống, những hiện tượng tiêu cực thuộc con người cũng góp phần thúc đẩy hình thành nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH. Trong một số khía cạnh nào đó thì yếu tố thuộc về người phạm tội được coi như điều kiện, tiền đề làm gia tăng đặc điểm tiêu cực mới cao hơn, tác động trở lại nhân thân tiêu cực của con người thúc đẩy quá trình phạm tội, hình thành nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH. Chẳng hạn như: Tính khí nóng nảy không kiềm chế được bản thân nên dễ bị kích động phạm tội; nghiện bia rượu, chất kích thích không kiểm soát được suy nghĩ, hành vi của mình; khiếm khuyết về trí não, tâm thần, mất trí nhớ, hạn chế về trí tuệ...

Đặc điểm tâm sinh lý của con người được hình thành qua quá trình tương tác với môi trường sống lâu dài, phức tạp. Chính qua quá trình tương tác lẫn nhau lâu dài, từ khi sinh ra và lớn lên này sẽ hình thành đặc điểm riêng biệt của con người bao gồm tích cực và tiêu cực. Các yếu tố tiêu cực thuộc về người phạm tội sẽ ảnh hưởng chất lượng, sự tiếp thu có sai lệch các yếu tố bên ngoài như đã phân tích ở trên là điều kiện hình thành nhân thân người phạm tội XPSH.

Vấn đề là ở chỗ tính quyết định xã hội của quá trình hình thành nhân thân tiêu cực người phạm tội XPSH nằm trong môi trường xã hội. Nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH là kết quả của sự tác động của những hiện tượng xã hội tiêu cực, song đến lượt mình cũng tác động mạnh mẽ đến sự hình thành, củng cố, phát triển nhân thân tiêu cực đó. Nói cách khác, các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội XPSH có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân thân tiêu cực được chia thành các yếu tố sau: Ý thức, thái độ; sai lệch sở thích; nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu; ý thức pháp luật cá nhân; khiếm khuyết về đạo đức, sinh học, tâm lý học...

2.2.2.1. Sai lệch trong ý thức của cá nhân

Ý thức của cá nhân là tổng thể những hiểu biết, tri thức, thái độ, tình cảm thể hiện sự đánh giá của cá nhân về các quy tắc xử sự (hành vi), các chuẩn mực xã hội

trong đó có chuẩn mực pháp luật của hành vi (cách xử sự) của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Đối với ý thức của cá nhân người phạm tội XPSH có sai lệch trong ý thức đạo đức và pháp luật như: không có sự tuân thủ các quy tắc của đạo đức xã hội, các chuẩn mực xã hội, truyền thống văn hóa, coi thường pháp luật, nhận thức về pháp luật còn yếu kém... Chính những sai lệch trong ý thức cá nhân đó của người phạm tội XPSH góp phần mạnh mẽ vào quá trình hình thành, tăng cường nhân thân tiêu cực của chính người phạm tội XPSH.

2.2.2.2. Sai lệch trong sở thích cá nhân

Sở thích là nhu cầu hoặc thói quen đem lại cho con người niềm vui, sự phấn khởi trong cuộc sống. Nếu cá nhân có những sở thích tích cực như như giải trí lành mạnh, đọc sách... thì đây là những yếu tố hình thành nhân thân tích cực.

Đối với người có sở thích lệch lạc như tụ tập bạn bè xấu, ăn chơi, uống rượu, nghiện ma túy, nghiện games, cờ bạc, lối sống buông thả, lười lao động, làm giàu bằng mọi cách, kể cả phạm tội và vi phạm pháp luật sẽ nhanh chóng tiếp thu những hiện tượng xã hội tiêu cực, từ đó hình thành nhân thân tiêu cực.

Những sở thích lệch lạc như thường tụ tập bạn bè xấu ăn nhậu, sử dụng ma túy, chơi game online, thích chơi các trò chơi bạo lực, có cảm giác mạnh của một bộ phận thanh, thiếu niên trên địa bàn miền ĐNB đến lượt mình tạo ra nhu cầu tiếp thu cái xấu, cái tiêu cực, để rồi hình thành ở họ nhân thân lệch chuẩn phạm tội liên quan đến nhóm tội XPSH.

2.2.2.3. Sai lệch trong nhu cầu và trong cách thức thỏa mãn nhu cầu

Nhu cầu là động lực phát triển của con người, thúc đẩy mỗi cá nhân tự cố gắng nỗ lực học tập, lao động để cải thiện đời sống của cá nhân, giúp phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, nhu cầu lệch lạc là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến việc hình thành động cơ thực hiện hành vi phạm tội. Trong con người phạm tội XPSH có sự lệch lạc không nhỏ trong nhu cầu mà còn cả trong phương thức thỏa mãn nhu cầu. Người phạm tội XPSH thường có nhu cầu vật chất rất lớn, vượt quá khả năng đáp ứng của bản thân, gia đình và để thỏa mãn họ thường lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu một cách tiêu cực tức là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

Chính cách thức thỏa mãn nhu cầu lệch lạc như cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản.. là yếu tố quan trọng để tạo động cơ, lên kế hoạch và thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

2.2.2.4. Những đặc điểm tâm - sinh lý của cá nhân

Các yếu tố về sinh học, tâm lý học như các đặc điểm xúc cảm, tình cảm, kiểu khí chất... ảnh hưởng, tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH. Chẳng hạn như một số cá nhân có đặc điểm tâm lý yếu, dễ bị lôi kéo, hoặc bị kích động và làm theo các chỉ dẫn của người khác kể cả phạm tội XPSH mà không kiểm chế được bản thân; một số cá nhân khác có độ xúc cảm cao cũng bị ảnh hưởng, tác động như đối với người thân có cú sốc về tâm lý như cha mẹ, người thân trong gia đình mất, ly hôn, chia tay... dễ dẫn đến bất cần đời, sa vào tệ nạn xã hội và cuối cùng là thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Ngoài ra, đối với những cá nhân có khí chất nóng nảy, khó tự chủ tính cách bản thân thì khi ở điều kiện, hoàn cảnh cụ thể sẽ dễ dẫn đến hành vi phạm tội.

Tóm lại, qua phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH và những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH cho thấy đều gắn với môi trường sống cụ thể. Từ đó, nghiên cứu sinh luận giải đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH mang tính địa lý nhân thân người phạm tội theo vùng, miền, khu vực khác nhau theo sự khác nhau của môi trường sống. Trong đó, địa lý nhân thân con người là chỉ đặc điểm, tính cách đặc trưng của con người ở vùng, miền này sẽ khác so với vùng, miền khác. Do chịu ảnh hưởng, tác động từ điều kiện về tự nhiên, kinh tế, xã hội ở nơi sinh sống sẽ dần hình thành tính cách, nhân cách đặc trưng của vùng, miền đó. Đối với địa lý nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu là đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội XPSH ở vùng, miền nơi người phạm tội sinh sống và có sự khác nhau với đặc điểm người phạm tội XPSH ở vùng, miền khác. Do ở mỗi vùng, miền khác nhau sẽ có sự tương tác của môi trường sống khác nhau về tự nhiên, khí hậu, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ... trong đó tiềm ẩn nhiều yếu tố tiêu cực làm ảnh hưởng, hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực nói chung và đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội XPSH của mỗi vùng, miền khác nhau.

Chẳng hạn, do yếu tố về địa lý, môi trường sống khác nhau giữa các miền ĐNB, Bắc Bộ, Tây Nam bộ... tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH sẽ có những đặc điểm, đặc trưng khác nhau. Nếu những người phạm tội ở vùng khác di cư, chuyển địa bàn hoạt động đến miền ĐNB thì đều chịu ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường địa lý, phương thức, thủ đoạn ở địa bàn hoạt động mới, trừ trường hợp người phạm tội phạm tội lưu động trong thời gian quá ngắn chưa chịu sự ảnh hưởng.

Ngoài ra, đặc trưng địa lý miền ĐNB với sự ảnh hưởng từ chế độ đô hộ của Đế quốc Pháp và Mỹ nên văn hóa phương tây du nhập từ rất sớm; kinh tế được đầu tư, phát triển sớm ở khu vực miền ĐNB với nhiều các hoạt động vui chơi, giải trí, ma túy, tệ nạn xã hội; điều kiện thiên nhiên ưu đãi, thời tiết thuận lợi... nên cuộc sống tiêu xài phóng khoáng, tính khí thoải mái... chính những hiện tượng xã hội trên tác động, ảnh hưởng đến con người miền ĐNB, từ đó nhân thân người phạm tội XPSH cũng có đặc trưng khác vùng, miền khác.

Tìm hiểu về địa lý nhân thân người phạm tội XPSH để nhấn mạnh đặc trưng riêng của nhân thân người phạm tội XPSH ở miền ĐNB và so sánh sự khác nhau với vùng, miền khác như Tây Nam bộ, Bắc bộ... Qua đó, có thể làm rõ được các hiện tượng xã hội đặc trưng của miền ĐNB tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH, từ đó áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm XPSH mang tính riêng biệt, đặc trưng riêng của miền ĐNB nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội XPSH là rất quan trọng và cần thiết, là cơ sở định hướng nghiên cứu sinh khảo sát thực tế miền Đông Nam bộ, từ đó so sánh, đối chiếu để giải quyết vấn đề nghiên cứu của luận án. Chính vì vậy, thông qua nghiên cứu, tìm hiểu các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án, các quan điểm khác nhau về nhân thân người phạm tội, nghiên cứu sinh làm sáng rõ các vấn đề lý luận sau:

Một là, để giải quyết đề tài nghiên cứu, nghiên cứu sinh đã phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, trong đó đã đưa ra khái niệm: *“NTNPT xâm phạm sở hữu tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quan hệ sở hữu bị luật hình sự quy*

định là tội phạm, được hiểu là tổng thể các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó”. Trên cơ sở khái niệm về nhân thân người phạm tội XPSH, nghiên cứu sinh đã rút ra ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH, phân loại nhân thân người phạm tội XPSH, tình hình nhân thân người phạm tội XPSH. Để giúp hiểu rõ hơn về nhân thân người phạm tội XPSH, đối tượng nghiên cứu, phạm vi, tầm quan trọng khi nghiên cứu và là lý luận nền tảng xuyên suốt quá trình nghiên cứu.

Hai là, trên cơ sở lý luận nền tảng nghiên cứu sinh làm rõ về đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH để nhìn nhận ra mối quan hệ nhân quả, hay quy luật của sự phạm tội, từ đó mới truy nguyên được các hiện tượng xã hội tiêu cực nào tác động, ảnh hưởng hình thành nhân thân người phạm tội XPSH, từ đó có biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa được hiệu quả. Qua đó, làm rõ được mối quan hệ giữa đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội trong nhân thân người phạm tội XPSH, từ đó đúc kết được rằng đặc điểm nhân thân được phân loại gồm 3 nhóm đặc điểm nhân thân cơ bản: Đặc điểm xã hội - nhân khẩu học, đặc điểm về đạo đức - tâm lý học, đặc điểm pháp lý hình sự.

Ba là, trên cơ sở lý luận về đặc điểm nhân thân người phạm tội, nghiên cứu sinh truy nguyên, xác định những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội và thúc đẩy thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Tìm hiểu nguyên nhân vì sao hình thành nhân thân người phạm tội XPSH tức là chúng ta phân tích, tìm hiểu về những hiện tượng xã hội tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH, được chia thành 02 nhóm đó là nhóm hiện tượng xã hội khách quan và chủ quan thuộc môi trường sống và thuộc về người phạm tội XPSH.

Trên cơ sở phân tích, làm rõ được những vấn đề lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu ở trên là tiền đề để nghiên cứu sinh đánh giá được thực tiễn nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn ĐNB sẽ có những đặc điểm, yếu tố đặc trưng như thế nào, từ kết quả nghiên cứu đó, là cơ sở khoa học để tác giả và đề xuất hệ thống các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả tội phạm này gắn liền với lý luận và thực tiễn.

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC TÁC ĐỘNG HÌNH THÀNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Việc nghiên cứu đánh giá thực trạng nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn các tỉnh thành miền Đông Nam bộ trước hết không thể không dựa trên kết quả tình hình tội phạm các tội nói trên trong thời gian và địa bàn miền ĐNB, đặc biệt là các chỉ số phản ánh cơ cấu của tình hình các tội XPSH xét theo đặc điểm trên nhân thân người phạm tội. Tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam bộ trong những năm qua có diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng. Theo thống kê của Tòa án nhân dân các tỉnh miền Đông Nam bộ, từ năm 2008 đến 2017 đã xét xử sơ thẩm các tội XPSH chiếm 60.232 vụ (chiếm 63% trong tổng số vụ án hình sự) với 90.529 đối tượng (chiếm 68% trong tổng số đối tượng phạm tội hình sự), có 2 trong 6 tỉnh, thành miền Đông Nam bộ là Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai đứng đầu danh sách cả nước về số vụ án xâm phạm sở hữu (Bảng phụ lục 2.1).

Số vụ phạm tội về XPSH được phát hiện hàng năm tăng, diễn biến phức tạp; hậu quả để lại cho xã hội nặng nề, hoạt động có xu hướng kết hợp có tổ chức theo kiểu “xã hội đen” chuyên giết người, cướp, cướp giật tài sản, cưỡng đoạt tài sản, bảo kê, đâm thuê, chém mướn, thanh toán lẫn nhau tranh giành lĩnh vực hoạt động mại dâm, tổ chức đánh bạc, cầm đồ, tiêu thụ tài sản.... Trong đó, tội phạm và nhóm tội phạm XPSH có xu hướng kết hợp thành nhóm nhỏ có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, thường sử dụng vũ khí nóng như súng, dao, rựa... để tấn công nạn nhân, thực hiện hành vi phạm tội và dễ dàng chống trả lại lực lượng truy đuổi và tẩu thoát dễ dàng (bảng phụ lục 2.18 và bảng hỏi 2.20). Tính chất hoạt động phạm tội ngày càng dã man tàn bạo, manh động, có sử dụng vũ khí, đặc biệt là những đối tượng nghiện ma túy, đối tượng có lệnh truy nã gây án, các tội phạm XPSH, đặc biệt là tội phạm cướp tài sản do các băng nhóm gây ra có sử dụng hung khí, vũ khí nóng rất táo bạo, manh động như các vụ cướp tiệm vàng ở thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, hoặc vụ Giết người, Cướp tài sản ở Bình Phước... Đặc biệt, xu hướng tội phạm thường sử dụng công nghệ cao, mạng

xã hội làm quen, cấu kết với người nước ngoài để lừa đảo, lừa tình, lừa tiền; lấy mật khẩu tài khoản ngân hàng thông qua lừa đảo trên mạng, trên điện thoại di động để dễ dàng chiếm đoạt với số lượng lớn...

Trên đây là khái quát đặc điểm về tình hình tội phạm XPSH miền ĐNB có liên quan chặt chẽ và là tiền đề để luận giải về thực trạng nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB được hiệu quả hơn. Qua đó, nhận thức có cơ sở về tính vùng miền đặc trưng tội phạm XPSH của miền ĐNB so với các tỉnh, vùng miền khác để từ đó có thể đưa ra các biện pháp phòng ngừa được hiệu quả.

3.1. Thực trạng nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ

Theo thống kê của Tòa án nhân dân các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ, từ năm 2008 đến 2017 đã xét xử sơ thẩm 60.232 vụ với 90.529 bị cáo phạm tội XPSH, chiếm tỷ lệ 62% số vụ, 66% bị cáo trong tổng số vụ án hình sự nói chung trên địa bàn miền Đông Nam Bộ (Phụ lục - Bảng 2.2). Tổng số vụ, số bị can phạm tội XPSH tăng, giảm không đồng đều, trong đó giảm trong năm 2010, 2011 và tăng trong các năm còn lại. Tội phạm XPSH xảy ra nhiều nhất ở TPHCM lần lượt chiếm 51,4% số vụ và 51,5% số bị cáo trên tổng miền ĐNB, kế đến là Đồng Nai chiếm 17,2% và 20,1% số vụ và số bị cáo, Bình Dương chiếm 10,7% và 10,5% còn lại là Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước.

Về mức độ nguy hiểm của tội phạm XPSH gây ra trên địa bàn tỉnh miền Đông Nam Bộ cho thấy, thành phố HCM và Đồng Nai là địa bàn có mức độ phạm tội XPSH xảy ra trên số dân, diện tích là hệ số cấp độ nguy hiểm đầu tiên, kế đến là tỉnh Bình Phước và Bình Dương, Tây Ninh... (Phụ lục - Bảng 4,5,6).

Do số lượng vụ và bị cáo phạm tội XPSH thực tế rất lớn nên nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp nghiên cứu điển hình để khảo sát 600 vụ án với 910 bị cáo phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đông Nam bộ từ năm 2008 đến 2017, phân tích, so sánh nhận thấy đặc điểm tội phạm có đặc trưng riêng biệt so với các vùng khác ảnh hưởng bởi các đặc điểm của địa lý học tội phạm. Để làm rõ đặc điểm riêng biệt của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đông Nam bộ được xác định dựa trên các đặc điểm sau:

3.1.1. Thực trạng nhân thân người phạm tội xét theo các đặc điểm xã hội - nhân khẩu học

Qua khảo sát thực tiễn cho thấy các đặc điểm đặc trưng về xã hội - nhân khẩu học của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh, thành miền ĐNB như sau:

- Đặc điểm về giới tính:

Qua phân tích báo cáo tổng hợp của tòa án các tỉnh, thành miền ĐNB cho thấy tỷ lệ bị cáo là nữ giới phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB là 12.674 đối tượng (chiếm 14%), bị cáo là nam giới chiếm 77.855 đối tượng (chiếm 86%) (xem phụ lục bảng 2.10).

Do khác biệt về đặc điểm cấu trúc sinh học nên bị cáo là nam giới phạm tội nhiều nhất ở các tội danh đòi hỏi phải sử dụng sức mạnh, tẩu thoát nhanh chóng như trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, cướp tài sản. Đối với bị cáo là nữ chủ yếu phạm tội với vai trò là đồng phạm, giúp sức cho nam giới thực hiện hành vi phạm tội ở các tội danh như Cướp tài sản chiếm 6,73% trong tổng số nữ phạm tội. Phạm tội nhiều ở các tội danh không đòi hỏi phải dùng sức, sử dụng mưu mẹo, sự tin tưởng của người chủ sở hữu, lừa đảo và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội ở tội danh trộm cắp tài sản chiếm 64,5% và lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 18,44% và lạm dụng tín nhiệm chiếm 4,31% (xem bảng 2.10 và bảng tổng hợp 2.20).

Đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB là nữ giới chiếm tỷ lệ ít hơn nam giới nhiều ở nhóm tội XPSH. Tuy nhiên, qua phân tích, khảo sát cho thấy dự báo xu hướng người phạm tội là nữ giới sẽ tăng theo từng năm và diễn biến, tính chất phức tạp hơn, tham gia trực tiếp thực hiện tội phạm nhiều hơn.

Thực tiễn vụ án Cướp giật tài sản do nữ giới phạm tội với vai trò là người giúp sức tại bản án 288/2015/HSST ngày 12/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố HCM xét xử bị cáo Trần Thị Thùy Trang, giới tính: Nữ, sinh năm 1989, không nghề, nạn nhân là bà Svetlana Bykova, quốc tịch: Nga. Đồng phạm Nguyễn Quốc Giang điều khiển xe máy chở Trang trên đường Cách mạng tháng tám thấy bị hại đi trên đường có đeo dây chuyền kim loại màu vàng và nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Tuy nhiên, khi Giang điều khiển xe máy để Trang giật sợi dây chuyền và bỏ chạy thì được nạn nhân và người dân đuổi kịp bắt giữ. Với vụ án trên Trần Thị Thùy Trang

phạm tội cướp giật tài sản với vai trò là người đồng phạm ngồi sau xe hỗ trợ cướp giật đối với nạn nhân là người nước ngoài.

Kết quả khảo sát xã hội học cũng cho thấy, đặc điểm giới tính của nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB chủ yếu là nam giới ở các tội trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, cướp tài sản, nữ giới thường đóng vai trò đồng phạm, giúp sức trong các tội danh XPSH, trong đó nhiều nhất thuộc nhóm tội danh như trộm cắp, cướp giật tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Phân tích thực trạng trên cho thấy, trong tội danh trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản tội phạm là nữ thực hiện nhiều bởi vì tội danh này không đòi hỏi dùng sức mạnh như nam giới mà vẫn dễ dàng lên kế hoạch, chuẩn bị để thực hiện hành vi phạm tội. Còn đối với tội danh cướp giật tài sản thì phần lớn là đồng phạm với vai trò giúp sức, cấu kết với 2 hay nhiều đối tượng để dàn cảnh hoặc lợi dụng sơ hở của nạn nhân để thực hiện hành vi phạm tội.

Tuy đặc điểm nhân thân là nữ giới phạm tội với vai trò chủ mưu thực hiện hành vi phạm tội xảy ra ít nhưng cũng cần phải phân tích, làm rõ đặc điểm, dấu hiệu này phục vụ cho công tác phòng ngừa, ví dụ điển hình vụ án do bị cáo nữ thực hiện hành vi tội Trộm cắp tài sản với vai trò là người chủ mưu: Bị cáo Nguyễn Diễm Hương, sinh năm 1985, HKTT: Bình Phước, trình độ: 9/12, nghề nghiệp: Hót tóc, có chồng đã ly hôn và 02 con nhỏ và đồng phạm là bị cáo Đặng Huỳnh Như, sinh năm: 1996 có HKTT tại huyện Cái Nước, Cà Mau, không nghề, trình độ 5/12. Đối tượng Hương đã dụ dỗ Nguyễn Thanh Hùng vào nhà nghỉ An An, sau đó lợi dụng sơ hở để Đặng Huỳnh Như vào mở cửa lấy trộm 01 di động Lenovo, 4,45 triệu. Sau đó, thấy Hương nghi vấn nên Hùng đã báo cho Công an thị xã Đồng Xoài điều tra và ra lệnh bắt đối với 02 đối tượng. Như vậy, do hoàn cảnh gia đình khó khăn về tài chính, đã ly hôn chồng và phải nuôi 02 con nhỏ nên bị cáo Hương mặc dù là nữ nhưng đã chủ mưu lôi kéo, lên kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản để có tiền trang trải cuộc sống hàng ngày (theo Bản án số 72/2015/HSPT của tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước).

- Đặc điểm về độ tuổi:

Phân tích số liệu từ 600 bản án cho thấy, phần lớn người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền Đông Nam bộ ở độ tuổi đã thành niên, trong đó độ tuổi từ 18 đến 30

chiếm tỷ lệ cao nhất 63,3%, kể đến là độ tuổi từ 30 đến 45 tuổi chiếm 24,2%, kể đến là dưới 18 tuổi và trên 45 tuổi chiếm tỷ lệ lần lượt là 6,9% và 5,6% (xem bảng 2.15).

Đặc điểm này cho thấy, đặc trưng về độ tuổi của tình hình tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh miền Đông Nam bộ chủ yếu là từ 18 đến 30 tuổi. Ở độ tuổi này tội phạm thực hiện hành vi phạm tội tinh vi, xảo quyệt và khó phát hiện hơn ở nhóm tuổi khác. Khảo sát cũng cho thấy những người ở vào độ tuổi chưa thành niên phạm tội cũng chiếm đáng kể, và có xu hướng gia tăng, trẻ hóa trong các năm gần đây, tụ tập thành băng nhóm, thường sử dụng vũ khí là dao, mã tấu để gây án (xem bảng phụ lục 2.18 và bảng 2.20). Chẳng hạn vụ án xảy ra ngày 20/12/2016 do nhóm thanh thiếu niên phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do phạm pháp mà có” tại thị xã Thuận An, Bình Dương. Băng nhóm gồm 10 đối tượng do Huỳnh Văn Cường (tự Cường “đen” SN 1997, cùng quê An Giang) cầm đầu cùng các đối tượng: Dương Thanh Quang (SN 2001); Phan Thành Trung (SN 1996); Phạm Minh Thông (SN 1996); Nguyễn Thành Tô Ni (SN 1996); Bùi Văn Nhất (SN 1997); Trần Thiện Thanh (SN 2000); Nguyễn Văn Đề (SN 1990); Nguyễn Khắc Hiệp (SN 1982) và Lâm Hoàng Lâm (SN 1992). Băng nhóm thiếu niên này đã thực hiện hơn 30 vụ cướp, với phương thức hoạt động theo nhóm, trong đó các đối tượng điều khiển xe máy tìm kiếm con mồi là các phụ nữ, công nhân trên các tuyến đường vắng, khu công nghiệp sau đó dàn cảnh chạy xe áp sát giật điện thoại và tài sản của nạn nhân rồi tẩu thoát, gây nên nỗi kinh hãi cho người dân thị xã trong thời gian qua. Qua điều tra vụ án cho thấy, các thành viên băng nhóm phạm tội đều dưới 18 tuổi nên khả năng nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, chưa có sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý, chưa nhận thức hết hành vi nguy hiểm của mình và phần lớn đều là dân nhập cư, bỏ học sớm, gia đình khó khăn về kinh tế... chính những yếu tố xã hội tiêu cực này đã tác động đến quá trình phát triển của nhóm thiếu niên dẫn đến tư tưởng lệch lạc, xem việc phạm pháp cướp giật tài sản là nghề bình thường và gây ra hàng loạt các vụ án ở các khu công nghiệp.

- Đặc điểm về địa vị xã hội và nghề nghiệp:

Theo báo cáo thống kê của Tổng cục thống kê cho thấy, trung bình hàng năm miền Đông Nam bộ có tỷ lệ thất nghiệp trên 350.000 người, số người không có việc làm ổn định 400.000 người. Tình trạng thiếu việc làm nảy sinh trực tiếp đến nhiều tệ

nạn trong xã hội, tác động ảnh hưởng đến nhận thức tiêu cực phải phạm tội cướp tài sản, trộm cắp tài sản... thì mới có tiền mưu sinh. Số liệu trong bảng tại phụ lục cho thấy, phần lớn các bị cáo không có nghề nghiệp (chiếm 34,4%) hoặc nghề nghiệp không ổn định chủ yếu làm bảo vệ, thợ hồ, thợ tóc, làm thuê... (chiếm 65,4%) với mức thu nhập thấp, bị cáo còn lại là nghề nghiệp ổn định chỉ chiếm rất thấp là 2% trong tổng số vụ (xem bảng phụ lục 2.12).

Diễn hình như vụ án “Cướp giật tài sản” do bị cáo Từ Văn Hiền, SN 1995, thường trú tại huyện Toại Sơn, tỉnh An Giang, không biết chữ, không nghề nghiệp, có bố là ông Từ Văn Hùng mất; bị cáo thứ 2 là Trương Võ Minh Tài, SN 1993, thường trú tại Q8, TPHCM cũng không biết chữ, không nghề nghiệp. Khoảng 11 giờ, ngày 5/11/2012, cả 2 bị cáo rủ nhau đi cướp giật tài sản, đến đường Phạm Hùng, huyện Bình Chánh thì phát hiện chị Trần Thị Thu Thảo sơ hở và cướp giật chiếc điện thoại Sam sung. Sau khi bị bắt, 02 đối tượng bị tòa tuyên án 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 810/2013/HSPT do Tòa án nhân dân TPHCM xét xử). Qua phân tích ví dụ trên cho thấy, bị cáo Hiền và Tài là người chưa thành niên, xuất thân trong gia đình gặp khó khăn về kinh tế, không có địa vị xã hội, không nghề nghiệp, không biết chữ dẫn đến nhận thức pháp luật yếu kém, coi thường pháp luật, không có nguồn thu nhập ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình từ đó sống bằng nghề chính là cướp giật tài sản để có tiền tiêu xài.

Chính vì địa vị xã hội thấp, không có vai trò quan trọng trong xã hội, chủ yếu là người lao động không có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập thấp, không đủ trang trải cho cuộc sống của bản thân hoặc của gia đình nên dễ bị lôi kéo hoặc chọn con đường phạm tội. Tuy nhiên, cũng phải kể đến trường hợp có việc làm ổn định rồi vẫn phạm tội trong nhóm tội XPSH miền ĐNB. Khảo sát cũng cho thấy trong 18 đối tượng việc làm ổn định thì hết 05 đối tượng là cán bộ, công chức (chiếm 0,56%), 06 đối tượng là Đảng viên (chiếm 0,67%) và còn lại là 0,78% có thu nhập tương đối cao (xem bảng phụ lục 2.12).

Diễn hình tại Bản án số 45/2014/HSST ngày 23/1/2014 của Tòa án TPHCM, vụ án do 12 đối tượng tham gia thực hiện hành vi phạm tội Cướp tài sản, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và che dấu tội phạm. Trong đó, bị cáo Ngô Thanh

Tuấn, sinh năm 1986, thường trú tại Quận 6, TPHCM, nguyên là cán bộ Công an công tác tại Đội CSTT- Cơ động Công an quận 6 và là Đảng viên. Do không có tiền tiêu xài, Bị cáo Tuấn với vai trò là chủ mưu lôi kéo 11 đối tượng lập thành băng cướp giả danh Cảnh sát hình sự đi tìm kiếm các sòng bạc, sau đó dùng súng Rulo P38 chiếm đoạt tài sản của các con bạc. Bị cáo Tuấn và đồng bọn đã thực hiện trót lọt 6 vụ trước khi bị bắt. Qua vụ án cho thấy, chỉ vì mục đích thiếu tiền tiêu xài mà đối tượng Tuấn là cán bộ Công an, có thu nhập ổn định và là Đảng viên lại vì lợi ích cá nhân, chủ mưu lập băng nhóm giả Cảnh sát hình sự đi cướp tài sản. Điều đáng nói ở đây là số tiền cướp được từ các sòng bạc là không nhiều, cụ thể là vụ 1 chiếm đoạt được 1,8 triệu, vụ 2 chiếm đoạt được 6,8 triệu, vụ 3 là 4,5 triệu, vụ 4 là 1,1 triệu đồng... và số tiền này được chia cho các thành viên trong nhóm. Qua đó cho thấy bị cáo là cán bộ nhà nước nhưng có nhận thức lệch lạc, bị thoái hóa, biến chất nên thực hiện hành vi phạm tội XPSH chỉ vì mục đích tiêu xài cá nhân.

- Đặc điểm về hoàn cảnh gia đình:

Hoàn cảnh gia đình xuất thân của bị cáo đóng vai trò quan trọng đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB. Theo khảo sát bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB từ năm 2008 đến 2017, cho thấy về hoàn cảnh gia đình đặc trưng đối với các bị cáo như sau:

Số người phạm tội đã kết hôn chiếm 39,07%, trong đó số người phạm tội chưa kết hôn chiếm 60,93%; số người phạm tội sinh sống và xuất thân trong gia đình không hoàn thiện (cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ mất hoặc cả hai mất, cha hoặc mẹ bỏ đi, không biết cha mẹ) chiếm 24,49%; số người phạm tội đã có con chiếm 31,79%; số người phạm tội chưa có con chiếm 68,21%. Số người phạm tội sinh sống trong gia đình đông con (có từ 03 con trở lên) chiếm 66,89%; số người phạm tội sinh sống trong gia đình ít con chiếm 33.11%. Qua đó, thống kê cũng cho thấy về hoàn cảnh kinh tế gia đình của người phạm tội: Người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (xuất thân và sinh sống trong gia đình nghèo khó, sống bằng nghề lao động...) chiếm 35,89% ; gia đình không thuận lợi (cha mẹ hay cãi vã nhau, thường xuyên vi phạm pháp luật...) chiếm 54,11% (xem bảng phụ lục 2.13).

Kết quả nghiên cứu trên chỉ ra rằng: Tội phạm XPSH miền ĐNB chủ yếu là những người độc thân, chưa có con, sống trong gia đình đông anh chị em và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn dễ phạm tội hơn những người đã kết hôn, có con, sống trong gia đình ít anh chị em và có kinh tế thuận lợi. Có thể giải thích rằng những người độc thân, chưa có con thì không bị ràng buộc bởi suy nghĩ, hành vi sai trái của mình, có nhiều thời gian tụ tập, giao du với nhóm bạn xấu, hay thiếu trách nhiệm với gia đình, xã hội, hoặc hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên phải phạm tội.

Điển hình là vụ án cướp giật tài sản theo bản án số 11/2013/HSST tại Tòa án TP HCM, bị cáo Vi Trung Đông sinh 19/3/1996 học hết lớp 5, bố mất sớm, mẹ phải dành thời gian lo kiếm sống hàng ngày nên Đông đã không có điều kiện quan tâm, chăm sóc đầy đủ từ nhỏ, từ đó đã hình thành nhận thức lệch lạc nên Đông đã thường xuyên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, bằng cách hàng ngày chạy xe vòng quanh các đường phố để chờ cơ hội cướp giật tài sản. Vào khoảng 23h30 ngày 05/1/2012, Cường và Đông gặp chị Frida Josefina Mark đang đi bộ tại 207 Bùi Viện, Phạm Ngũ Lão, Quận 1 và giật túi sách nhưng bị lực lượng Công an và quần chúng nhân dân đuổi theo và bắt giữ. Tại Tòa, bị cáo Vi Trung Đông bị xử phạt 18 tháng tù với tội danh Cướp giật tài sản. Qua vụ án cho thấy, do hoàn cảnh gia đình, bố mất sớm, mẹ phải lo cuộc sống hàng ngày, không có điều kiện để chăm sóc, quan tâm đến Đông một cách đầy đủ dẫn đến Đông bỏ học từ năm lớp 5 và giao du với thành phần xấu, thường xuyên gây án để có tiền tiêu xài.

Ngoài ra, kết quả điều tra còn cho thấy người phạm tội XPSH miền ĐNB không chỉ xuất thân và lớn lên trong những gia đình không hoàn thiện, mà còn xuất thân và lớn lên trong gia đình có điều kiện về kinh tế khá, thậm chí là giàu có, kết quả khảo sát cho thấy có 19,3% số bị cáo sống trong gia đình quá nuông chiều, bao bọc, thỏa mãn mọi nhu cầu của con cái một cách vô điều kiện đã hình thành ở các bị cáo tính ỷ lại, hẹp hòi, dựa dẫm, sống ích kỷ, lười nhác, quen được phục vụ, hưởng thụ và muốn đòi gì được nấy... Điển hình như vụ án XPSH tại bản án số 288/2015/HSST của TAND thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/8/2015 đã xử phạt Trần Thị Thùy Trang 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo sinh năm 1989, thường trú tại 489/15 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Do nhà có điều kiện về kinh tế,

con một và được bố mẹ nuông chiều từ nhỏ, nên sinh ra nhiều thói hư tật xấu, ỷ lại, không biết tự lập, tự lao động để kiếm tiền. Ngày 12/2/2015 Trang xin bà Na 50.000.000 đồng để tổ chức sinh nhật cho bạn trai là Nguyễn Quốc Giang nhưng bà Na không đồng ý nên Trang đã chửi bới cha mẹ, đập phá đồ đạc rồi bỏ đi khỏi nhà cùng bạn trai. Đang lưu thông trên đường Cách Mạng Tháng Tám về hướng Quận Tân Bình thì cả hai gặp chị Svetlana quốc tịch Nga đang đi bộ trên đường có đeo sợi dây chuyền màu vàng nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi cướp giật tài sản để bán lấy tiền làm sinh nhật cho Giang.

- Đặc điểm về nơi cư trú, tạm trú, hộ khẩu thường trú:

Kết quả phân tích tại bảng phụ lục số 2.14 cho thấy, số lượng bị cáo phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB chủ yếu là dân nhập cư từ các vùng khác đến để lao động, học tập, trong đó số bị cáo đăng ký tạm trú hoặc chưa đăng ký tạm trú chiếm tỷ lệ 67,1%; trong số các bị cáo thì có tới 55,9% bị cáo không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi chỗ ở; số bị cáo sống lang thang ngoài nơi công cộng chiếm 7%, từ đó dẫn tới cuộc sống sẽ không có thu nhập ổn định, không đăng ký thường trú, tạm trú sẽ gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhân khẩu hộ khẩu.

Diễn hình là bản án 120/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn M, sinh năm 1991 có HKTT tại Sóc Trăng, không có nơi ở nhất định, có nhân thân phạm tội Cướp tài sản năm 2012 đã được xóa án tích và bị cáo Nguyễn Huỳnh D, sinh năm 1994 có HKTT tỉnh Tiền Giang, chưa có tiền án, tiền sự. Vào khoảng 13h ngày 10/5/2017, Nguyễn Huỳnh D chở Nguyễn Văn M từ tỉnh Tiền Giang lên Đồng Nai để xin việc, đến huyện Trảng Bom thì phát hiện phòng trọ của chị Trần Mỹ D không khóa, liền lên vào phòng trọ và trộm chiếc xe hiệu exciter, sau đó lên địa bàn Phường Bến Nghé, quận 1 tiêu thụ thì bị Công an phường bắt, bàn giao cho Công an huyện Trảng Bom xử lý theo thẩm quyền. Vụ án trên cho thấy bị cáo M và D có HKTT tại Sóc Trăng và Tiền Giang, nhưng lại là đối tượng phạm tội lưu động, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của nạn nhân thì gây án ngay mà không cần bàn bạc, lên kế hoạch trước. Những trường hợp gây án không có HKTT và di cư như M và D rất khó cho cơ quan chức năng trong việc phát hiện, phòng ngừa, điều tra phá án.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy, tội phạm XPSH trên địa bàn các tỉnh, thành miền ĐNB chủ yếu là các đối tượng khu vực khác di cư từ các tỉnh khác đến, sống lang thang không có nơi ở cố định, đã đăng ký hoặc chưa đăng ký tạm trú thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Các đối tượng này chủ yếu là dân nhập cư để xin việc, làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc lao động phổ thông như phụ hồ, bán hàng rong... do tính chất công việc nên thường không ở cố định, vì vậy thường phạm tội lưu động ở các tuyến, địa bàn khác nhau.

- Đặc điểm về trình độ học vấn:

Qua bảng phụ lục số 2.11 thể hiện: Trong số 910 bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB thì chỉ có 55 bị cáo có trình độ trung cấp trở lên (chiếm 6%); 211 bị cáo có trình độ trung học phổ thông (chiếm 23,2%) và 644 bị cáo có trình độ tiểu học, trung học cơ sở và không biết chữ trở lên (chiếm 70,8%). Bởi trình độ học vấn thấp người phạm tội bị hạn chế trong tiếp thu kiến thức pháp luật, nhận thức xã hội hoặc tiếp thu nội dung tuyên truyền của cơ quan chức năng dẫn đến các đối tượng này có nguy cơ lớn thực hiện tội phạm XPSH.

Điển hình vụ án phạm tội Cướp tài sản, Hiếp dâm theo Bản án số 114/2014/HSPT ngày 09/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Võ Văn Tứ, sinh năm 1984, quê quán: Đồng Tháp, trình độ văn hóa: 02/12, không nghề. Do Thường chia tay với Tứ sau thời gian có quan hệ yêu đương. Sau khi gặp mặt để nói lại mối quan hệ nhưng bất thành, Tứ nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với Thường lần cuối, nhưng bị Thường chống cự, vùng vẫy. Đối tượng dùng vũ lực để thực hiện hành vi giao cấu. Sau đó, Tứ lấy sợi dây chuyền 18K trên cổ của nạn nhân, điện thoại hiệu sunny Forme của Thường cho vào túi để đem bán. Với hành vi trên, Tứ bị tuyên 3 năm tù về tội Cướp tài sản, 2 năm tù về tội Hiếp dâm. Ví dụ trên cho thấy chính vì bỏ học sớm, trình độ học vấn thấp 2/12 và không nghề nghiệp dẫn đến nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế nên mới hành xử thiếu suy nghĩ, không biết được là hành vi này có vi phạm pháp luật hay không. Bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội vẫn nhớn nhạo, đi bán vàng tại tiệm vàng lấy 2,1 triệu và trở về nhà như không có chuyện gì và không nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Để phòng ngừa tội phạm XPSH miền ĐNB thì không loại trừ người có trình độ học vấn bởi vì họ có khả năng hiểu biết về xã hội, kiến thức về pháp luật, suy nghĩ tốt hơn nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội vì họ tin rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện và có thể che dấu được hành vi phạm tội của mình dễ dàng.

Ví dụ vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do Ngô Thị Ánh Tuyết thực hiện tại Bình Dương: Tuyết là Kế toán trưởng của Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phúc Lợi. Trong thời gian làm việc từ 2011 đến 2012, do thấy việc giao dịch thanh toán ủy nhiệm chi giữa Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phúc Lợi và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Dương quá đơn giản và dễ dàng nên Tuyết nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ngân hàng bằng cách giả mạo chữ ký của chủ doanh nghiệp trên 05 tờ ủy nhiệm chi để lừa các nhân viên giao dịch của ngân hàng thực hiện chuyển tiền của Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phúc Lợi vào tài khoản cá nhân của Tuyết với tổng số tiền 52.979.400 đồng, sau đó Tuyết xin nghỉ việc. Vụ án cho thấy, do có trình độ học vấn, chuyên môn cao nên trong quá trình làm việc Tuyết có thể phát hiện những sơ hở trong quá trình thanh toán giữa doanh nghiệp và ngân hàng, từ đó nảy sinh tâm lý tham lam, thực dụng, chiếm đoạt tài sản thành của mình và tin rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện nên khi có cơ hội, Tuyết đã giả mạo chữ ký để chiếm đoạt tài sản.

- Đặc điểm về quốc tịch, dân tộc, tôn giáo:

+ Xét về đặc điểm dân tộc của nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB phản ánh sự tương quan giữa tỷ lệ đặc điểm nhân thân tiêu cực của người dân tộc kinh với người dân tộc thiểu số trên địa bàn miền ĐNB phạm tội XPSH.

Miền ĐNB có dân số là 15.790.400 người, với 54 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, trong đó người Kinh chiếm 87,6% dân số, dân tộc thiểu số còn lại chiếm 12,4% với 40 dân tộc (chủ yếu là người Khome, Hoa, Thái, Nùng, Mường, Tày, Khome, Chơ Ro, BaNa...) (bảng phụ lục 2.15).

Qua số liệu cho thấy người Kinh chiếm 80,71% dân số ở Đông Nam bộ nên tỷ lệ phạm tội cũng cao hơn dân tộc thiểu số, ngoài ra người Kinh có xu hướng di cư về đồng bằng, thành thị, các thành phố lớn có kinh tế phát triển như miền ĐNB để định cư, học tập, lao động, làm việc. Chính điều kiện kinh tế phát triển ở vùng thành thị,

quận huyện ở vùng ĐNB với nhiều khu chế xuất, khu công nghiệp, nhà nghỉ, khu du lịch, massage... tiềm ẩn nhiều hiện tượng xã hội tiêu cực tác động, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư người kinh dẫn đến hành vi phạm tội XPSH miền ĐNB chiếm tỷ lệ cao hơn. Tuy nhiên, người dân tộc thiểu số phạm tội ít một phần do số lượng dân số nhỏ, sống tập trung theo cộng đồng dân cư ở các vùng kinh tế kém phát triển ở miền ĐNB và chủ yếu làm nghề nông, trồng trọt nên tỷ lệ nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH cũng ít hơn so với vùng kinh tế phát triển.

Khu vực miền Đông Nam bộ với hơn 30% dân số theo tôn giáo, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là Phật Giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi Giáo, Cao Đài. Đối với người dân tộc thiểu số có mối liên hệ chặt chẽ với tôn giáo với nhiều hành vi được ràng buộc cho các tín đồ. Ví dụ như người dân tộc Khơme theo phật giáo và tu trả hiếu nên hành vi trái với pháp luật, đạo đức không cho phép và phải thực hiện tu trả hiếu nên tỷ lệ phạm tội ít hơn.

Diễn hình vụ án phạm tội XPSH do tòa án Thành phố HCM xét xử tội Cướp tài sản và Cướp giật tài sản ngày 22/12/2014 với 7 đồng phạm, trong đó 3 bị cáo: Phạm Văn Thành, nghề nghiệp: Buôn bán, tôn giáo: Thiên chúa, đã phạm tội nhưng đã xóa án tích ở tội Giết người, Cướp giật tài sản; bị cáo Lê Chí Sùng, nghề nghiệp: xe ôm, dân tộc: Hoa, tôn giáo: Thiên chúa, đã xóa án tích ở tội môi giới mại dâm; Lê Văn Phụng, nghề nghiệp: khuôn vác, tôn giáo: Thiên chúa; Nguyễn Văn Oai, nghề nghiệp: Công nhân, tôn giáo: Thiên chúa. Các đối tượng trên là những người không nghề nghiệp ổn định, nên dễ có tiền tiêu xài, các đối tượng đã có sự bàn bạc, cấu kết với nhau chỉ để tấn công người đi đường chiếm đoạt tài sản và đã thực hiện trót lọt 04 vụ ở các quận Phú Nhuận và Tân Bình. Tòa án thành phố HCM đã tuyên phạt 07 bị cáo phạm tội Cướp tài sản và Cướp giật tài sản (*trích bản án 490/2014/HSST ngày 22/12/2014 của tòa án thành phố HCM*). Như vậy, ví dụ trên cho thấy sự đa dạng nhân thân người phạm tội về dân tộc, tôn giáo, nhóm tội phạm phần lớn theo đạo Thiên chúa (4/7 đối tượng), 01 là dân tộc Hoa nhưng vẫn có thân thân tiêu cực, đã xóa án tích tội giết người, cướp giật tài sản, môi giới mại dâm nhưng lại không hoàn lương, lao động chân chính mà tiếp tục phạm tội được dễ có tiền ăn chơi, tiêu xài cá nhân.

+ Xét về đặc điểm quốc tịch miền ĐNB có tỷ lệ tội phạm XPSH do người nước ngoài thực hiện với 130 vụ (chiếm 0,22% tổng số vụ) và 233 đối tượng (chiếm 0,26% tổng số đối tượng), trong đó địa bàn thành phố HCM xảy ra tội phạm XPSH do người nước ngoài nhiều nhất với 92,3% số vụ. Qua khảo sát thực tiễn cho thấy tội phạm XPSH do người nước ngoài thực hiện tập trung vào 2 tội danh là Trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đa phần có tính chất đồng phạm, thường tập trung ở thành phố, khu vực có kinh tế phát triển, khu phố du lịch...

Tuy xảy ra ít trong tổng số tội phạm XPSH miền ĐNB nhưng các vụ án bị cáo là người nước ngoài đang có xu hướng gia tăng đặc biệt trong những năm gần đây do ảnh hưởng từ xu thế phát triển, hội nhập mạnh mẽ về kinh tế nên tỷ lệ người nước ngoài đến làm ăn, sinh sống ở Việt Nam ngày càng đông, dẫn đến tội phạm là người nước ngoài nói chung và XPSH miền ĐNB nói riêng đang có chiều hướng gia tăng, đặc biệt lợi dụng lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, mạng xã hội để lừa đảo, trộm cắp tài sản, lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản... Đặc trưng của tội phạm là người nước ngoài phạm tội XPSH miền ĐNB đa phần tổ chức cấu kết thành băng nhóm, thủ đoạn hết sức tinh vi, khó phát hiện, xuyên biên giới... Tội phạm đa phần gốc Phi, Đài Loan, Trung Quốc, Philipin, Malaysia...

Diễn hình như vụ xét xử băng nhóm lừa đảo tội phạm qua điện thoại tại tòa án TPHCM tháng 12/2016 với 4 bị cáo người Trung Quốc và 5 bị cáo người Việt Nam với tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Chỉ từ tháng 3 đến tháng 4-2014, băng nhóm này đã lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền lên hơn 7 tỉ đồng của 22 người bị hại với thủ đoạn giả danh Công an để đe dọa nạn nhân chuyển tiền vào tài khoản của mình.

Một trường hợp khác đối tượng phạm tội người nước ngoài đã lợi dụng đặc điểm các giao dịch điện tử để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, diễn hình là: Vụ việc, ngày 26-11-2012, từ tin tố giác khẩn cấp của Công ty Hoa Sen, Cơ quan CSĐT bắt quả tang Dương Anh Nhung và Okonkwo Mathias Ugochukwu (thường gọi là Ugo) đang rút trái phép 110.000USD tại ngân hàng. Theo điều tra của cơ quan CSĐT Công an TP HCM và Cáo trạng truy tố của VKSND TPHCM, tháng 9-2012, Công ty Hoa Sen ký hợp đồng bán cho Công ty KHP Roofing (trụ sở tại Malaysia) 158,750 tấn tôn lạnh với

giá tổng cộng 144.677USD, đã được tạm ứng 29.140USD. Quá trình giao dịch, nhân viên công ty sử dụng một địa chỉ email gửi cho đối tác file hóa đơn tạm bán hàng, đồng thời yêu cầu thanh toán số tiền còn lại hơn 115.500USD vào tài khoản của công ty tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Khu công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương. Sau đó, đối tượng tên Cris cùng đồng bọn đã đột nhập email trên, chiếm đoạt toàn bộ thông tin trao đổi giữa hai bên, đồng thời sử dụng một email có địa chỉ gần giống với địa chỉ email của công ty nhắn cho Công ty KHP Roofing yêu cầu chuyển số tiền này vào tài khoản của Dương Anh Nhung được mở tại một ngân hàng khác để rút ra chiếm đoạt. Ngày 26/6/2013, TAND TP.HCM xét xử sơ thẩm đã quyết định tuyên phạt bị cáo Cletus Chimaobi Hillary, quốc tịch Nigeria, mức án 14 năm tù, tuyên phạt bị cáo Okonkwo Mathias Ugochukwu, cũng quốc tịch Nigeria mức án 12 năm tù cùng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

3.1.2. Thực trạng nhân thân người phạm tội xét theo các đặc điểm đạo đức - tâm lý của người phạm tội

Qua phân tích thực tiễn tội phạm XPSH miền ĐNB cho thấy các đặc điểm đặc trưng về đạo đức - tâm lý học của nhân thân người phạm tội XPSH như sau:

- Thực trạng các đặc điểm đạo đức - tâm lý của nhân thân người phạm tội xét theo quan điểm, thái độ, nhận thức đối với các giá trị đạo đức xã hội:

Qua khảo sát thực tiễn cho thấy, hầu hết các bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB đều có quan điểm, thái độ, nhận thức không đúng đắn, lệch lạc về các giá trị đạo đức xã hội, thiếu trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng, xã hội... (xem bảng 2.20). Chính vì vậy, các đối tượng thường lười lao động, học tập, lệch lạc về cách làm giàu, thường xuyên vi phạm pháp luật... Một số nhóm đối tượng còn tham gia vào các tệ nạn xã hội, tham gia vào các mối quan hệ bạn bè xấu, băng nhóm phạm tội, thường xuyên tụ tập chơi game, ăn nhậu, lười biếng lao động, không cố gắng tích cực để cải thiện đời sống... dẫn đến hình thành nhân cách tiêu cực và thực hiện hành vi phạm tội XPSH khi đã hết tài sản.

Diễn hình vụ án đối tượng phạm tội có quan điểm, nhận thức không đúng đắn do bị cáo Lê Trung Dũng ở Bình Phước thực hiện, tuy có trình độ văn hóa phổ thông (12/12) nhưng không chịu làm việc, lười lao động, thường xuyên ăn nhậu và liên tục vi

phạm pháp luật, có 2 tiền án: năm 2003, xử phạt 04 tháng tù về Trộm cắp tài sản, năm 2006 xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Ngày 4/6/2010 đối tượng Dũng đang uống rượu cùng với Linh, Long, Đại, Lượng, Hùng, để có tiền ăn nhậu tiếp nên Dũng rủ Linh dùng rựa đi cướp tài sản ở Quốc lộ 14. Tại địa bàn thuộc Thôn Sơn Hiệp, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, Dũng và Linh chặn xe ô tô biển số 54Y-9052 và dùng rựa đánh đập 2 tài xế là Nguyễn Văn Luân và Ngô Tấn Tài cướp tài sản và điện thoại Q-Mobile được tổng số tiền là 1,586 triệu và tiếp tục ăn xài cho đến khi bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng bắt lại. Bị cáo Lê Trung Dũng bị Tòa tuyên phạt 10 năm tù về tội danh Cướp tài sản (Bản án 99/2011/HSPT ở Tòa Bình Phước). Phân tích ví dụ trên cho thấy đối tượng Dũng tuy có trình độ văn hóa phổ thông (12/12) nhưng không chịu chăm chỉ làm việc đúng với khả năng của mình mà luôn lười biếng lao động, coi thường các giá trị xã hội, đặc biệt là giá trị tính mạng, tài sản, sức khỏe của người khác, thường xuyên tụ tập các đám bạn thất nghiệp tiêu xài, ăn nhậu nên khi hết tiền phải thực hiện hành vi phạm tội, trong đó vụ cướp tài sản chỉ có giá trị nhỏ là 1,586 triệu, cho thấy đối tượng có quan điểm, thái độ, nhận thức lệch lạc, tiêu cực.

Qua khảo sát thực tiễn cho thấy nhóm tội XPSH miền ĐNB vụ lợi có tính chất chiếm đoạt chiếm tới 96,3% (bảng 2.16) và do đặc trưng cấu thành tội phạm của nhóm tội này là gắn với tài sản chiếm đoạt nên các bị cáo có quan điểm, thái độ, nhận thức lệch lạc, tiêu cực chiếm đa số và mang tính đặc trưng của nhóm tội XPSH miền ĐNB với tính chất, hành vi nguy hiểm cho xã hội. Các nhóm XPSH vụ lợi không có tính chất chiếm đoạt và không vụ lợi không có tính chất chiếm đoạt chủ yếu tập trung ở tội hủy hoại hoặc cố ý là hư hỏng tài sản.

Phần lớn bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB được khảo sát đều có thái độ khai báo trung thực, thành khẩn, sẵn sàng hợp tác với Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, vì đa số các bị cáo đều bị bắt quả tang nên không thể che giấu hành vi phạm tội của mình và để nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, còn một số bị cáo vẫn tỏ thái độ rất ngoan cố, khai báo quanh co, chối tội, có thái độ thách thức với Cơ quan tiến hành tố tụng, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Nhận thức đặc điểm nhân thân này để phân loại với các trường hợp này sẽ là cơ sở để áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và cải tạo.

- Thực trạng các đặc điểm đạo đức - tâm lý của nhân thân người phạm tội xét theo nhu cầu, lợi ích:

Đối người phạm tội XPSH miền ĐNB thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích vật chất, vụ lợi... không chính đáng. Khảo sát thực tiễn cho thấy, để đáp ứng nhu cầu lợi ích không chính đáng, phần lớn đối tượng phạm tội XPSH miền ĐNB chỉ có lý do rất đơn giản là không có tiền tiêu xài cá nhân, trang trải cho cuộc sống thiếu thốn, khó khăn về vật chất (chiếm 38,5%), do nghiện ma túy (chiếm 19,8%), do thiếu tiền ăn nhậu (chiếm 15,5%), do trả nợ vay cá nhân (chiếm 3,9%), do chơi đánh bài, cá độ bóng đá (chiếm 3,4%), do thiếu tiền chơi game (chiếm 1,4%) và chiếm 17,6% là các nguyên nhân còn lại như sự tham lam của cá nhân, do yếu tố nạn nhân sơ hở trong bảo quản tài sản, nóng giận không kiểm soát được và các yếu tố tình huống khác... (Xem bảng phụ lục 2.17)

Để làm rõ hơn đối tượng suy thoái đạo đức lối sống qua vụ án “Giết người”, “Cướp tài sản” do Kiều Thanh Thi ngụ tại khu phố Thạnh Hòa B, phường An Thạnh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thực hiện. Ngày 15/10/2014, để có tiền tiêu xài mua sắm quần áo, giày dép cho bản thân Thi đã đồng ý quan hệ tình dục đồng tính với ông Liêu Thành Hưng cho 200.000 đồng một lần và hứa sẽ mua sắm mọi thứ cho Thi. Sau khi quan hệ xong, Hưng trả lời là không có tiền và sẽ không mua sắm gì cho Thi. Tức giận Thi nảy sinh ý định giết Hưng rồi chiếm đoạt tài sản. Đến 01 giờ ngày 07/11/2014, Hưng đang nằm xem tivi, Thi ngồi dậy, dùng tay trái bịt miệng, tay phải dùng dao đâm vào vùng cổ của Hưng, Hưng vùng dậy bỏ chạy, Thi tiếp tục đuổi theo đâm vào lưng và đập Hưng ngã trúng tủ, sau đó, Thi leo rào bỏ trốn. Khoảng 06 giờ cùng ngày, gia đình của Hưng phát hiện Hưng đã chết nên báo Công an, sau đó Thi bị bắt giữ. Qua vụ án cho thấy, do sự suy thoái về đạo đức, lối sống đã hình thành những nhu cầu, lối sống lệch lạc ở Thi. Để có tiền mua sắm, tiêu xài, Thi đã chấp nhận quan hệ đồng tính với ông Hưng, sẵn sàng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, kể cả giết người.

Một ví dụ khác đối tượng phạm tội để có tiền tiêu xài và thỏa mãn cơn nghiện tại bản án số 120/2017/HSST của tòa án huyện Xuân Lộc, Đồng Nai. Bị cáo Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994, không nghề, học vấn 7/12, 01 tiền sự về trộm cắp tài sản bị xử phạt

hành chính 1,5 triệu đồng năm 2016. Đ thường xuyên đi lang thang ở địa bàn huyện Xuân Lộc để tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản, đi ngang qua nhà chị Lê Thị Hồng T thấy cửa mở và không thấy ai ở nhà nên Đ đã vào lấy máy tính bảng hiệu Huawei trị giá 1 triệu đồng và giấu vào bụi tiêu cách nhà chị T 20 mét. Trên đường về có kể lại với anh Nguyễn Thanh H biết và sau đó H đã kể lại sự việc cho chị T và chị T báo cho công an huyện Xuân Lộc. Xem xét hành vi của Đ, tòa án huyện Xuân Lộc đã tuyên phạt bị cáo 8 tháng tù giam. Như vậy, hành vi của Đ phạm tội với nhu cầu, lợi ích không chính đáng xuất phát từ việc thất nghiệp, thường xuyên ăn chơi, đua đòi nên không có tiền tiêu xài, và để thỏa mãn cơn nghiện, nên hàng ngày kiếm tiền bằng cách thực hiện hành vi phạm tội để sống. Đây là trường hợp cần thiết cần phân loại, áp dụng biện pháp phạt tù, cai nghiện, cải tạo, giáo dục, và dạy nghề để tránh cho đối tượng tái phạm tội.

Nhu cầu, lợi ích ở miền ĐNB cũng không đồng đều, ở những nơi kinh tế phát triển, thu nhập người dân cao, ở các thành phố trung tâm thì nhu cầu, lợi ích của người dân sẽ cao và đa dạng hơn so với vùng ven, nông thôn với cuộc sống khó khăn. Vì vậy, người dân ở các vùng trung tâm có điều kiện vật chất với nhiều khu vui chơi, giải trí sẽ dễ dàng bị thoái hóa, biến chất, ảnh hưởng tiêu cực hơn và là nơi tập trung nhiều đối tượng phạm tội XPSH đến để phạm tội (quận 1, quận 3, quận 5, thành phố Biên Hòa, thành phố Thủ Dầu Một).

- Thực trạng các đặc điểm đạo đức - tâm lý của nhân thân người phạm tội xét theo động cơ, mục đích phạm tội:

Theo thống kê 910 bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB cho thấy, chỉ có 34 bị cáo (chiếm 3,7%) phạm tội ở nhóm tội không có mục đích vụ lợi (từ Điều 143 đến 145 BLHS), còn lại 866 bị cáo (96,3%) phạm tội ở nhóm tội có mục đích vụ lợi (từ Điều 133 đến 142). Trong nhóm 866 bị cáo phạm tội XPSH có mục đích vụ lợi thì chủ yếu là phạm tội mục đích chiếm đoạt, còn lại là không có đối tượng không có mục đích chiếm đoạt. Xác định được động cơ, mục đích phạm tội rất quan trọng trong việc phân tích có cơ sở về diễn biến đặc điểm đạo đức, tâm lý của người phạm tội XPSH xuất phát từ động cơ, mục đích gì và thỏa mãn động cơ, mục đích nhu cầu vật chất như thế nào, từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa được hiệu quả (xem phụ lục 2.17).

Phân tích nhóm nhân thân người phạm tội XPSH vụ lợi, không có tính chất chiếm đoạt (Điều 177), là hành vi đối tượng sử dụng trái phép tài sản tuy cũng xâm phạm đến sở hữu nhưng động cơ, mục đích chỉ khai thác trái phép tài sản để vụ lợi chứ không có động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, cơ quan thành của mình. Qua khảo sát nhóm này không xảy ra ở miền ĐNB, tuy nhiên cũng không loại trừ tội phạm ẩn nhiều nhưng vì nguyên nhân khách quan, chủ quan mà chưa phát hiện được để nhận thức nhân thân người phạm tội được chính xác, từ đó mới có giải pháp phòng ngừa được hiệu quả.

Phân tích nhóm nhân thân người phạm tội XPSH không vụ lợi và không có tính chiếm đoạt (Điều 178, 179, 180) thì nhóm này tuy XPSH nhưng động cơ, mục đích không vụ lợi, không có tính chất chiếm đoạt với hành vi cụ thể là hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, vô ý gây thiệt hại đến tài sản của người khác. Trong nhóm này thì nhân thân với hành vi hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178) xảy ra nhiều nhất chiếm 1,94% số vụ và hình phạt cao nhất là 20 năm, trong Điều 179 thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng hình phạt cao nhất là 5 năm, trong Điều 180 là vô ý gây thiệt hại đến tài sản với hình phạt cao nhất đến 2 năm. Qua đó cho thấy nhóm nhân thân người phạm tội XPSH này xảy ra ít (chiếm 2% trong tổng số vụ) với tính chất, mức độ, hậu quả, động cơ, mục đích không nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội (xem bảng phụ lục 2.2).

Phân tích nhóm nhân thân người phạm tội XPSH vụ lợi, có tính chất chiếm đoạt (từ điều 168 đến 176) với động cơ, mục đích vụ lợi, chiếm đoạt quyền sở hữu tài sản của người khác thành khác thành của mình. Với nhóm nhân thân phạm tội XPSH này mang tính chất đặc trưng nhất của nhóm tội XPSH vì xảy ra nhiều nhất với 97,97% số vụ xâm phạm quyền sở hữu của người khác và là đối tượng chính để phân tích, tìm hiểu về nhân thân người phạm tội XPSH (xem bảng phụ lục 2.2).

- Thực trạng các đặc điểm đạo đức - tâm lý của nhân thân người phạm tội xét theo khí chất, tính cách:

Do điều kiện về kinh tế, xã hội, khí hậu đặc trưng của miền ĐNB nóng, khô kết hợp với biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính dẫn đến ô nhiễm không khí phần nào tác

động, ảnh hưởng đến khí chất, tính cách của con người trở nên dễ nóng bức, mất nước, lo lắng, bị stress... dẫn đến xu hướng tụ tập lại thành nhóm ăn chơi, giải trí, sử dụng hơn sử dụng bia, rượu để giải khát và làm lệch chuẩn nhân cách, không kiểm chế thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Mặt khác, do điều kiện ưu đãi về tự nhiên, khí hậu và ảnh hưởng của văn hóa phương tây từ chế độ cũ khi xóa bỏ chế độ phong kiến đã tác động, ảnh hưởng đến tính cách của đa phần người dân miền ĐNB có lối sống văn hóa thoải mái, phóng túng hơn, một số bộ phận người dân có điều kiện về kinh tế để tiếp cận các loại hình tệ nạn xã hội, rượu, bia, chất kích thích...

Qua khảo sát xã hội học đều cho rằng trên 90% các đối tượng phạm tội XPSH miền ĐNB là do ảnh hưởng của đồng tiền mà thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp phải vi phạm pháp luật mặc dù biết rõ hành vi của mình là trái với quy định của pháp luật.

Một vấn đề quan trọng nữa là sự suy thoái về đạo đức lối sống, ảnh hưởng bởi một bộ phận thanh thiếu niên có tâm lý sống gấp, ăn chơi, đua đòi... hoặc liên quan đến tệ nạn xã hội như: Nghiện rượu bia, cờ bạc, ma túy... mà không chú tâm vào học tập, rèn luyện hoặc lao động một cách chân chính... Tệ nạn xã hội cũng ảnh hưởng đến đặc điểm tâm lý tiêu cực của người phạm tội xâm phạm sở hữu, dẫn đến tâm lý lệch lạc, phải phạm tội để có tiền tiêu xài. Điển hình là đối tượng nghiện ma túy chiếm 23,1% số bị cáo khảo sát phạm tội XPSH. Tuy nhiên, trên thực tế, con số này lớn hơn rất nhiều và là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến hành vi phạm tội XPSH miền ĐNB, đặc biệt qua khảo sát còn cho thấy một số đối tượng XPSH nhiễm HIV (chiếm 0,3%) từ đó cho thấy tính chất, hậu quả của tội phạm XPSH gây ra.

Điển hình vụ án Cướp giật tài sản tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do Nguyễn Hoàng Phước cầm đầu, là đối tượng suy thoái đạo đức, lối sống, sống lang thang, đua đòi, nghiện ma túy. Khoảng 10 giờ ngày 6/7/2010 Phước rủ Ngô Văn Cảnh cùng đi phạm tội lấy tiền mua ma túy để sử dụng thì Cảnh đồng ý, Cảnh chở Phước lưu thông trên đường Đồng Khởi theo hướng ngã tư Tân Phong về huyện Vĩnh Cửu thì phát hiện chị Nguyễn thị Xuân sinh năm 1986 ngụ tại phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa trên cổ có đeo sợi dây chuyền đang lưu thông ngược chiều. Cảnh đã quay xe lại đuổi theo áp sát xe vào bên trái xe chị Xuân, Phước ngồi sau dùng tay giật sợi dây chuyền, sau đó bỏ chạy được khoảng 200m thì xe hỏng nên Cảnh và Phước bỏ xe chạy

bộ để tẩu thoát, đến ngày 14/7/2010 thì bị Công an thành phố Biên Hòa bắt giữ. (Trích Bản án số 619/2010/HSST của TAND thành phố Biên Hòa).

Qua vụ án trên cho thấy, 02 đối tượng đều có những sở thích lệch lạc, sai trái về đạo đức là nghiện ma túy và lười lao động đã khiến cho người phạm tội lựa chọn cách xử sự không đúng với đạo đức, trái pháp luật. Để có tiền mua ma túy sử dụng Phước và Cảnh đã coi thường đạo lý, coi thường pháp luật, manh động, liều lĩnh chiếm đoạt tài sản của người khác.

Một ví dụ điển hình khác là vụ án Cướp tài sản với nhóm tội phạm 5 bị cáo suy thoái đạo đức lối sống, thường xuyên tụ tập ăn nhậu mà không chịu lao động, kiếm tiền để lo cho gia đình. Nhóm tội phạm gồm: Nguyễn Đức Hoàn, Nguyễn Thỏa Thuận, Phạm Văn Dũng, Nguyễn Đình Thông và Phạm Văn Long tổ chức uống rượu tại lô cao su Nông trường Nghĩa trung thuộc huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, sau khi uống hết rượu thì cả nhóm trở về gần nhà tiếp tục uống rượu. Trên đường về thì Hoàn nảy sinh ý định chặn ô tô tải đi ngang qua đường để chiếm đoạt tiền tiêu xài và ăn nhậu tiếp. Cả nhóm đã gây ra liên tiếp cho 3 xe ô tô tải với hành vi là chặn xe đập phá kính và xin tiền gây mất an ninh cho khu vực và tâm lý hoang mang, lo sợ cho người đi đường. Sau khi bỏ chạy, bọn tội phạm đã bị Công an huyện Bù Gia Mập bắt và bị tòa án xét xử với tội danh Cướp tài sản (trích bản án 18/2014/HSPT ngày 04/3/2014 tại TAND tỉnh Bình Phước).

- Trạng thái các đặc điểm đạo đức - tâm lý của nhân thân người phạm tội xét theo tính chất, mức độ tiêu cực:

Tính chất hành vi phạm tội tỷ lệ thuận với mức độ tiêu cực nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB. Vì vậy, cần thiết phải đo lường thực trạng mức độ nhân thân tiêu cực thông qua hành vi phạm tội XPSH, dựa vào số hình phạt, nghiện ma túy, có tham gia vào tệ nạn xã hội, sử dụng hung khí, công cụ phương tiện, đồng phạm, thời gian gây án...

Qua khảo sát cho thấy, đặc trưng của tội phạm XPSH ở miền ĐNB thường phạm tội ít nghiêm trọng từ 7 năm trở xuống chiếm chủ yếu, với số tài sản chiếm đoạt không lớn, cụ thể: Tội phạm từ 3 đến 7 năm tù xảy ra 129 vụ (chiếm 14,1%), dưới 3 năm tù là 580 vụ (chiếm 63,7%), án treo, cải tạo không giam giữ là 153 vụ, chiếm 16,8%, các vụ

án xét xử từ 7 đến 15 năm tù, chung thân và tử hình chỉ chiếm lần lượt là 4,9%; 0,2% và 0,1% (Xem bảng phụ lục 2.8).

Tuy nhiên, tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng bị kết án từ 7 năm trở lên có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây cho thấy tính chất và hậu quả gây hại càng lớn hơn, tội phạm có xu hướng có tổ chức trang bị vũ khí quân dụng, sử dụng dao, phạm tội táo bạo, quyết liệt, chuyên nghiệp hơn để đạt mục đích mà bất chấp hậu quả, phạm tội kết hợp với hành vi giết người, cố ý gây thương tích, gây tổn hại sức khỏe cho người khác, xâm phạm trực tiếp đến an toàn xã hội... Điều này cho thấy, tính chất của tội phạm XPSH ngày càng nguy hiểm hơn tỷ lệ thuận với nhân thân có xu hướng tiêu cực hơn.

Qua điều tra, khảo sát bị cáo phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB, thu thập thông tin về tình trạng sử dụng ma túy thì chiếm tỷ lệ 19,8% bị cáo đã từng sử dụng hoặc nghiện ma túy trước khi phạm tội và tệ nạn xã hội khác như đánh bài, cá độ, ăn nhậu, chơi game... chiếm 20,3%. Những đối tượng nghiện ma túy, khi bị cơn nghiện hành hạ, rất mạnh động, liều lĩnh, sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội để có tiền mua ma túy thỏa mãn cơn nghiện.

Ví dụ vụ án xảy ra có tính chất mức độ nghiêm trọng của băng nhóm 16 đối tượng xét xử các tội danh “Cướp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Không tố giác tội phạm” và “Cố ý gây thương tích” ở tòa án thành phố HCM ngày 20/11/2013, do Đỗ Nguyễn Tiến Dũng và đồng phạm thực hiện với mục đích muốn có tiền ăn chơi, sử dụng chất ma túy, trả tiền thuê nhà trọ. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2011, Đỗ Nguyễn Tiến Dũng cùng đồng phạm thực hiện 15 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 28.550.000 đồng. Ngoài ra, đồng phạm Hồ Dương Thanh và Trần Phúc Bảo còn thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho anh Hoàng Ngọc Năm có tỷ lệ thương tật là 21%, cho anh Trần Trung Ngôn có tỷ lệ thương tật là 32%.

Phân tích nhân thân của người phạm tội XPSH miền ĐNB, nhận thấy số bị cáo phạm tội tái phạm, tái phạm nguy hiểm chiếm tỷ lệ 31,4% (xem bảng phụ lục 2.15). Những đối tượng vẫn tái phạm hành vi phạm tội XPSH thì thường chuyên nghiệp, nguy hiểm hơn, phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hơn so với đối tượng phạm

tội lần đầu. Điều này đã nói lên tính chất phức tạp của nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB trong giai đoạn hiện nay và vấn đề đặt ra đối với công tác giáo dục, cải tạo người bị giam và tái hòa nhập cộng đồng.

Ngoài ra, tính chất của hành vi phạm tội còn có thể đánh giá thông qua tội danh, từ đó có thể phân loại theo nhóm tội mục đích vụ lợi hay không. Kết quả khảo sát, thống kê các vụ án XPSH trên địa bàn miền ĐNB cho thấy nhóm các tội danh phạm tội nhiều nhất là tội Trộm cắp tài sản chiếm 62,31% vụ và 61,88% số đối tượng; thứ hai là tội Cướp giật tài sản với 17,74% số vụ và 17,35% số bị cáo; thứ ba là tội Cướp tài sản chiếm 7,25% số vụ và 8,3% số bị cáo; kế đến là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 5,65% số vụ và 5,24% số đối tượng; tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chiếm tỷ lệ lần lượt là 2,73% số vụ và 2,44% số đối tượng; các tội danh còn lại chiếm tỷ lệ ít hơn với 4,32% số vụ và 4,79% số đối tượng (phụ lục 2.2). Thống kê các tội danh XPSH miền ĐNB theo nhóm cho thấy nhóm vụ lợi có tính chất chiếm đoạt (từ Điều 168 đến Điều 176) là xảy ra nhiều nhất chiếm 97,97% số vụ và 97,75% số đối tượng, tội vụ lợi không có tính chất chiếm đoạt (Điều 177) chiếm 0,03% số vụ và số đối tượng, còn lại là các tội không vụ lợi, không có tính chất chiếm đoạt (Điều 178, Điều 179, Điều 180) chiếm 2% số vụ và 2,22% số đối tượng. Số liệu đã phản ánh đặc trưng của nhóm tội XPSH trên ĐNB tập trung chủ yếu là nhóm tội vụ lợi có tính chất chiếm đoạt chiếm 97,97% số vụ và 97,75% số đối tượng. Ở nhóm tội này có thể hiện mục đích hoặc thực hiện hành vi chiếm trái pháp luật tài sản đang được sự quản lý của chủ sở hữu thành tài sản của mình gây thiệt hại đến tài sản của cá nhân, tổ chức trong đời sống xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân, thậm chí đối với tội phạm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng còn có thể gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người chủ sở hữu tài sản. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh phân tích đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB chủ yếu tập trung vào nhóm vụ lợi có tính chất chiếm đoạt để khai thác đặc điểm đặc trưng của tội phạm này phục vụ cho công tác phòng ngừa.

Tính chất, mức độ tiêu cực của nhân thân còn thể hiện thông qua vũ khí mang theo trong người, sẵn sàng chống trả gây thương vong cho lực lượng chức năng và quần chúng nhân dân. Đối tượng có sử dụng vũ khí, hung khí chiếm tỷ lệ cao cũng làm

cho tội cướp tài sản càng thêm nguy hiểm. Số vụ các đối tượng sử dụng dao, kiếm, mã tấu, búa, cuốc chiếm 69,3% và vũ khí quân dụng chiếm 3,1% để gây án.

3.1.3. Các đặc điểm pháp lý hình sự

Nghiên cứu, khảo sát 600 vụ án có 910 bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB, cho thấy: 234 đối tượng có tiền án, tiền sự ở các tội khác nhau (chiếm 25,7%) và 676 đối tượng không có tiền án, tiền sự (chiếm 74,3%). Điều đáng chú ý là trong số đối tượng có tiền án ở các tội khác nhau vẫn tiếp tục tái phạm, tái phạm nguy hiểm tội XPSH chiếm 11,4%. Trong đó, số vụ án phạm tội đơn lẻ chiếm tỷ lệ nhiều hơn (366/600 vụ án, chiếm 61%), nhưng số vụ án có đồng phạm cũng chiếm tỉ lệ khá cao với 234 vụ (chiếm 39%). (xem bảng phụ lục số 2.15)

Con số khảo sát ở trên đã thể hiện mức độ, tính chất nguy hiểm của tội phạm xét về nhân nhân người phạm tội với sự cấu kết của nhiều đối tượng để dễ dàng gây án, đạt được mục đích. Mặc dù vậy, sự cấu kết giữa các đối tượng trong vụ án thường không chặt chẽ, chủ yếu là các đối tượng hám lợi, ham chơi, đua đòi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên rủ rê lẫn nhau, không có sự phân công chỉ đạo chặt chẽ theo từng khâu thực hiện tội phạm mà hầu hết đều tham gia là người thực hành (đồng phạm đơn giản). Tuy nhiên, xu hướng tội phạm XPSH trên địa bàn ĐNB theo đồng phạm cũng gia tăng để dễ dàng gây án, tẩu thoát và đối phó với cơ quan chức năng.

Diễn hình như vụ “Trộm cắp tài sản” do Nguyễn Văn Danh cùng đồng bọn thực hiện xảy ra tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương có 13 bị cáo. Vụ “Cướp tài sản” và “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” do Trần Thị Anh Đào cùng đồng bọn thực hiện xảy ra tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có tổng cộng 07 bị cáo. Vụ “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” do Nguyễn Xuân Cường cùng đồng bọn thực hiện xảy ra tại ấp Long Thành, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương có 06 bị cáo.

Khảo sát đối tượng trong các vụ án XPSH miền ĐNB xảy ra cho thấy, đối tượng tái phạm chủ yếu rơi vào nhóm tội phạm XPSH (chiếm 68%), trong đó nhiều nhất là tái phạm ở tội cướp giật tài sản (chiếm 37,9%), trộm cắp tài sản (chiếm 15,1%), cướp tài sản (chiếm 10,1%) (xem bảng phụ lục 2.15).

Điển hình là vụ án tái phạm tội nhiều lần do bị cáo Lưu Diệu Ba, sinh năm 1977, bỏ học sớm từ lớp 1, không có nghề. Bị cáo đã có 4 tiền án về tội cướp giật tài sản, cụ thể: Ngày 24/5/1997 tòa án Quận Tân Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, ngày 17/1/2000 tòa án Quận Tân Bình xử phạt 30 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, ngày 15/1/2003 tòa án TP HCM xử phạt 5 năm tù về tội Cướp giật tài sản, ngày 25/1/2009 tòa án quận 8 xử phạt 5 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Như vậy, qua ví dụ trên cho thấy bị cáo Ba đã có tư tưởng lệch lạc, bỏ học từ nhỏ, không có nghề nghiệp nên không có sự giáo dục một cách đúng đắn, thường xuyên vi phạm pháp luật, cụ thể là từ năm 1997 đến nay liên tục tái phạm tội cướp giật tài sản, và gần như đây là nghề kiếm sống chính của mình (*Trích bản án 312/2010/HSPT ngày 20/6/2010 của Tòa án TP HCM*). Chính vì vậy, phân tích làm rõ đặc điểm này là cơ sở để xác định hiệu quả công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân hiện nay đang sử dụng từ đó mới có biện pháp, phân loại phòng ngừa được hiệu quả.

3.2. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ

Sau khi phân tích, hệ thống thực tiễn đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB là cơ sở nghiên cứu sinh truy nguyên các hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến sự hình thành nhân thân tiêu cực để giải thích vì sao con người lại thực hiện hành vi phạm tội và tại sao lại hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực đó của người phạm tội. Trước hết cần thiết phải phân tích những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến sự hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội bao gồm các hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống và các hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc về chính bản thân người phạm tội. Qua nghiên cứu thực trạng nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB cho thấy thực trạng các hiện tượng xã hội tiêu cực như sau:

3.2.1. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống

Trong quá trình tương tác giữa hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống và hiện tượng tâm sinh lý bên trong nhân thân thì hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống đóng vai trò quyết định hành vi phạm tội. Phân tích thực trạng nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB có thể phân loại những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống như sau: Những hiện tượng xã hội tiêu cực xuất phát từ môi

trường gia đình; nhà trường; kinh tế - xã hội; văn hóa, tư tưởng, đạo đức; công tác quản lý; môi trường tự nhiên - địa lý.

3.2.1.1. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực từ môi trường tự nhiên - địa lý của miền Đông Nam bộ

Miền ĐNB với nhiều đặc điểm đặc trưng như kinh tế phát triển, trình độ khoa học kỹ thuật cao, sở hữu tài sản có giá trị... kết hợp với yếu tố về địa lý, khí hậu tác động, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội nói chung và xâm phạm sở hữu nói riêng miền ĐNB sẽ mang đặc trưng riêng biệt, có thể khái quát như sau:

Về khí hậu: Miền Đông Nam Bộ có đặc điểm của vùng khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt độ cao và hầu như không thay đổi trong năm. Đặc biệt có sự phân hoá sâu sắc theo mùa, phù hợp với hoạt động của gió mùa. Khí hậu của vùng tương đối điều hoà, ít có thiên tai. Với nhiệt độ khí hậu cao ở cận xích đạo nên cũng là điều kiện dễ thúc đẩy tâm lý, tính cách của con người như dễ bị căng thẳng, nóng nảy, mệt mỏi... dẫn đến tình trạng bị kích động, không kiểm soát được hành vi của mình, dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Về tính cách, con người miền ĐNB: Do được thiên nhiên ưu đãi, đất rộng người thưa, có vườn rộng, đầy đủ về tự nhiên, không bị thiên tai, hạn hán, mất mùa, lũ lụt... và bị đô hộ bởi Thực dân Pháp và Đế Quốc Mỹ từ năm 1884 đến 1975 nên ảnh hưởng của văn hóa phương tây nên tính cách con người miền ĐNB sẽ khác với miền Bắc, miền Trung luôn chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho Giáo, phong kiến từ lâu đời và nền nông nghiệp chịu nhiều thiên tai, lũ lụt, hạn hán. Vì vậy, đa phần người dân miền ĐNB sống thoải mái hơn, không cần tích cực lao động, sống bằng lòng với những gì mình có, sống tận hưởng nhiều hơn. Chính ảnh hưởng về tư duy, tính cách như vậy, khi kinh tế - xã hội hội nhập, phát triển nhanh, tốc độ tăng dân số, xã hội hóa nhanh, ruộng nông nghiệp, vườn bị thu hẹp nên một số bộ phận dân cư thất nghiệp, lười lao động kết hợp với tệ nạn xã hội như rượu bia, cờ bạc, nghiện ma túy... đang phát triển nhanh ở khu vực miền ĐNB là nguyên nhân tiềm ẩn tiêu cực hình thành nhân thân người phạm tội XPSH.

3.2.1.2. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực từ môi trường gia đình

Qua khảo sát thực tiễn miền Đông Nam bộ từ năm 2008 đến năm 2017 thì các hiện tượng tiêu cực tác động xuất phát từ môi trường gia đình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH có thể đánh giá như sau:

Thứ nhất, không có sự quan tâm chăm sóc đúng mức con cái

Kinh tế thị trường hội nhập, phát triển mạnh mẽ, thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài của miền Đông Nam bộ thành lập nhiều khu trung tâm thương mại, khu công nghiệp, xí nghiệp... và thu hút người lao động các tỉnh, vùng miền lân cận di cư đến để làm việc, học hành. Chính quá trình hội nhập kinh tế, nên cha mẹ phải làm việc xa nhà, dành nhiều thời gian hơn cho công việc để kiếm tiền trang trải cuộc sống nuôi bản thân và gia đình nên sẽ không có nhiều thời gian, điều kiện quan tâm, chăm sóc con cái, quan tâm đến học hành, bạn bè, nhà trường, giáo dục về đạo đức, lối sống... Dẫn đến nhân thân dễ bị sa ngã, giao du với đối tượng, thành phần xấu lời kéo vào các hành vi phạm tội XPSH.

Đối với con cái ở độ tuổi dậy thì thì sự phát triển tâm - sinh lý hết sức phức tạp nên cần phải có sự tư vấn, hỗ trợ định hướng của gia đình để phân biệt hành vi trái đạo đức, pháp luật và đâu là hành vi tích cực cần được ủng hộ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đa số trong các gia đình lao động thì cha mẹ chưa hoàn thành hết vai trò, trách nhiệm của mình. Điều này dễ dẫn tới sự phát triển tâm - sinh lý lệch lạc của trẻ nhỏ. Sự thiếu quan tâm chăm sóc của cha mẹ có thể kéo theo hệ lụy là không kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những hành vi sai trái của trẻ em, trẻ em bỏ học mà không biết, thường xuyên đi chơi khuya, chơi game thâu đêm, nhậu nhẹt, giao du đám bạn xấu, từ đó dễ dàng đi vào con đường phạm pháp.

Phân tích kết quả điều tra xã hội học trên địa bàn miền ĐNB với kết quả có 70,3% số người được hỏi trả lời cha mẹ ít quan tâm đến con, ít có thời gian dành cho con; chỉ có 16,7% cha mẹ rất quan tâm đến con, thường xuyên dành thời gian cho con; 13% số người chọn cha mẹ phải lo làm ăn, không có thời gian quan tâm, chăm sóc cho con. Qua số liệu khảo sát còn cho rằng 39,4% cha mẹ thờ ơ không quan tâm đến nhà trường giáo dục con như thế nào, 35,4% cho rằng gia đình thường ỷ lại, giao phó hoàn toàn việc quản lý, quan tâm và giáo dục trẻ cho nhà trường và xem đây là nhiệm vụ của nhà

trường, 15,8% cho rằng gia đình chỉ quan tâm khi nhà trường mời lên họp phụ huynh (bảng tổng hợp 2.20).

Thứ hai, quá nuông chiều, thỏa mãn mọi nhu cầu của con cái

Thực tiễn cho thấy, một số gia đình quá nuông chiều con cái và sẵn sàng thỏa mãn mọi nhu cầu của con cái sẽ dễ dẫn đến hư hỏng, có thái độ phản ứng thái quá, xác xược, hỗn láo với cha mẹ, không nghe lời dạy bảo của cha mẹ, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ vào con đường phạm tội. Kết quả điều tra xã hội học trên địa bàn miền ĐNB cho thấy có 19,3% cho rằng nguyên nhân phạm tội XPSH do số bị cáo sống trong gia đình quá nuông chiều, bao bọc, được thỏa mãn mọi nhu cầu một cách vô điều kiện đã hình thành ở các bị cáo tính ỷ lại, hẹp hòi, dựa dẫm, sống ích kỷ, lười nhác, quen được phục vụ, hưởng thụ và muốn đòi gì được nấy... Những đối tượng này rất dễ bị lôi kéo, dụ dỗ để phạm tội XPSH vì không biết tự lập, không nghe lời khuyên của cha mẹ...

Thứ ba, sai lầm trong phương pháp dạy con cái

Thực trạng trên địa bàn miền ĐNB hiện nay cho thấy có rất nhiều gia đình khi biết con mình hư hỏng còn bao che, không tố giác hành vi phạm tội của con mình. Qua khảo sát đối với câu hỏi “khi con mắc lỗi, cha mẹ xử sự thế nào để giáo dục con” thì có 56% số người lựa chọn đáp án cha mẹ chỉ hỏi han sơ qua, mắng chửi cho hả giận mà không có phương pháp định hướng cụ thể; 19,3% chọn cha mẹ thường xuyên bên vực, bao che lỗi cho con; 16% chọn cha mẹ đánh đập, chửi bới thậm tệ, bắt nhịn ăn, nhịn uống; chỉ có 8,7% cha mẹ tìm hiểu kỹ nguyên nhân con mắc lỗi rồi phân tích để con hiểu và tự đề ra hướng khắc phục lỗi lầm. Qua khảo sát bằng bảng hỏi cũng cho thấy phần lớn 90% bị cáo đều cho rằng chưa hài lòng đến sự quan tâm, cũng như phương pháp giáo dục của cha mẹ, thậm chí 81% bị cáo cho rằng do cha mẹ lo bận công việc, mưu sinh mà không quan tâm đến các bạn của con, 14% thì cho rằng chỉ quan tâm đến một vài người bạn (bảng tổng hợp 2.20).

Một số gia đình phát hiện con chơi với bạn xấu lại không có phương pháp đúng đắn để thuyết phục, dạy dỗ, khuyên nhủ về các hành vi sai trái của bạn bè mà có phương pháp xử lý không hiệu quả như 70% cho rằng chửi mắng, ngăn cản và kiểm soát thời gian của con cái, 22% cho rằng đánh đập và bắt buộc con cái không được chơi với bạn bè xấu nữa (bảng tổng hợp 2.20). Chính vì vậy, tạo thói quen, tâm lý chán

nản, tự kỷ của trẻ, lý lợm, nói dối cha mẹ bằng mọi cách để tránh bị đòn, bắt chiếc cha mẹ để giải quyết tình huống bằng vũ lực, thích cảm giác mạnh... là mầm mống cho nguyên nhân và điều kiện của đặc điểm tiêu cực thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Thứ tư, gia đình không có cha hoặc mẹ hoặc không có cả cha và mẹ

Qua khảo sát cho thấy số lượng bị cáo sống trong gia đình không có cha, không có mẹ hoặc không có cả cha và mẹ (gia đình khuyết thiếu) chiếm tỉ lệ khá cao (24,5%), đây là một phần nguyên nhân hình thành đặc điểm tiêu cực của một số bộ phận thanh thiếu niên với hành vi tội phạm nói chung và phạm tội XPSH khu vực miền ĐNB nói riêng. Gia đình không có cha hoặc mẹ hoặc không có cả cha và mẹ thì con cái sẽ chịu sự thiệt thòi rất lớn vì không được sự quan tâm, dạy dỗ, giáo dục một cách đầy đủ từ người cha, mẹ như gia đình bình thường, phải lao động, tự lập ngoài xã hội từ sớm để trang trải cho cuộc sống qua ngày. Những nhân thân này đa phần thiếu tình thương, không có tuổi thơ và một số còn không được học hành để tham gia với bạn bè, phần tử xấu ngoài xã hội, băng nhóm tệ nạn xã hội, băng nhóm trộm, cướp giật, cướp tài sản, nghiện ma túy...

Thứ năm, kinh tế gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định, làm nghề phi pháp, thường vi phạm pháp luật, đạo đức

Xuất thân từ hoàn cảnh kinh tế khó khăn đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành nhân thân tiêu cực, hình thành động cơ, mục đích phạm tội và tác động trực tiếp đến cách thức xử sự của con người. Phân tích kết quả câu hỏi: “Trước khi phạm các tội XPSH anh (chị) có hoàn cảnh gia đình như thế nào?”. Kết quả phạm nhân trả lời sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chiếm tỷ lệ 52,3%; phạm nhân trả lời sống trong gia đình không hoàn hảo và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chiếm tỷ lệ 11%, Gia đình có người vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội chiếm 28,1%. Như vậy, số phạm nhân sống trong hoàn cảnh gia đình có cấu trúc không hoàn hảo, điều kiện kinh tế khó khăn chiếm tỷ lệ rất cao (91,8%) (xem bảng tổng hợp 2.20).

Hầu hết người phạm tội XPSH miền ĐNB đều xuất thân hoặc có hoàn cảnh kinh tế khó khăn từ đó nảy sinh chiếm đoạt tài sản để giải quyết nhu cầu tiêu xài cá nhân, nuôi sống bản thân, gia đình, giải quyết cơn nghiện tức thời...

Đối với gia đình sống bằng nghề phi pháp, hoặc thường xuyên vi phạm pháp luật, vi phạm các chuẩn mực đạo đức xã hội như thường xuyên sống trong môi trường có ông bà, cha mẹ, anh, chị, em, người thân không gương mẫu, tham lam, ích kỉ, thường xuyên chứng kiến các hành vi vi phạm pháp luật như trộm cắp, cướp, cướp giật, móc túi, đánh bạc... thì trẻ em sẽ dễ dàng bắt chước quan điểm, tư tưởng, lối sống và thậm chí là thực hiện hành vi phạm tội vì không nhận thức được hành vi này tốt hay xấu.

Thứ sáu, các thành viên gia đình thường xuyên cãi vã nhau, dùng bạo lực, ly hôn, ly thân, ...

Gia đình có cấu trúc không hoàn hảo như gia đình cha mẹ ly hôn; không hạnh phúc hoặc vì lý do nào đó phải xa cách dẫn đến việc con cái bị bỏ rơi, thiếu sự quan tâm, dạy dỗ và tình thương gia đình. Sự thiếu hụt tình cảm, quan tâm, dạy dỗ của cha mẹ đã làm họ sa ngã dễ bị dụ dỗ, lôi kéo vào con đường phạm tội trong đó có tội XPSH.

Diễn hình vụ án do Nguyễn Huy Tùng sinh năm 1996, không biết chữ, không nghề nghiệp tại Hóc Môn, TPHCM. Từ nhỏ Tùng đã không có cha, chỉ có mẹ chăm sóc, dạy dỗ. Bị cáo phạm tội khi đang ở tuổi vị thành niên (chưa đầy 17 tuổi). Ngày 07/6/2013, Tùng và Quẹo rủ đi cướp giật sợi dây chuyền của bà Hồ Thị Mỹ Nga tại xã Tân Tây Thạnh, huyện Củ Chi để tiêu xài. Tại phiên tòa bản án số 809/2013/HSPT ngày 12/12/2013 đã xử phạt Tùng 2 năm tù về tội danh Cướp giật tài sản. Qua vụ án cho thấy, do nguyên nhân cha mất sớm nên Tùng không có được sự quan tâm, dạy dỗ một cách đầy đủ như gia đình bình thường. Tùng không được học hành, không nghề nghiệp, gia cảnh khó khăn, dẫn đến lệch lạc về tư tưởng, hành vi, không biết hành vi của mình có vi phạm pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội hay không. Tùng phạm tội chỉ vì lý do đơn giản là cần phải có tiền để tiêu xài ở độ tuổi vị thành niên. Qua đó chứng minh rằng, chính các yếu tố về gia đình khuyết thiếu sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của thanh thiếu niên miền ĐNB, tiềm ẩn nguy cơ phạm tội XPSH.

3.2.1.3. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Môi trường nhà trường là nơi quan trọng sự định hướng phát triển nhân cách, hoàn thiện về tri thức, đạo đức, tâm lý, là nơi trung gian cho sự tương tác và cầu nối

giữa gia đình, nhà trường mà xã hội; là nơi đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, thế hệ tương lai phát triển đất nước, nâng cao kiến thức xã hội và kiến thức tự nhiên mà còn là điều kiện thuận lợi để cá nhân hoàn thiện bản thân, tu dưỡng đạo đức, phương pháp nhìn nhận, đánh giá các sự vật hiện tượng, là nơi rèn luyện, giáo dục thế hệ trẻ trở thành con người sống có hoài bão, có lý tưởng sống tốt đẹp... Tuy nhiên, với một môi trường nhà trường có nhiều hạn chế, thiếu sót nhất định sẽ tác động tiêu cực, tạo sự khiếm khuyết trong sự hình thành và phát triển nhân cách, đây là yếu tố tiềm ẩn tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH.

Khảo sát thực tế có đến 95% phạm nhân được hỏi đều cho rằng không hài lòng hoặc chưa hài lòng về các phương pháp giáo dục ở nhà trường, khảo sát với các giáo viên các cấp thì cho rằng 34,3% cho rằng mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình còn quản lý lỏng lẻo, nội dung học tập nặng nề, phương pháp không phù hợp; 22,7% cho rằng có sự phân biệt đối xử của thầy cô, giáo dục chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng; 14,2% cho rằng chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống (xem bảng tổng hợp 2.20).

Hiện nay phần lớn các trường học trên địa bàn miền ĐNB mới chỉ làm tốt chức năng cung cấp các tri thức cho học sinh, còn việc quản lý, giáo dục đạo đức, giáo dục các kỹ năng mềm trong cuộc sống cho học sinh vẫn chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ các dịch vụ kinh doanh có điều kiện, vui chơi giải trí thì học sinh bị thu hút nhiều thời gian cho các loại hình này và gây khó khăn cho công tác đào tạo của nhà trường. Việc giáo dục chỉ chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng, chương trình học ngày một quá tải kết hợp với tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan đã làm cho các em quá tải trong học tập, điều này khiến cho nhiều học sinh không theo kịp chương trình, kết quả học tập bị giảm sút, dẫn đến tâm lý bi quan, chán nản... nên thường xuyên trốn học, bỏ học. Một số trường học chưa có giải pháp hữu hiệu trong việc giáo dục, giúp đỡ học sinh cá biệt, khi học sinh có sai phạm thường sẽ bị đuổi học hay đình chỉ.

Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ giáo viên chưa có trách nhiệm, tâm huyết với nghề giáo, giảng dạy một cách qua loa, thiếu nhiệt tình dẫn đến các em không hiểu bài, không có hứng thú học tập. Giáo viên chưa có sự quan tâm, trách nhiệm đối với

học sinh học kém, lêu lổng, không chịu học hành mà thường xuyên chơi game, giao du với đối tượng xấu... Thậm chí có nhiều trường hợp giáo viên muốn tăng thu nhập nên thường tổ chức học thêm tại nhà và gần như bắt buộc học sinh học thêm mới hiểu bài và đạt điểm cao, những điều này đã tác động tiêu cực đến nhận thức của học sinh, hình ảnh người thầy... dẫn đến những việc bỏ bê nhiệm vụ học tập cùng với sự rủ rờ, lôi kéo của các bạn xấu, làm cho các em dễ sa ngã vào các tệ nạn xã hội, dễ bị lợi dụng để phạm tội, trong đó có tội XPSH. Điều này đã phần nào lý giải tại sao số bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở xuống chiếm đến 94%, tỷ lệ bị cáo không biết chữ, bỏ học chiếm 14,9% (xem bảng 2.11).

Thực tế thì tất cả các trường tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn miền ĐNB đều thành lập hội phụ huynh của từng lớp, từng khối và của trường, nhưng chỉ có một số trường tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai, Bình Dương là hoạt động có hiệu quả, còn lại đa số các trường thì Hội phụ huynh chỉ thành lập mang tính hình thức, lập cho có hoặc chỉ tập trung vào việc thu tiền quỹ, hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường chứ chưa thực sự có sự kết hợp chặt chẽ giữa phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm trong việc phát hiện kịp thời những học sinh có biểu hiện tâm lý tiêu cực, hay trốn học, tụ tập, chơi bời, kết bạn với các phần tử xấu ngoài xã hội. Từ môi trường tiêu cực này đã tác động tâm sinh lý của học sinh và dần hình thành nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH miền ĐNB.

3.2.1.4. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế

Miền ĐNB là khu vực kinh tế phát triển, năng động của cả nước với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất; có nhiều trường đại học, bệnh viện, bến xe, bến tàu lớn là những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế của vùng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực do nền kinh tế thị trường mang lại thì còn nhiều yếu tố tiêu cực xuất phát từ môi trường kinh tế, ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB.

Việc mở rộng quỹ đất để quy hoạch, xây dựng nhiều các khu công nghiệp, khu chế xuất tại các quận, huyện, các địa bàn giáp ranh đã làm cho THTP trở nên phức tạp, khó quản lý. Đất nông nghiệp bị thu hồi được đền bù từ các khu dự án, khu công nghiệp đã khiến một bộ phận người dân giàu lên nhanh chóng, đặc biệt là thanh thiếu

niên, học đòi, ăn chơi, lêu lổng, không kiểm chế được bản thân nên không biết cách quản lý tài chính, khi hết tiền tiêu xài để thỏa mãn những nhu cầu của bản thân đã thực hiện các hành vi phạm tội trong đó có tội XPSH.

Sự phát triển thuận lợi về hệ thống giao thông cả về đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường hàng không miền ĐNB, gồm: Có nhiều tuyến đường bộ huyết mạch như quốc lộ 1A, đường xuyên Á, quốc lộ 13, 14, 51..., có đường sắt Bắc - Nam, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát, có tuyến đường thủy nội địa trên sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Thị Vải và nhiều cảng biển như: cảng Sài Gòn, Tân Cảng, cảng Cái Mép, cảng Thị Vải, cảng Bình Dương. Với điều kiện hệ thống giao thông phát triển, tội phạm trên các tỉnh miền ĐNB đã lợi dụng điều kiện thuận lợi về để cấu kết với băng nhóm ở các vùng khác buôn bán ma túy, bảo kê, phạm tội có tổ chức gây bất ổn về an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh, ảnh hưởng, tác động tiêu cực quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB.

Miền ĐNB với kinh tế phát triển đứng đầu trong cả nước, thu hút đầu tư nước ngoài xây dựng nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, xí nghiệp... thu hút người nhập cư lao động ở các nơi khác đến cư trú, sinh sống và làm việc. Với mật độ dân số cao, dân số trẻ, số người trong độ tuổi lao động và số người lao động đông, thu nhập thấp, không ổn định chiếm tỷ lệ cao... dẫn đến tỷ lệ phạm tội XPSH ở khu vực này luôn chiếm tỷ lệ nhiều hơn, tiềm ẩn yếu tố xã hội tiêu cực phạm tội XPSH.

Kinh tế hội nhập nên phần lớn người dân chạy theo lợi ích kinh tế, lợi nhuận trước mắt nên rất nhiều các dịch vụ kinh doanh có điều kiện trên địa bàn ĐNB được mở ra như: Vũ trường, khách sạn, quán nhậu, nhà nghỉ, karaoke, cầm đồ, massage... kiểm soát khó khăn, gây mất trật tự an toàn xã hội, là nơi tập trung tệ nạn xã hội. Thống kê các vụ án cho thấy nguyên nhân trực tiếp dẫn đến phạm tội XPSH miền ĐNB có liên quan đến tệ nạn xã hội chiếm đến 43,6%, cụ thể như thiếu tiền để ăn nhậu chiếm 15,5%, nghiện ma túy chiếm 19,8%, đánh bạc chiếm 3,4, trả nợ chiếm 3,9% (bảng phụ lục 2.17). Vì vậy, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên khi sống trong môi trường có quá nhiều vũ trường, khách sạn, quán nhậu, nhà nghỉ, karaoke, cầm đồ, massage... sẽ dễ bị

ảnh hưởng lối sống đua đòi, bỏ học để ăn chơi, nghiện ma túy, thích hưởng thụ đang tăng nhanh làm biến chất nhân cách dẫn đến phải phạm tội XPSH.

Cùng với sự phát triển kinh tế thị trường thì sự bùng nổ của ngành công nghệ thông tin, phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, trò chơi điện tử online, đánh bạc trực tuyến... sẽ ảnh hưởng, tiêm nhiễm đến giới trẻ, dành nhiều thời gian hơn cho internet mà không quan tâm đến mọi người xung quanh, học tập và các giá trị đạo đức xã hội... Từ đó tiềm ẩn nguy cơ tội phạm lợi dụng mạng xã hội để lừa đảo, trộm cắp hoặc chơi đánh bạc trực tuyến hết tiền và phải phạm tội cướp ngân hàng, các điểm kinh doanh vàng để có tiền trả nợ.

3.2.1.5. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực trong lĩnh vực xã hội

Theo Báo cáo của Phòng Cảnh sát hình sự Công an các tỉnh, thành miền ĐNB, từ năm 2008 đến 2017 cho thấy, đã phát hiện 18543 vụ cờ bạc, với 99381 đối tượng; 2513 vụ mại dâm với 21398 đối tượng. Chính tệ nạn xã hội đã ảnh hưởng hệ lụy về ANTT trong khu vực và tội phạm XPSH tăng nhanh, đặc biệt là các băng nhóm tội phạm chuyên nghiệp có liên quan đến nhóm tội XPSH như hoạt động dâm thuê, chém mướn, cưỡng đoạt tài sản, cướp tài sản. Mà thực tiễn thống kê các bản án cho thấy nguyên nhân trực tiếp dẫn đến phạm tội XPSH miền ĐNB có liên quan đến tệ nạn xã hội như: thiếu tiền ăn nhậu, chơi game, trả nợ, đánh bạc, nghiện ma túy chiếm đến 44% (bảng phụ lục 2.17). Qua đó, khảo sát điều tra xã hội học cho thấy 13,6% trả lời nguyên nhân phát sinh nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB là do nghiện game, nghiện ma túy, cờ bạc của một bộ phận thanh, thiếu niên; 12,4% là do đối tượng thất nghiệp, việc làm không ổn định, thu nhập thấp (bảng tổng hợp 2.20).

Miền ĐNB là khu vực tiếp nhận dân cư sinh sống rất đa dạng của tất cả các vùng miền trên cả nước, nổi bật là nhập cư từ miền Trung, miền Bắc (năm 1954, sau năm 1975), miền Tây Nam Bộ (sau năm 1986), người Hoa từ vùng duyên hải Nam Trung Hoa và nhiều người nước ngoài đến cư trú, sinh sống, làm việc. Kết quả điều tra dân số ngày 1/4/2009, dân số tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ chiếm 17% dân số cả nước, mật độ dân số trung bình là 631 người/km², cao hơn gấp hai lần so với bình quân của cả nước, dân số trẻ, số người trong độ tuổi lao động đông, trong khi đó, tỷ lệ lao động không có việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định, thu nhập thấp cao. Chính

những nguồn lực này tiềm ẩn nguy cơ phạm tội cao, trong đó bao gồm tội phạm XPSH. Như vậy, sự đa dạng về dân cư đã phần nào ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH với sự đa dạng đến từ nhiều thành phần dân nhập cư lao động trên cả nước và người nước ngoài. Chính việc gia tăng nhanh dân số, cùng với tỷ lệ lớn nhân khẩu tạm trú, nhập cư đã gây khó khăn cho công tác giáo dục và quản lý nhà nước về ANTT trong thực hiện các chính sách xã hội dẫn đến nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp về ANTT.

Theo thống kê của Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH các tỉnh miền ĐNB cho thấy năm 2015, tỷ lệ tăng 2.058.948 nhân khẩu; dân số trung bình tăng 3,23%/năm, trong đó cao nhất là tỉnh Bình Dương là 4,4%/năm. Cư dân tạm trú có tỷ lệ cao, trung bình là 26,3% tổng số dân cư, nhiều nhất là Bình Dương 46,3%, chủ yếu trong độ tuổi lao động từ 15 đến 34 tuổi với đặc điểm chung: Thường sinh sống và làm việc tại các khu đô thị hóa, ở trọ gần trường học, khu công nghiệp, khu chế xuất, thường hay sử dụng rượu, bia; ít quan tâm đến những người sống xung quanh.

Một yếu tố khác xuất phát từ số đối tượng sau khi chấp hành xong hình phạt từ các nhà tù, trại cai nghiện, các trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục về địa phương chưa nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của cộng đồng, chưa tái hòa nhập được với cộng đồng. Chính do sự xa lánh, lạnh nhạt của gia đình, xóm làng, thiếu sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể ở địa phương nên họ không tìm được việc làm, tâm lý mặc cảm, tự ti lại bị các đối tượng xấu lôi kéo nên dễ lại tái phạm, và phạm tội mới, trong đó có cả tội XPSH.

3.2.1.6. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, đạo đức

Đặc trưng văn hóa, tư tưởng miền ĐNB chịu sự ảnh hưởng từ chế độ đô hộ của Đế quốc Pháp và Mỹ nên văn hóa phương tây du nhập từ rất sớm và thay đổi phần lớn tư tưởng, văn hóa của chế độ phong kiến có từ lâu đời nên một số bộ phận người dân tiếp cận văn hóa vui chơi, giải trí, bar, ma túy, phim bạo lực và tư tưởng thực dụng, chạy theo lợi ích từ phương tây, kết hợp với điều kiện thiên nhiên ưu đãi, thời tiết thuận lợi... ở miền ĐNB nên không lo sợ mất mùa, không sợ đói, cuộc sống tiêu xài phóng khoáng, tính khí thoải mái... Chính những hiện tượng xã hội trên tác động, ảnh

hưởng đến con người miền ĐNB, từ đó dẫn đến một phần tất yếu hình thành nên nhân thân người phạm tội XPSH đặc trưng dễ dàng phân biệt với vùng, miền khác.

Khảo sát điều tra xã hội học còn cho thấy 25,2% nhận thấy tội phạm XPSH miền ĐNB xuất phát từ quan điểm đạo đức lệch lạc, thiếu trách nhiệm đối với gia đình, xã hội; 32,6% cho rằng do hạn chế nhận thức pháp luật, đạo đức của một bộ phận thanh, thiếu niên từ đó hình thành nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH.

Với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, truyền thông, mạng xã hội... ở miền ĐNB giúp cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin nhanh chóng hơn mang lại nhiều yếu tố tích cực, tuy nhiên cũng tiềm ẩn rất lớn nguy cơ từ ảnh hưởng văn hóa, tư tưởng không lành mạnh, các văn hóa tiêu cực, thông tin không chính xác dần thâm thấu vào một số bộ phận người dân, từ đó tác động làm một bộ phận dân cư sẽ có tư tưởng, lối sống lệch lạc, thực hiện hành vi phạm tội bằng cách sử dụng công nghệ cao chiếm đoạt tài sản từ tài sản ngân hàng, lừa đảo qua facebook, từ mạng viễn thông...

3.2.1.7. Thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực trong lĩnh vực quản lý

- Những hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Qua khảo sát điều tra xã hội học cũng nhận thấy 9,3% nguyên nhân làm phát sinh tội phạm XPSH là do sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan chức năng, chính vì vậy cũng góp phần thiếu trách nhiệm, thờ ơ đối với công việc được giao, góp phần tạo ra những môi trường tiêu cực hơn tác động hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB (bảng tổng hợp 2.20).

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của UBND, các sở ban, ngành, tổ chức đoàn thể miền ĐNB đối với quần chúng nhân dân, được triển khai thông qua các loại hình như băng rôn, áp phích, các khẩu hiệu, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các vụ xét xử lưu động đối với các vụ án đến từng xã, ấp, những điểm nóng về TTXH. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của các cơ quan chức năng trên địa bàn miền ĐNB hiệu quả chưa cao, còn nặng về hình thức, về số lượng các buổi tuyên truyền chứ chưa đi vào chiều sâu, việc triển khai trong từng địa phương còn thiếu tính đồng bộ, chưa được chú trọng, quan tâm đúng mức, nội dung tuyên truyền chưa sâu sát đến quần chúng nhân dân, công tác tuyên truyền chưa thật sự hiệu quả trực tiếp đối với người phạm tội hoặc những nhân

thân tiêu cực. Vì vậy có nhiều người phạm tội XPSH mà khi thực hiện hành vi không biết đó là hành vi phạm tội hoặc không kịp thời tố giác hành vi phạm tội, thậm chí có những người còn cho rằng tài sản mình chiếm đoạt có giá trị nhỏ không đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc mình đã trả lại tài sản rồi thì không còn phạm pháp nữa, nhiều trường hợp cũng không nhận thức được mình là đồng phạm nên khi được rủ đi phạm tội cứ “vô tư” đi theo để làm nhiệm vụ cản địa cho bạn mình tẩu thoát...

Qua nghiên cứu thực tiễn các tội XPSH miền ĐNB, có 71,5% nạn nhân là nữ giới, người già và trẻ em; nạn nhân sơ hở trong quản lý tài sản chiếm tỷ lệ 62%. Đây chính là đối tượng chính mà cơ quan chức năng cần tập trung bảo vệ, cũng như tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức bảo quản tài sản, giảm thiểu những sơ hở, thiếu sót giúp tránh để tội phạm nảy sinh ý định để chiếm đoạt tài sản.

- Những hạn chế trong công tác quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện như: Nhà nghỉ, khách sạn, massage, karaoke, bar, vũ trường chưa được kiểm tra thường xuyên, quản lý chưa chặt chẽ, bỏ qua khâu kiểm tra chứng minh, giấy tờ tùy thân, cấp phép quá nhiều các loại hình kinh doanh có điều kiện phức tạp về ANTT trên xã, phường, quận... dẫn đến những loại hình dịch vụ này sẽ tạo điều kiện cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên và các thành phần khác tiếp cận, thoái hóa, biến chất, sử dụng chất kích thích, dẫn đến phạm tội XPSH là hệ quả tất yếu nếu không có điều kiện về kinh tế để đáp ứng nhu cầu ăn chơi xa xỉ.

Một số quán bar, nhà nghỉ tạo điều kiện cho khách sử dụng ma túy, thuốc lắc, chất kích thích... Điển hình như hàng loạt các sai phạm trong quản lý quán bar như bar 396 Quận 7 qua kiểm tra đột xuất với 47 người (gồm 37 nam, 10 nữ) dương tính ma túy, quán bar 68 Thành phố Biên Hòa với 69 đối tượng (53 nam, 16 nữ) dương tính với chất ma túy; bar Las Vegas Quận 1, bar Việt Giải Trí Mới, bar Borocco Quận 3 qua kiểm tra, thu nhiều ma túy tổng hợp. Chính những sai phạm này, tạo điều kiện cho một bộ phận thanh niên ăn chơi, đua đòi... tham gia vào tệ nạn xã hội, khi không có tiền mua ma túy nên buộc phải phạm tội XPSH.

Công tác quản lý dịch vụ internet, dịch vụ viễn thông, game còn buông lỏng, tạo điều kiện cho một bộ phận thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên chơi game ngày đêm

bỏ bê việc học, lao động dẫn đến phát triển nhân thân theo hướng tiêu cực hơn. Công tác phòng, chống tội phạm trong nhóm tội XPSH đại bàn miền ĐNB trên mạng internet còn gặp nhiều khó khăn về lực lượng, trình độ tin học... từ đó tội phạm lợi dụng để lừa đảo, trộm cắp tài sản trên mạng...

- Những hạn chế trong hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật

Những hạn chế, thiếu trách nhiệm... trong công tác phòng, chống tội phạm của cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án đã phần nào ảnh hưởng đến tình hình nhân thân người phạm tội XPSH khu vực miền ĐNB. Cơ quan tiến hành tố tụng không phát hiện, điều tra, truy tố đúng người, đúng tội để xử lý, kịp thời làm rõ được các đặc điểm nhân thân tiêu cực, đề xuất các phương án loại bỏ các yếu tố tiêu cực trong đời sống xã hội cũng là một phần nguyên nhân tiềm ẩn để phát sinh nhân thân người phạm tội XPSH. Qua đó, công tác cải tạo bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương còn hạn chế và không đạt hiệu quả cao, dẫn đến tình trạng tái phạm tội XPSH ở khu vực miền ĐNB cao, phạm tội tinh vi, xảo quyệt hơn và cấu kết thành tội phạm có tổ chức.

+ Đối với lực lượng Công an

Theo báo cáo tổng kết công tác năm của Công an các tỉnh, thành phố trên địa bàn miền ĐNB thì biên chế lực lượng CSHS, CSKV, Công an XDPT & PTX chưa đảm bảo cả về số lượng và chất lượng công tác chuyên môn nghiệp vụ, trong khi đó số lượng án xảy ra ngày càng tăng trong các năm gần đây. Tính đến tháng 7/2016, lực lượng CSHS các tỉnh, thành phố miền ĐNB có 1.836 cán bộ trình sát; trong tổng số 1.836 cán bộ trình sát hình sự có 33,23% có trình độ đại học về nghiệp vụ; 60,73% có trình độ trung cấp nghiệp vụ và 6,04% có trình độ sơ cấp; lực lượng CSKV (CSKV), có 3.317 đồng chí, trong đó có 25,29% có trình độ đại học về nghiệp vụ; 55,75% có trình độ trung cấp nghiệp vụ và 18,96% có trình độ sơ cấp; lực lượng Công an XDPT & PTX về ANTT (XDPT & PTX về ANTT) có 458 đồng chí, trong đó có 49,34% có trình độ đại học về nghiệp vụ; 44,33% có trình độ trung cấp nghiệp vụ và 6,33% có trình độ sơ cấp (Xem bảng phụ lục 2.19). Với số lượng mỏng chỉ có 1.836 cán bộ trình sát hình sự, nên công tác nắm địa bàn ĐNB rộng lớn, phức tạp gặp rất nhiều khó khăn, từ đó những công tác nghiệp vụ theo dõi, quản lý đối tượng có điều kiện, khả năng phạm tội không đạt hiệu quả. Trung bình mỗi năm tại các tỉnh, thành phố miền ĐNB

có 8.406 vụ phạm pháp hình sự, nên lực lượng Cảnh sát hình sự thường xuyên hoạt động tối đa, chính vì vậy hoạt động phòng ngừa tội phạm về TTXH và XPSH luôn rơi vào tình trạng thiếu cán bộ nên chất lượng phòng ngừa, đấu tranh sẽ không đạt được hiệu quả cao.

Công tác tuyên truyền giáo dục để quần chúng nhân dân nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật, ý thức phòng ngừa tội phạm chưa được thường xuyên, liên tục. Nội dung chưa chuyên sâu, hình thức tuyên truyền đã được chú trọng, nâng cao chất lượng, nhưng nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu do nghèo nàn về nội dung, hình thức tuyên truyền chưa phong phú còn đơn điệu, chưa phủ hết đến toàn bộ dân cư trên địa bàn. Vì vậy, mà người dân chưa nắm vững được các chủ trương, chính sách của Đảng, các quy định của pháp luật. Công tác tuyên truyền chưa tập trung tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của tội phạm và các cá nhân có thể trở thành nạn nhân của tội XPSH, các kiến thức để tự bảo vệ tài sản của mình.

Những hạn chế trong công tác nghiệp vụ của cơ quan điều tra cũng góp phần nâng cao tỷ lệ tội phạm ẩn của tội phạm XPSH, tổng hợp điều tra xã hội học cho thấy 43,2% cho rằng tội phạm ẩn là do những sai sót trong thống kê của các cơ quan chức năng; 10,1% là do yếu kém trong nhận tin và xử lý tin của cơ quan Công an (bảng tổng hợp 2.20). Chính sự sai sót, hạn chế này của cơ quan công an làm nhận thức chưa chính xác, toàn diện về bức tranh tình hình tội phạm XPSH, từ đó ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phân tích, làm rõ những đặc điểm nhân thân người phạm tội, hay những yếu tố nào tác động tiêu cực hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB.

Sự phối kết hợp giữa lực lượng Công an với các đoàn thể, các ngành, các cấp các tổ chức xã hội trong phòng ngừa tội XPSH chưa chặt chẽ, tích cực và chưa tạo ra được mối quan hệ khép kín giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Các kế hoạch, quy chế phối hợp thường mang tính hình thức, văn bản. Các tổ chức, các đoàn thể quần chúng ở từng cấp như Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc... chưa nhận thức đúng đắn đầy đủ về công tác phòng ngừa tội XPSH, cho rằng phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội XPSH nhìn từ khía cạnh nhân thân nói riêng là trách nhiệm của lực lượng Công an nên không tích cực tham gia công tác phòng ngừa tội phạm.

Việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu có nơi còn mang tính hành chính đơn thuần, chưa quản lý được các đối tượng có nhân thân tiêu cực nghi vấn phạm tội, công tác nghiệp vụ quản lý đối tượng có tiền án, tiền sự còn hạn chế nên chưa nắm được các hoạt động, di biến động của các đối tượng phạm tội XPSH trên địa bàn và từ địa bàn khác đến để hoạt động. Lực lượng Công an chủ yếu tập trung vào hoạt động điều tra, khám phá tội phạm nên công tác nghiên cứu tìm ra các yếu tố tiêu cực nào hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH, phương thức thủ đoạn, quy luật hoạt động của tội XPSH chưa được quan tâm đúng mức; chưa thường xuyên thông báo tình hình đặc điểm của đối tượng phạm tội XPSH và kiến nghị các cơ quan chức năng để khắc phục, bịt kín những sơ hở nhằm phòng ngừa loại tội phạm này có hiệu quả.

+ Đối với Viện kiểm sát các cấp

Trong thời gian qua trên địa bàn miền ĐNB một số vụ án XPSH còn chưa được VKSND giải quyết theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, chỉ tập trung thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong các vụ án phạm tội XPSH đặc biệt nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng, còn những vụ án có giá trị tài sản nhỏ, tính chất nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng thì chỉ tiến hành kiểm sát sau khi CQĐT đã kết thúc điều tra, gửi bản kết luận điều tra và hồ sơ vụ án sang VKSND, còn trong giai đoạn điều tra VKSND chủ yếu thực hiện việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng do CQĐT đề nghị qua. Một phần giải thích nguyên nhân là do số lượng Kiểm sát viên tại các địa phương trên địa bàn miền ĐNB vẫn chưa đáp ứng được cả về chất lượng và số lượng với yêu cầu thực tiễn nên đôi khi vẫn còn có trường hợp khi CQĐT chuyển hồ sơ vụ án qua, một số Kiểm sát viên do quá tải về công việc. Một số cán bộ VKS có trình độ năng lực hạn chế, đã vi phạm quy trình, thủ tục kiểm tra, đánh giá hồ sơ, thậm chí có những vụ Kiểm sát viên do có mối quan hệ với Điều tra viên phụ trách điều tra vụ án nên đã tin tưởng vào kết quả điều tra của Điều tra viên, chỉ dựa vào bản kết luận điều tra của CQĐT để xây dựng bản cáo trạng. Điều này cũng lý giải cho việc trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2017 TAND các cấp trên địa bàn miền ĐNB đã đình chỉ 20 vụ với 65 bị cáo; tạm đình chỉ 7 vụ với 12 bị cáo. Mặc dù số lượng này so với tổng số vụ đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ rất nhỏ nhưng cũng phần nào

phản ánh sự thụ động, ý thức trách nhiệm chưa cao của một bộ phận Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Từ những hạn chế, tồn tại trên của VKSND cũng góp phần ảnh hưởng gián tiếp đến công tác phòng ngừa tội phạm khi xảy ra những sai sót trong quá trình kiểm sát hoạt động tố tụng làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử đúng người, đúng tội đối với người phạm tội XPSH, từ đó bỏ lọt tội phạm, không thể phân loại đặc điểm riêng biệt của đối tượng và áp dụng các biện pháp giáo dục, cải tạo để chuyển biến nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH.

+ Đối với Tòa án nhân dân các cấp

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, TAND miền ĐNB cũng bộc lộ những hạn chế thiếu sót nhất định như nhiều bản án có mức hình phạt chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi XPSH do người phạm tội gây ra; một số cán bộ nể nang, bao che, làm sai lệch sự việc, áp dụng hình phạt dưới khung hoặc xử án treo... những sự việc sẽ làm khó khăn trong công tác phòng ngừa tội phạm khi không đánh giá đúng mức độ tiêu cực của nhân thân người phạm tội XPSH, làm cho lòng tin của quần chúng nhân dân vào cơ quan bảo vệ pháp luật bị giảm sút.

Bên cạnh những hạn chế, thiếu sót kể trên thì việc phối hợp giữa TAND các cấp với CQĐT, với VKSND cũng còn nhiều bất cập, nhiều vụ án do không được phối hợp kịp thời nên những khúc mắc trong tố tụng chưa được giải quyết dẫn đến vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm cho vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Các phiên tòa xét xử lưu động tại địa phương chưa được phối hợp tổ chức thường xuyên, đặc biệt là các tội XPSH để nhằm mục đích răn đe, giáo dục, tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho người dân để tự bản thân họ tránh xa những hành vi vi phạm pháp luật và giáo dục con em mình phải tuân theo pháp luật. Từ đó, làm giảm hiệu quả phòng ngừa tội XPSH, không có tính giáo dục, răn đe đối với ngay cả nhân thân tích cực, hoặc làm chuyển biến nhân thân tiêu cực có ý định phạm tội, làm tiềm ẩn các hiện tượng tiêu cực làm phát sinh nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH.

TAND các cấp chưa có lực lượng chuyên trách thực hiện công tác thống kê, phân tích số liệu hàng năm về đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH, quá trình diễn biến, phát sinh phát triển của tội phạm này, những yếu tố tiêu cực nào ảnh hưởng trong đời sống xã hội làm phát sinh đặc điểm tội phạm XPSH. Ngoài ra, chưa có công bố rộng rãi, công khai trên truyền thông, internet về các số liệu, đặc điểm kể trên để người dân, cơ quan, tổ chức theo dõi, góp phần vào công tác phòng ngừa tội phạm này.

- Những hạn chế trong công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội

Tại các trại giam trong quá trình giáo dục, cải tạo người phạm tội nói chung thường tổ chức cho phạm nhân học các nghề khác nhau để sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sẽ có cơ hội và điều kiện để làm việc, hòa nhập với cộng đồng. Tuy nhiên, giữa các địa phương với cơ quan thi hành án lại không có sự trao đổi thông tin lẫn nhau, hoặc có cũng chỉ mang tính hình thức chưa thực sự gắn kết với các trại giam trong việc giáo dục, đào tạo nghề cần thiết với thực tiễn xã hội cho số phạm nhân của mình. Do đó, khi chấp hành xong án số phạm nhân này trở về địa phương không tìm được việc làm hoặc việc làm không phù hợp, dẫn đến bi quan, chán nản và không có tiền trang trải chi phí cuộc sống tiếp tục rơi vào hoàn cảnh khó khăn, kết hợp với việc bị gia đình, bạn bè, làng xóm kì thị, xa lánh, sự lôi kéo của bạn bè xấu dễ dẫn đến việc nảy sinh ý định và tái phạm tội XPSH.

Công tác quản lý, giáo dục phạm nhân ở miền ĐNB còn nhiều hạn chế, trong đó cho thấy hiện nay tình hình phạm nhân phạm tội hoặc vi phạm nội quy quy chế tại các trại giam vẫn còn diễn biến phức tạp do số lượng phạm nhân đang giam giữ và quản lý tại các trại giam ngày càng tăng. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân phạm tội nói chung và XPSH nói riêng còn một số bất cập như: Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân chưa được chú trọng đúng mức, nội dung giáo dục chưa thật sự đa dạng, sâu sắc, chất lượng của công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân chưa cao, hình thức còn đơn giản.

Các trại giam lớn trên địa bàn miền ĐNB như trại giam Xuyên Mộc, An Phước, Tổng Lê Chân, Z-30A đóng quân ở địa bàn các vùng sâu vùng xa, hẻo lánh nên gặp nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế, trình độ dân trí của nhân dân địa phương trong khu vực các trại đóng quân còn thấp, giao thông đi lại không thuận lợi, nhiều đối

tượng ma túy, hình sự hoạt động, tìm mọi sơ hở thiếu sót của cán bộ thi hành án để móc nối với phạm nhân tiến hành các hoạt động phạm tội, gây rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý, giáo dục phạm nhân phạm ở các trại giam, nhất là công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân, chuyển biến nhân cách để hình thành cho họ chuẩn mực đạo đức mới, lối sống lành mạnh, không tiếp tục tái phạm tội.

Ngoài ra, nhiều công trình tại các trại giam, trại tạm giam miền ĐNB được xây dựng từ lâu nên đã xuống cấp, hư hỏng, hầu hết các trại giam đều quá tải trong việc giam giữ phạm nhân, gây khó khăn, hạn chế, bất cập cho công tác giáo dục phạm nhân nói chung và phạm tội XPSH nói riêng. Các trại giam vẫn còn rất thiếu các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để phục vụ công tác theo dõi, giám sát phạm nhân như camera, máy tính..., nên không thể đánh giá kết quả chính xác chuyển biến nhân cách tích cực của từng phạm nhân, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân.

Các đối tượng phạm tội XPSH miền ĐNB thường rất ngoan cố, rất khó tiếp thu sự giáo dục của cán bộ quản giáo, tìm mọi sơ hở của cán bộ để vi phạm nội quy, chống đối, thậm chí là chống đối quyết liệt. Một số phạm nhân lợi dụng cơ sở thiếu trang thiết bị giám sát để thực hiện một số hành vi vi phạm như: đánh nhau trong buồng giam, vi phạm 20 điều nếp sống văn hóa, thực hiện các hành vi chống đối cán bộ, trốn khỏi nơi giam giữ cải tạo, cấu kết với tội phạm ma túy, hình sự bên ngoài trại giam...

Một bộ phận cán bộ chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân, cán bộ giáo dục trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này còn thiếu tinh thần trách nhiệm, còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, lại không được bồi dưỡng thường xuyên về công tác này. Số cán bộ làm công tác bảo vệ khi dẫn giải phạm nhân ra ngoài hiện trường lao động chủ yếu là lính nghĩa vụ nên chưa qua đào tạo về nghiệp vụ chuyên ngành trại giam, do đó chưa thể có đầy đủ kinh nghiệm sống, nhận thức tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân, số cán bộ này vẫn có những hành động, lời nói cử chỉ chưa được chuẩn mực do đó rất khó chuyển biến tâm lý tích cực đối với phạm nhân phạm tội XPSH, gây ra tâm lý không tốt cho quá trình cải tạo.

Vì vậy, những hạn chế thiếu sót trong công tác quản lý giáo dục, cải tạo phạm nhân nói chung và phạm tội XPSH nói riêng ảnh hưởng rất lớn đến công tác giáo dục đạo đức, lối sống của phạm nhân, dẫn đến đạt hiệu quả rất thấp trong giáo dục, chuyển biến nhân cách tích cực đối với tội phạm XPSH. Chính vì điều này giải thích vì sao tội phạm XPSH tỷ lệ tái phạm tội luôn luôn chiếm tỷ lệ cao ở miền ĐNB và nhân thân người phạm tội XPSH sau khi chấp hành án phạt tù trở về địa phương thậm chí còn trở nên tiêu cực hơn, phạm tội mạnh động, nguy hiểm hơn do tái phạm tội có kinh nghiệm hơn, cấu kết với nhiều đối tượng đã quen biết trong quá trình cải tạo, chấp hành án phạt tù..

- Những hạn chế, bất cập trong công tác tái hòa nhập cộng đồng

Các cơ quan, tổ chức tham gia vào quản lý, giáo dục đối tượng tại cơ sở chưa phát huy được hiệu quả, nhiều cơ quan, đoàn thể còn lúng túng trong việc quản lý, giám sát, giáo dục, giúp đỡ các đối tượng tái hòa nhập vào cộng đồng, thậm chí có những địa phương còn không xây dựng được kế hoạch cụ thể để giáo dục, quản lý các đối tượng nên nhiều trường hợp không nắm được các diễn biến động của họ trong địa bàn mình quản lý, đến khi họ bị bắt vì tái phạm hay phạm tội mới thì mới biết.

Công tác tiếp nhận, quản lý, giám sát người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương ở các phường, xã miền ĐNB chưa được chặt chẽ; nhiều người sau khi chấp hành xong án phạt tù về tội XPSH trở về địa phương lại không đến trình diện hoặc bỏ đi nơi khác làm việc, sinh sống hoặc ở đâu không ai nắm được, thậm chí có đối tượng trở về địa phương một thời gian dài, nhưng các cấp chính quyền không nắm được, không tới động viên, hỏi thăm.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, hướng dẫn người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương của các cấp chính quyền, cơ quan chức năng chưa được thực hiện một cách nghiêm túc; nhiều trường hợp còn qua loa, đại khái dẫn đến người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương không có chuyển biến về nhận thức pháp luật, tiếp tục nhận thức sai lầm về hành vi chiếm đoạt tài sản của mình là không nguy hiểm cho xã hội.

Công tác giúp đỡ, giải quyết việc làm, xây dựng các mô hình giúp đỡ cho người chấp hành xong án phạt tù trong quá trình quản lý, giáo dục tại xã, phường, thị trấn

chưa được quan tâm, giải quyết một cách đúng mức, phần lớn tự tìm việc làm, một số bị các công ty, xí nghiệp kỳ thị thì thất nghiệp lại tiếp tục con đường phạm tội XPSH. Kết quả khảo sát cho thấy, đa phần người chấp hành xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng tại địa bàn cư trú có cảm nhận thái độ của cộng đồng xã hội đối với họ chưa thực sự quan tâm, bị kỳ thị, xa lánh.

Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng để phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý các hành vi tiếp tục tái phạm XPSH của người chấp hành xong án phạt tù trở về cư trú tại xã, phường, thị trấn chưa được đồng bộ, đạt hiệu quả không cao, tập trung chủ yếu là nhiệm vụ của lực lượng Công an xây dựng phong trào và phụ trách xã về an ninh, trật tự, Cảnh sát khu vực. Đồng thời, chưa phát huy được vai trò của các cơ quan, tổ chức xã hội, gia đình tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống hành vi tái phạm tội XPSH của người chấp hành xong án phạt tù.

3.2.2. Thực trạng những hiện tượng tiêu cực thuộc về người phạm tội xâm phạm sở hữu

3.2.2.1. Trình độ ý thức pháp luật thấp của cá nhân người phạm tội

Ý thức pháp luật có thể được hiểu là việc chấp hành tốt các quy định pháp luật của cá nhân, thể hiện thái độ, sự đánh giá về tính công bằng hay không công bằng, đúng đắn hay không đúng đắn của pháp luật hiện hành, pháp luật trong quá khứ.

Có thể đánh giá về ý thức pháp luật thông qua số liệu của cơ cấu về tiền án, tiền sự. Số người phạm tội XPSH miền ĐNB có tiền án, tiền sự tương đối cao chiếm tỷ lệ 25,7%. Đối tượng này tuy đã được cải tạo, chấp hành xong án phạt nhưng vẫn tái phạm. Số đối tượng phạm tội XPSH miền ĐNB là đối tượng tái phạm chiếm tỷ lệ 31,4% trong tổng số bị cáo đã bị xét xử về tội XPSH, đây là con số không hề nhỏ và đã phần nào giải thích cho ý thức coi thường pháp luật của người phạm tội XPSH (*xem bảng phụ lục 2.15*).

Ý thức cá nhân tiêu cực tác động ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hình thành hành vi phạm tội. Qua nghiên cứu 600 bản án hình sự sơ thẩm với 910 bị cáo phạm tội XPSH và điều tra xã hội học trên địa bàn miền ĐNB từ năm 2008 đến năm 2017 cho thấy, mức độ nhận thức và hiểu biết của các bị cáo về pháp luật nói chung, về tội XPSH nói riêng là rất thấp, chiếm tỉ lệ thấp 9,27%, có thái độ thờ ơ, coi thường pháp

luật, có xu hướng chống đối pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật, một số người tin vào khả năng trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật hoặc họ hy vọng rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện.

Điển hình vụ án do bị cáo Trần Thành Vững, sinh năm 1975 thực hiện. Bị cáo có gia cảnh khó khăn, có cha và mẹ đều mất khi còn nhỏ, nên đã không đi học nên không biết chữ, không nghề nghiệp. Chính vì vậy, bị cáo không được dạy dỗ, chăm sóc từ cha mẹ, nên ý thức pháp luật còn hạn chế, mơ hồ nên gần như sống bằng nghề vi phạm pháp luật, cụ thể là hàng ngày chạy xe trên đường để tìm nạn nhân sơ hở để phạm tội. Kết quả bị cáo đã có 4 tiền án về tội cướp giật tài sản: bản án số 377/HSST ngày 25/4/1994 do tòa án TP HCM xử phạt 18 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, bản án số 04/HSST ngày 10/1/1995 do tòa án quận Phú Nhuận xử phạt 26 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, bản án số 62/2006/HSST ngày 20/5/2006 do tòa án TP HCM xử phạt 5 năm tù về tội Cướp giật tài sản, bản án số 377/HSST ngày 25/4/1994 do tòa án Quận 10 xử phạt 7 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo tuy đã 04 lần hấp hối xong án phạt tù về tội Cướp giật tài sản nhưng vẫn tiếp tục tái phạm chỉ vì thiếu tiền tiêu xài nên có hành vi cướp giật túi ví của chị Trần Thị Kim Cúc, sau đó đã bị quần chúng nhân dân bắt giữ vào giao cho Công an phường. (*Trích bản án 830/2013/HSPT ngày 19/12/2013 của Tòa án TP HCM*).

Phân tích cách ứng xử trong xã hội ở ĐNB thông qua thái độ trong các tập thể, trong gia đình, trường học, nơi làm việc... cho thấy một số người thiếu trách nhiệm đối với xã hội, hạn chế về đạo đức, lối sống, văn hóa và pháp luật... từ đó thờ ơ, không quan tâm đến những người xung quanh, dẫn đến có những ứng xử lệch chuẩn trong các môi trường tập thể, vi phạm pháp luật.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội XPSH miền ĐNB cần chú ý đến các đối tượng đã có tiền án, tiền sự, tạo điều kiện cho các đối tượng đã từng phạm tội có việc làm ổn định, tái hòa nhập cộng đồng sau khi thi hành hình phạt tù trở về sinh sống tại địa phương và đồng thời chú trọng công tác giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật của người dân.

Như vậy, thực tiễn cho thấy ý thức pháp luật là yếu tố quan trọng làm thúc đẩy quá trình hình thành nhân thân tiêu cực và thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trong

đó có tội XPSH. Khi đó, những người có ý thức bị sai lệch, không hiểu biết về pháp luật, hiểu biết chưa đầy đủ, đúng đắn thì hệ quả của nó sẽ là những nhận thức bị méo mó về quan điểm, quan niệm, tình cảm pháp lý và dễ mắc sai lầm khi quyết định hành động, dễ dẫn đến hành vi phạm tội. Chính vì vậy, yếu tố giáo dục về ý thức pháp luật luôn phải được quan tâm, chú trọng, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ.

3.2.2.2. Sai lệch về sở thích của cá nhân

Yếu tố sai lệch về sở thích của một cá nhân tương tác đến môi trường sống hình thành nên lối sống tiêu cực, buông thả, những sở thích lệch lạc như thường tụ tập bạn bè xấu ăn nhậu, thích tiêu xài hoang phí mà không thích làm, sử dụng ma túy, chơi game online, thích chơi các trò chơi bạo lực, có cảm giác mạnh... của một bộ phận thanh, thiếu niên trên địa bàn miền ĐNB là một trong những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH trong thời gian qua.

Phân tích về nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến nhân thân tiêu cực phạm tội XPSH miền ĐNB cho thấy đều liên quan đến tệ nạn xã hội như nghiện ma túy chiếm 19,8%, đánh bài, cá độ chiếm 3,4%, thiếu tiền ăn nhậu chiếm 15,5%, chơi game chiếm 1,4% (xem bảng phụ lục 2.17). Như vậy có thể thấy đối tượng phạm tội thường có lối sống không lành mạnh, sở thích lệch lạc, thường xuyên tham gia vào các tệ nạn xã hội, làm chuyển biến nhân thân tiêu cực, thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

3.2.2.3. Sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu

Nhu cầu là một trong những hiện tượng tâm lý của con người, là những đòi hỏi, mong muốn, nguyện vọng của cá nhân về những giá trị vật chất và tinh thần trong đời sống hàng ngày. Do từng cá nhân có đặc điểm tâm, sinh lý khác nhau tương tác với môi trường sống, nên hình thành những nhu cầu cá nhân khác nhau và phương thức đáp ứng nhu cầu của mỗi cá nhân cũng khác nhau. Nhu cầu ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ đến tâm lý, hành vi, động cơ của con người. Chính sự sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu sẽ dẫn đến hành vi phạm tội nói chung và tội XPSH nói riêng trên địa bàn miền ĐNB.

Nhu cầu lệch lạc ở các bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB thể hiện ở việc sai lệch trong phương pháp thỏa mãn nhu cầu của mình, ăn chơi đua đòi, sống gấp, chạy theo đồng tiền, làm giàu bằng mọi cách, kể cả phạm tội... Qua phân tích 600 vụ án hình sự

sơ thẩm với 910 bị cáo phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB cho thấy bị cáo phạm tội phục vụ nhu cầu cá nhân lệch lạc, như: Thiếu tiền tiêu xài, chơi game, mua ma túy để sử dụng, sử dụng rượu bia và chất kích thích... chiếm đến 82,4%, chỉ có 17,6% bị cáo phạm tội do động cơ, mục đích khác... (xem bảng phụ lục 2.17). Qua đó, khi được hỏi tài sản sau khi phạm tội thường được sử dụng vào việc gì thì 7,1% các bị cáo trả lời là sử dụng số tiền đó để tiếp tục chơi game online; 15,3% cho rằng tiếp tục mua ma túy để sử dụng; 35,4% tiếp tục đánh bài, cá độ; còn 42,2% còn lại sử dụng vào mục đích khác như tiêu xài cá nhân, trả nợ... (bảng phụ lục 2.20).

Như vậy, qua phân tích trên cho thấy phản ánh một số bộ phận người dân có nhu cầu lệch lạc, không chính đáng, lối sống buông thả, thích hưởng thụ, lười lao động, thực dụng, ích kỉ coi trọng vật chất, chà đạp lên các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc... đã lựa chọn cách ứng xử trái với đạo đức, trái pháp luật, đi ngược với thuần phong mỹ tục của dân tộc để thỏa mãn nhu cầu lệch lạc của bản thân. Đây cũng là một trong những yếu tố tiêu cực xuất phát từ chính bản thân người phạm tội từ đó thúc đẩy thực hiện hành vi phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB.

3.2.2.4. Những hiện tượng khác thuộc về cá nhân người phạm tội

- Các yếu tố tâm lý tội phạm:

Tâm lý tội phạm XPSH muốn thực hiện tội phạm một cách an toàn, trót lọt, không muốn bị bắt, ngồi tù nên có xu hướng cấu kết thành băng nhóm, sử dụng vũ khí nóng, nghiên cứu kỹ và lên kế hoạch trước khi phạm tội và sẵn sàng đối phó với cơ quan chức năng khi bị phát hiện.

Có nhiều cách thức để đánh giá diễn biến tâm lý của tội phạm XPSH, trong đó phân tích thủ đoạn của tội phạm để xác định động lực, diễn biến tâm lý tiêu cực nào thúc đẩy thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Người phạm tội XPSH miền ĐNB thường có xu hướng nghiên cứu, chuẩn bị trước khi gây án để hạn chế tối đa rủi ro, tăng hiệu quả thực hiện tội phạm như: Lựa chọn người để chiếm đoạt tài sản; thăm dò, quan sát quy luật về thời gian sinh hoạt của nạn nhân; địa điểm nơi chuẩn bị gây án để dễ bề hành động và tẩu thoát; chuẩn bị những công cụ, phương tiện và vũ khí cần thiết để gây án; bàn bạc kế hoạch gây án với đồng phạm. Khảo sát các vụ án XPSH xảy ra trên địa bàn ĐNB, có 56,5% số vụ người phạm tội có sự thăm dò, nghiên cứu, lên kế hoạch

trước khi thực hiện hành vi phạm tội để chiếm đoạt tài sản (bảng tổng hợp 2.20). Thủ đoạn thực hiện tội phạm của người phạm tội rất đa dạng và phức tạp. Cụ thể là một số thủ đoạn phổ biến như sau:

Một là, thủ đoạn lựa chọn công cụ phương tiện để gây án:

Đối tượng thường lựa chọn, sử dụng các công cụ, phương tiện gây án giúp dễ dàng, nhanh chóng thực hiện hành vi phạm tội, bảo vệ, chống trả lại khi bị phát hiện và nhanh chóng tẩu thoát. Qua nghiên cứu thống kê trong 600 vụ án phạm tội XPSH miền ĐNB về việc sử dụng công cụ, phương tiện gây án của các đối tượng phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ cho thấy: Sử dụng vũ khí nhiều để gây án rơi vào nhóm nhân thân người phạm tội Cướp tài sản, trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; trong đó, số vụ án mà các đối tượng sử dụng dao, kiếm, mã tấu, búa, cuốc để phạm tội là 416 vụ (chiếm tỷ lệ 69,3%); số vụ án mà các đối tượng dùng sức mạnh chân, tay để phạm tội là 86 vụ (chiếm tỷ lệ 14,4%); số vụ án mà các đối tượng sử dụng vũ khí quân dụng để phạm tội là 19 (chiếm tỷ lệ 3,1%); số vụ án mà các đối tượng sử dụng các loại công cụ, phương tiện khác để phạm tội là 79 vụ (chiếm tỷ lệ 13,2%) (xem bảng phụ lục 2.18).

Việc sử dụng các loại vũ khí nóng như: dao, kiếm, mã tấu, súng để phạm tội có xu hướng gia tăng, ngày càng phổ biến cho thấy tội phạm càng liều lĩnh, táo bạo, coi thường tính mạng, tài sản của người dân, nhanh chóng đạt được mục đích và dễ dàng tẩu thoát, chống trả quyết liệt để không bị bắt.

Hai là, thủ đoạn cấu kết thành băng nhóm phạm tội chuyên nghiệp:

Để tránh sự truy bắt của cơ quan chức năng, sự chống cự của nạn nhân và người dân, tâm lý tội phạm XPSH miền ĐNB có xu hướng cấu kết với nhau từ 2 người trở lên, băng nhóm hoạt động có tổ chức, chuyên nghiệp hơn, các đối tượng có xu hướng chuyển dần từ sự trốn tránh, né tránh sang sẵn sàng đối đầu với lực lượng thi hành công vụ và người dân khi bị truy bắt.

Đặc biệt, tội phạm người nước ngoài cũng gia tăng, cấu kết với người Việt Nam để phạm tội, chủ yếu là phạm tội Trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm thường có tổ chức cấu kết với người Việt Nam phạm tội với thủ đoạn gọi điện thoại giả danh là Công an, cơ quan chức năng để lừa đảo đối tượng là người lớn tuổi,

phụ nữ; sử dụng mạng xã hội để bày tình để lừa gửi tiền, lừa đảo bằng thẻ tín dụng, lừa đảo thông qua việc thực hiện hợp đồng kinh tế qua mạng Internet, sử dụng kỹ thuật, công nghệ cao để chiếm đoạt tài sản... Cụ thể như nhóm người nước ngoài gốc Phi, làm quen trên Facebook, nhắn tin lừa tặng quà 100.000 USD trúng thưởng, hẹn tặng quà, từng bước đưa nạn nhân vào bẫy lừa, chiếm đoạt gần 10 tỷ đồng. Ngày 5/4/2016, Phòng cảnh sát Kinh tế và Chức vụ (PC46, Công an TP HCM) tạm giữ 7 nghi can trong đường dây Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức. Trong đó, Ihugba Augustine Chinonso (30 tuổi) và Onu Chinonso Peter (31 tuổi, cùng quốc tịch Nigeria) là người cầm đầu, điều hành tại Việt Nam.

Phân tích trong tổng số 600 bản án miền ĐNB cho thấy, tội phạm thực hiện hành vi XPSH một mình xảy ra với 366 vụ (chiếm 61%), tội phạm có đồng phạm từ 2 người trở lên chiếm 234 vụ (chiếm 39%), trong đó tội phạm hoạt động có tổ chức, chuyên nghiệp, hoạt động theo băng nhóm (chiếm 16%) (xem phụ lục 2.16). Qua khảo sát cũng cho thấy đối tượng đang có xu hướng trẻ hóa và cấu kết thành băng nhóm phạm tội có tổ chức hoặc có sự bàn bạc lên kế hoạch trước khi thực hiện. Các băng nhóm tội phạm nguy hiểm trên địa bàn ĐNB có đối tượng cầm đầu chủ yếu là các đối tượng hình sự gây án bỏ trốn, đối tượng có lệnh truy nã từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung, miền Tây như Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, An Giang... thay tên, đổi họ, trà trộn với dân cư địa phương để tiếp tục phạm tội.

Ví dụ về trường hợp do nhóm đồng phạm gồm 5 bị cáo dàn cảnh dựng xe để móc túi tại khu vực đường Bàn Cờ, quận 3. Theo cáo trạng, để có tiền ăn chơi, tiêu xài, khoảng 20h ngày 20/1/2016, Thảo điện thoại cho Bảo, Lịch, Nhật, Minh, Chuẩn và 2 đối tượng khác (chưa rõ lai lịch) hẹn hôm sau gặp nhau tại khu vực cầu Him Lam, quận 7 để bàn việc dàn cảnh dựng xe móc túi người đi đường và được cả nhóm đồng thuận. Cả nhóm phân công: Nhật chuẩn bị xe máy để dàn cảnh dựng xe vào xe nạn nhân để Minh móc túi; Lịch chờ Thảo, Bảo cùng 2 đối tượng khác chạy xe phía sau cản địa và giữ tài sản lấy được nhằm lạc hướng người bị hại và người đi đường. Sau khi thực hiện trót lọt hành vi phạm tội, nạn nhân là anh Hải bị mất gần 14 triệu đồng và đã đến trình báo cơ quan công an. Qua truy xét, công an Quận 3 phối hợp với công an quận 1 bắt giữ các đối tượng trên. Đây là một trong những vụ án điển hình của miền

ĐNB, đối tượng đang có xu hướng cấu kết thành băng nhóm để lên kế hoạch, dàn cảnh chi tiết vụ dựng xe để phục vụ cho hành vi cướp tài sản, trộm cắp tài sản... và đi với số đông để sẵn sàng tấn công, cản địa nạn nhân, người dân nếu đuổi theo.

Qua phân tích ở trên cho thấy tâm lý đặc trưng của tội phạm XPSH miền ĐNB có xu hướng tâm lý lo sợ bị phát hiện khi phạm tội nên thường cấu kết từ 2 người trở lên có sự bàn bạc, lên kế hoạch cụ thể trước khi thực hiện, chuyên nghiệp và có tổ chức; tạo sự an toàn nên thường sử dụng các loại vũ khí nóng như: dao, kiếm, mã tấu, súng để phạm tội và sẵn sàng chống trả quyết liệt cơ quan chức năng và người dân khi bị phát hiện.

- Các yếu tố tâm lý theo độ tuổi, giới tính:

Nghiên cứu các yếu tố đặc điểm nhân thân XPSH miền ĐNB cho thấy phần lớn là nam giới và đa số ở độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi (chiếm 63,6%) có thể giải thích vì độ tuổi này về mặt tâm lý đã cơ bản hoàn thiện, nhưng lứa tuổi này đang trong giai đoạn học tập, định hướng nghề nghiệp, tạo lập gia đình, cuộc sống chưa ổn định về mặt kinh tế nên phần lớn phạm tội liên quan đến tài sản. Từ độ tuổi 30 tuổi trở lên đa phần là những người đã có suy nghĩ và hành động cẩn trọng, có kinh nghiệm sống, kiến thức chuyên môn, có kinh tế, nghề nghiệp và gia đình ổn định, có khả năng phân tích và đánh giá các yếu tố từ môi trường sống nên ít bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tiêu cực hơn so với nhóm lứa tuổi khác (chiếm 29,8%) và thường ít phạm tội trong nhóm tội XPSH mà ở các nhóm tội khác như tội phạm về kinh tế và chức vụ. Dưới 18 tuổi là lứa tuổi phát triển chưa đầy đủ về mọi mặt, khả năng phân tích và đánh giá còn hạn chế nên rất dễ bị ảnh hưởng, kích động tiêu cực bởi những yếu tố từ môi trường sống. Tuy nhiên, người phạm tội XPSH miền ĐNB có độ tuổi dưới 18 chiếm tỷ lệ ít nhất 6,9%, do đặc trưng của văn hóa, lối sống của người Việt Nam được chăm sóc, nuôi dưỡng, chu cấp mọi thứ nên trẻ không phải nghĩ tới việc phải tự kiếm tiền. Chỉ một bộ phận ít được sự quan tâm, chăm sóc từ cha mẹ, không được học tập nhà trường hay bị bạn bè lôi kéo dụ dỗ vào con đường phạm tội.

Đối với đặc trưng của tâm lý giới tính để kiểm soát được hành vi của cá nhân quyết định hành vi phạm tội cho thấy trong tổng số 910 bị cáo phạm tội XPSH, có tới 85,4% bị cáo là nam và chỉ có 14,6% bị cáo là nữ. Điều này cho thấy đặc trưng của tội

phạm XPSH chủ yếu là nam giới với khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi của bản thân kém hơn nữ giới nên dễ bị tác động bởi những yếu tố tiêu cực của môi trường sống, dễ phát sinh tâm lý tiêu cực hơn nữ. Ngoài ra, yếu tố sử dụng vũ lực là đặc điểm đặc trưng của một số tội XPSH như Cướp tài sản, Cướp giật tài sản, Bắt cóc bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Cưỡng đoạt tài sản, đây là nguyên nhân làm cho số lượng nam giới phạm tội XPSH nhiều hơn nữ vì dễ dàng thực hiện, che dấu hành vi phạm tội hơn so với nữ giới. Tuy nhiên, thời gian gần đây các loại tội XPSH do bị cáo là nữ giới thực hiện có xu hướng gia tăng, ngày càng đa dạng với những hình thức phạm tội mới nguy hiểm hơn.

Một bộ phận có xu hướng tâm lý sống gấp, ăn chơi, đua đòi, nghiện rượu bia, lười biếng, không có tiền để trang trải cuộc sống nên hầu như sống bằng nghề phạm tội để có tiền ăn xài; muốn làm giàu bằng mọi giá nên cướp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản...; tâm lý coi trọng đồng tiền, xuống cấp, suy thoái về đạo đức, sống thực dụng... Tất cả yếu tố tiêu cực của cá nhân là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội XPSH của người phạm tội miền ĐNB.

- Học vấn:

Trình độ học vấn thấp dẫn tới khả năng hạn chế trong tiếp nhận những tri thức về đạo đức, lối sống, văn hóa và pháp luật... hoặc hạn chế trong việc tiếp nhận những nội dung tuyên truyền về giáo dục, pháp luật của cơ quan chức năng. Chính vì vậy, một bộ phận dân cư với đặc trưng là trình độ học vấn thấp sẽ không có những điều kiện thuận lợi để tương tác có hiệu quả với các giá trị của môi trường gia đình và môi trường xã hội... dẫn đến mọi hành vi lệch chuẩn của cá nhân sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, hoặc không nhận thức được hành vi mình là đúng hay sai.

Thực trạng phần lớn các bị cáo phạm tội XPSH miền ĐNB có trình độ học vấn thấp (trình độ tiểu học, trung học chiếm tới 55,9%, không biết chữ chiếm tới 14,9%) vì ở họ khả năng nhận biết và đánh giá các tình huống xảy ra rất hạn chế, đặc biệt là đối với quy định của pháp luật vì có trường hợp phạm tội XPSH nhưng không biết hành vi mình là vi phạm pháp luật, khó khăn trong việc cải tạo đối với bị cáo phạm tội XPSH, dễ dàng tái phạm tội. Do không có trình độ học vấn nên không có công việc ổn định cộng với sự lười biếng, háo lợi, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà không phải

bỏ công sức lao động và để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân mà các đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

Những người có trình độ học vấn thấp thì nguy cơ phạm tội XPSH cao. Tuy nhiên, để phòng ngừa tội phạm XPSH miền ĐNB thì không loại trừ người có trình độ học vấn bởi vì họ có khả năng hiểu biết về xã hội, kiến thức về pháp luật, suy nghĩ tốt hơn nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội vì họ tin rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện hoặc tin tưởng khả năng có thể che dấu được hành vi phạm tội của mình dễ dàng; những người có trình độ học vấn cao thường phạm tội nhiều nhất lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì phải sử dụng kỹ năng, kinh nghiệm để đưa ra những thủ đoạn gian dối hòng chiếm đoạt tài sản.

Từ thực tế trên đặt ra yêu cầu là phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh phòng, chống tội XPSH miền ĐNB với giáo dục, nâng cao trình độ học vấn cũng như nhận thức cho người dân nhất là nhận thức được giá trị của đồng tiền, giá trị sức lao động của bản thân và cần có sự quy định rõ ràng, quản lý chặt chẽ từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp...

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Để làm rõ thực trạng của tội phạm XPSH nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội và là cơ sở để đưa ra các biện pháp phòng ngừa được hiệu quả, nghiên cứu sinh đã khảo sát 600 bản án xét xử về tội XPSH ở các tỉnh, thành miền ĐNB, sử dụng phiếu điều tra xã hội học để khảo sát các đối tượng là giáo viên, phụ huynh, điều tra viên, kiểm sát viên, bị cáo... về một số quan điểm của mình liên quan đến nhân thân người phạm tội XPSH. Từ đó kết luận trong nội dung chương này nghiên cứu sinh đã phân tích làm rõ về những nội dung sau:

Một là, làm rõ thực trạng các đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ thông qua khảo sát các bị cáo phạm tội XPSH. Trong đó làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH thường là nam giới, độ tuổi từ 18 đến 30, thất nghiệp hoặc không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, xuất thân gia đình có điều kiện khó khăn về kinh tế, thường sống trong gia đình khiếm

khuyết, bất hòa, không hạnh phúc, có trình độ học vấn thấp; đa số là những người có tư tưởng hám lợi, ăn bám, tham lam, chây lười lao động, có nhu cầu, sở thích lệch lạc, tham gia vào các hoạt động tệ nạn xã hội, tâm lý coi trọng đồng tiền, xuống cấp về đạo đức; thường có tiền án, tiền sự, tái phạm nguy hiểm...

Hai là, thông qua các đặc điểm tâm sinh lý tiêu cực của người phạm tội XPSH, là cơ sở giúp nghiên cứu sinh làm rõ thực trạng các hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ để giải thích vì sao con người lại hình thành các đặc điểm tiêu cực đó này và thực hiện hành vi phạm tội, bao gồm thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống và thực trạng những hiện tượng tiêu cực thuộc về người phạm tội xâm phạm sở hữu.

Ba là, qua phân tích làm rõ thực trạng các đặc điểm tâm sinh lý tiêu cực và các hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB, giúp nghiên cứu sinh hoàn thiện cơ sở thực tiễn về địa nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB để so sánh với các vùng miền, khu vực khác trong cả nước, phục vụ công tác phòng ngừa loại tội phạm này được hiệu quả ứng với miền ĐNB.

Như vậy, trên cơ sở phân tích, đánh giá các nội dung về thực trạng của tội phạm XPSH nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội là cơ sở để tác giả đưa ra các biện pháp phòng ngừa được hiệu quả và có cơ sở, để hạn chế, loại bỏ các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH, triệt tiêu các hiện tượng xã hội tiêu cực hình thành đặc điểm tiêu cực ở mỗi con người góp phần phòng ngừa tội phạm XPSH trên địa bàn miền ĐNB trong thời gian tới.

Chương 4

PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH MIỀN ĐÔNG NAM BỘ NHÌN TỪ KHÍA CẠNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI

Phòng ngừa tội phạm là không để tội phạm xảy ra, và gây hậu quả cho xã hội, không để cho con người sống trong xã hội phải đối mặt và gánh chịu những hình phạt nghiêm khắc của luật pháp [48, tr.147]. Nếu con người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đến mức phải chịu hình phạt theo quy định của BLHS hiện hành thì phải được phát hiện kịp thời, điều tra khám phá để truy tố, xét xử theo quy định, tiến hành các biện pháp quản lý, giáo dục cải tạo người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội [48, tr.147].

Quan điểm khác cho rằng “phòng ngừa tội phạm là hệ thống các biện pháp nhà nước và xã hội nhằm khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, làm giảm bớt hoặc tiến tới loại trừ tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội... phòng ngừa tội phạm là hoạt động mang giá trị nhân đạo xã hội đồng thời có hiệu quả kinh tế xã hội cao” [107, tr.184].

Tình hình tội phạm XPSH là hiện tượng xã hội tiêu cực đã chứa đựng, bao hàm nhân thân người phạm tội XPSH. Vì vậy, phòng ngừa tình hình tội phạm XPSH là bao hàm phòng ngừa tình hình nhân thân người phạm tội XPSH và không có con đường nào khác là bằng mọi cách phải thủ tiêu các hiện tượng xã hội tiêu cực. Các hiện tượng xã hội tiêu cực này được coi là nguyên nhân và điều kiện tác động đến mỗi cá nhân con người trong đời sống xã hội làm phát sinh đặc điểm nhân thân tiêu cực phạm tội xâm phạm sở hữu, những đặc điểm tiêu cực này tồn tại, phát triển và tác động đến tội phạm và tình hình tội phạm miền ĐNB.

Phòng ngừa tình hình tội phạm XPSH nói chung và tình hình nhân thân người phạm tội XPSH muốn đạt hiệu quả cao phải đảm bảo xây dựng theo đúng nguyên tắc nhất định: pháp chế XHCN, nhân đạo; khoa học và tiến bộ; phối hợp chặt chẽ hoạt động phòng ngừa giữa các chủ thể phòng ngừa; phân hóa trong phòng ngừa. [102, tr.153]. Trong đó, phòng ngừa tội phạm phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng,

sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, các tổ chức xã hội, của toàn thể nhân dân bằng cách xây dựng những kế hoạch cụ thể, chi tiết, đồng bộ nhiều giải pháp, cách thức khác nhau.

Trong hoạt động phòng ngừa tội phạm XPSH nói chung và từ khía cạnh nhân thân người phạm tội XPSH nói riêng, chủ thể tham gia hoạt động này bao gồm: Các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước (cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và tư pháp - trọng tâm là hoạt động của các cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án); các tổ chức xã hội; tập thể lao động; công dân. Trong hoạt động phòng ngừa tội phạm "các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các công dân thực hiện chức năng hoạt động có mục đích về loại trừ, hạn chế, làm suy yếu các quá trình, các hiện tượng và các tình huống thuận lợi cho tội phạm xảy ra; loại trừ các tính cách xấu của con người có thể phát sinh ra sự nguy hiểm cho xã hội." [103, tr.333].

Qua phân tích các khái niệm, quan điểm về phòng ngừa tội phạm nói chung và từ khía cạnh nhân thân người phạm tội cho thấy đây là một hoạt động thực tế, có mục đích của con người, hướng đến xây dựng một xã hội văn minh, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác, dần loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Phòng ngừa tội phạm trước hết là với sự tham gia của chủ thể phòng ngừa bằng mọi cách khác nhau để ngăn chặn sự phát triển của tình hình tội phạm rồi sau đó từng bước hạn chế, đẩy lùi, tiến tới loại bỏ tội phạm và tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội trong tương lai.

Như vậy, từ các quan điểm trên, có thể khái quát phòng ngừa tình hình tội phạm XPSH từ khía cạnh nhân thân người phạm tội trên địa bàn miền ĐNB là hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân bằng nhiều biện pháp hướng đến mục đích hạn chế, khắc phục, dần loại bỏ những hiện tượng xã hội tiêu cực trong đời sống xã hội miền ĐNB, là nguyên nhân và điều kiện tác động hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH, từ đó nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống người dân miền ĐNB.

Với khái niệm trên cho thấy phòng ngừa tội phạm nhìn từ khía cạnh nhân thân là tổng hợp các biện pháp tác động làm hạn chế, khắc phục, dần loại bỏ những hiện tượng xã hội tiêu cực trong đời sống xã hội miền ĐNB, từ đó các nhân cách tích cực

dẫn tác động, ảnh hưởng đến các tình hình tội phạm XPSH miền ĐNB. Các biện pháp tác động trực tiếp, gián tiếp đối với người có nhân thân tốt và nhân thân tiêu cực đều hướng tới trở thành người có ích cho xã hội, không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền sở hữu của người khác, ngăn ngừa những nguy cơ tiềm ẩn, cải thiện, khắc phục trở thành nhân thân tốt hơn. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh đề xuất các nhóm giải pháp: Tác động từ môi trường sống và khắc phục, dần loại bỏ những hiện tượng tiêu cực từ nhân thân người phạm tội XPSH.

4.1. Những giải pháp loại bỏ những hiện tượng tiêu cực tác động từ môi trường sống

Dựa trên thực trạng những hiện tượng tiêu cực từ môi trường sống, nhóm giải pháp này hướng tới loại bỏ, hạn chế các hiện tượng xã hội tiêu cực đang tồn tại trong môi trường sống tác động tiêu cực đến nhân thân con người hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu.

Trước tiên phải làm rõ về nhận thức nhân thân người tốt để có định hướng giải pháp cụ thể đối với nhân thân tiêu cực. Trong sự tương tác giữa môi trường sống và đặc điểm tâm sinh lý của mỗi cá nhân con người hình thành đặc điểm nhân thân con người tốt hay xấu. Đối với nhân thân con người tốt là người luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, công tác; có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; có động cơ, động lực đúng đắn để làm giàu; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính, bị xử lý kỷ luật... Tuy nhiên, đối với nhân thân con người tốt tuy đã hình thành nhưng vẫn phụ thuộc vào môi trường sống, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động từ môi trường sống, vì vậy vẫn có thể trở thành nhân thân con người xấu thực hiện hành vi phạm tội, bao gồm hành vi phạm tội XPSH. Ví dụ như nhân thân con người tốt có thể gặp các trường hợp như: Thay đổi môi trường sống, gặp biến cố “shock” về tâm lý, thất nghiệp, người đã có kinh nghiệm, chức vụ, quyền hạn để lừa đảo, trục lợi... khả năng thực hiện hành vi phạm tội nói chung và tội XPSH nói riêng là rất lớn.

Đối với nhân thân con người xấu trái ngược với nhân thân con người tốt thì đã hình thành đặc điểm nhân thân tiêu cực và khi gặp các yếu tố tình huống sẽ dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Như vậy, trong 2 trường hợp phân tích ở trên đều cần thiết hướng đến loại bỏ, hạn chế các hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến nhân thân con người tốt hay xấu trong giai đoạn đang hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH. Các giải pháp tác động đến các hiện tượng xã hội tiêu cực là giải quyết các yếu tố từ: Môi trường nhà trường, gia đình, xã hội, tư tưởng đạo đức; công tác quản lý, kinh tế... Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh đề xuất nhóm giải pháp mang tính chất lâu dài như sau:

4.1.1. Giải pháp từ môi trường gia đình

Như đã phân tích ở trên thì vai trò của gia đình là rất quan trọng trong hình thành nhân cách con người, tác động từ khi sinh ra và lớn lên. Để phòng ngừa tội phạm nói chung và các loại tội XPSH miền ĐNB nhìn từ khía cạnh nhân thân người phạm tội tác động đến quá trình hình thành nhân thân tốt của con người, cần phải thực hiện giải pháp đề xuất, kiến nghị như sau:

Kiến nghị UBND các cấp, các tổ chức đoàn thể miền ĐNB phải chú trọng ưu tiên các chính sách phát triển kinh tế gia đình, nắm rõ địa bàn các gia đình kinh tế khó khăn, từ đó hỗ trợ bằng cách đào tạo nghề, mở rộng đối tượng vay vốn, tăng thời gian sử dụng vốn vay cho đối tượng hộ gia đình nghèo, cận nghèo nhằm tạo điều kiện cần thiết ban đầu cho các gia đình vươn lên phát triển kinh tế... Qua đó sẽ giúp họ an cư, an tâm tư tưởng, hạn chế các yếu tố tiêu cực phát sinh từ hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập thấp, không đủ trang trải cuộc sống... Ngoài ra, cần triển khai nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, hiệu quả tại các cộng đồng dân cư, như: “Câu lạc bộ ông bà cháu”; phong trào “nuôi con khỏe, dạy con ngoan”; xây dựng “khu phố văn hóa”; “khu phố, thôn, ấp an toàn, nói không với tệ nạn xã hội”; xây dựng “gia đình văn hóa”... thông qua các hoạt động trên, giúp tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình với cộng đồng, xã hội; giáo dục cho mỗi thành viên trong gia đình phát triển tích cực hơn, tạo lối sống mẫu mực trong cư xử, hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau, chú trọng nêu gương người tốt, việc tốt, kịp thời phê phán những biểu hiện không đúng trong việc xây dựng gia đình và những

biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, tiến tới xây dựng một xã hội văn minh, nghĩa tình, hạnh phúc từ đó mới loại bỏ được các hiện tượng tiêu cực hình thành nhân thân tiêu cực XPSH miền ĐNB phát sinh từ hoàn cảnh gia đình.

Thường xuyên lên kế hoạch tổ chức các chuyên đề sinh hoạt nhằm tuyên truyền cho các hộ gia đình nâng cao ý thức, thay đổi phương pháp giáo dục con em của mình cho phù hợp, tạo tính tự lập, không ỷ lại, dựa dẫm, biết quý trọng công sức lao động, tôn trọng giá trị tài sản của người khác; tạo điều kiện để các em được phát triển toàn diện, cân bằng về tâm sinh lý, qua đó phát hiện kịp thời các em có biểu hiện tâm lý lệch lạc, hành vi lệch chuẩn để có biện pháp hợp lý, định hướng đúng đắn cho các em.

UBND các cấp phối hợp với Công an khu vực, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... thường xuyên phát động phong trào thi đua ở cấp cơ sở, địa phương, nêu gương người tốt việc tốt, xây dựng gia đình văn hóa gương mẫu nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội, gia đình hòa thuận, gắn bó, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau; xây dựng lối sống lành mạnh, biết kính trên nhường dưới, lễ phép trong mỗi gia đình.

Đối với gia đình cần đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục đến mỗi thành viên, nội dung công tác tiếp xúc, tuyên truyền đến phải đơn giản dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với cuộc sống... Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ tuyên truyền viên phải được đào tạo các kỹ năng, nắm vững tâm lý, kiến thức đáp ứng yêu cầu tuyên truyền; hoạt động tổ chức tuyên truyền phải thường xuyên, liên tục, phù hợp với đặc điểm địa phương và có rút kinh nghiệm; hình thức tuyên truyền phải được đổi mới như mở các lớp hướng dẫn kỹ năng làm cha mẹ, cử các tuyên truyền viên giúp đỡ các em cá biệt, thông qua các kênh (báo, đài, truyền hình, internet, mạng xã hội, các cuộc họp khu phố...) để tuyên truyền văn hóa, pháp luật... đảm bảo mọi thành phần, lứa tuổi khác nhau đều nhận được thông tin tuyên truyền, từ đó góp phần hữu ích giúp nhân thân người phạm tội trong mỗi gia đình phát triển theo hướng tích cực hơn.

Cán bộ Công an Phường, các tổ chức xã hội, tổ dân phố, người dân trong khu phố... cần phát hiện kịp thời tình trạng bạo lực ở gia đình, hành vi vi phạm pháp luật qua tin báo, đường dây nóng... để kịp thời ngăn chặn những hệ lụy phát triển tiêu cực đối với tâm lý trẻ nhỏ. Qua đó, đối với gia đình chuẩn bị ly hôn, ly thân, cần tăng

cường phát huy vai trò của các tổ hòa giải ở các khu phố, thôn, ấp... nâng cao năng lực, trình độ của các hòa giải viên, kịp thời động viên và có những biện pháp hòa giải đối với những gia đình có nguy cơ rạn nứt để hạn chế tình trạng ly hôn, ly thân, ngoại tình... từ đó làm giảm, loại bỏ những yếu tố tiêu cực từ góc độ này.

Các gia đình có kinh tế khá giả, giàu có, không nên chiều theo mọi sở thích của con cái, cho quá nhiều tiền tiêu xài lãng phí, nên dành thời gian trong ngày để quan tâm đến con cái về học hành, bạn bè, xã hội... để kịp thời phát hiện dấu hiệu tiêu cực từ trẻ (hút chích, bài bạc, cá độ...); không nên dạy con quá phụ thuộc vào vật chất dẫn đến hình thành tính cách, thói quen, sở thích tiêu cực, lệch lạc, mà cần dạy trẻ cách tự lập, làm giàu một cách chân chính, tuân thủ pháp luật.

4.1.2. Giải pháp từ môi trường nhà trường

Trường học và môi trường giáo dục tác động rất lớn đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân con người, giúp định hướng phát triển một cách đầy đủ, toàn diện hơn, sẽ đào tạo được những con người có đạo đức, có lối sống lành mạnh, có ý chí kiên cường, có mục đích, lý tưởng sống. Ngược lại, khi nhà trường không hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục sẽ hình thành ở trẻ em các đặc điểm nhân thân xấu, từ đó khi gặp tình huống tiêu cực họ dễ vi phạm pháp luật. Để định hướng phát triển nhân thân tốt trong mỗi người cần thực hiện các giải pháp, kiến nghị sau:

Thứ nhất, cần phải tăng cường cải cách giáo dục, nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy.

Sở GD&ĐT các tỉnh miền ĐNB phải đóng vai trò trung tâm kết nối với các trường học trong địa bàn để củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thanh thiếu niên trong độ tuổi quy định được đến trường, vận động và tạo điều kiện để những học sinh bỏ học giữa chừng quay lại lớp học, nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường, không chạy theo thành tích mà chú trọng vào chất lượng giáo dục. Qua đó, đề xuất đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, thành lập các đội, nhóm, câu lạc bộ, trung tâm sinh hoạt thể thao, văn hóa... Từ đó, đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học, không tạo áp lực về thành tích cho các em nhỏ giúp cho học sinh cân bằng học và chơi và phát triển tâm sinh lý tích cực hơn.

Cần tạo môi trường thuận tiện nhất, tăng lương, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên các trường học để tạo ra được một đội ngũ giáo viên giỏi, tận tâm với nghề, bảo đảm môi trường sư phạm lành mạnh. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm những giáo viên có phẩm chất đạo đức không tốt, không có chuyên môn, không có trách nhiệm trong sự truyền đạt kiến thức, thiếu sự nhiệt tình của người thầy làm ảnh hưởng rất lớn đến sự đam mê, nhiệt huyết của học sinh trong quá trình lĩnh hội kiến thức, kỹ năng đạo đức, chuyên môn. Bên cạnh học văn hóa, cần duy trì các lớp vừa đào tạo nghề đối với các em có năng khiếu, sở thích riêng hoặc cho các em có hoàn cảnh không thể tiếp tục học tập theo chương trình phổ thông.

Công an ở phường, xã, Sở GD&ĐT, Đoàn Thanh niên có kế hoạch cụ thể để phối hợp với gia đình, nhà trường, thông qua các hoạt động ngoại khóa, thực tế, về nguồn, phong trào đoàn... để gắn kết chặt chẽ với học viên kịp thời phát hiện những em có biểu hiện tiêu cực như lười học, bỏ tiết, trốn học, nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy, cờ bạc, chơi games, tụ tập nhóm không lành mạnh, phát triển tâm lý lệch lạc... Từ đó, có các biện pháp cải thiện, uốn nắn, định hướng về tâm lý, tư tưởng với các em, hạn chế tiêu cực phát sinh. Tuy nhiên, cần hạn chế thấp nhất việc áp dụng biện pháp xử lý là đuổi học, đình chỉ học đối với các em vi phạm nội quy nhà trường, vì việc đuổi học càng làm cho học sinh có nhân thân càng tiêu cực hơn, mang tâm lý bất cần sau khi bị đuổi học và chính những trẻ em bỏ học là yếu tố quan trọng phát sinh, hình thành hành vi tiêu cực sau này, tiếp xúc, dễ tiếp cận với các thành phần xấu trong xã hội và đẩy học sinh đến gần với những tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật...

Thứ hai, tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Nhà trường ngoài việc nâng cao trình độ văn hóa cho học sinh, cũng phải quan tâm bồi dưỡng tình cảm, lòng đam mê học tập cho các em, cùng với “dạy chữ” cũng phải đi đôi với “dạy cách làm người” cho học sinh... Thông qua kỹ năng sư phạm để làm cho các giờ học đạo đức, tâm lý của học sinh hiện nay thành giờ học hấp dẫn, thu hút hơn, và thêm nhiều hoạt động vui chơi, sáng tạo phù hợp với lứa tuổi của các em để học tập, rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ. Từ đó giáo viên kịp thời phát hiện, uốn nắn những quan điểm còn lệch lạc vừa có tác dụng răn đe vừa rút kinh nghiệm cho các em trong hành vi ứng xử cuộc sống.

Nhà trường cần tổ chức nhiều buổi sinh hoạt để tăng cường mối quan hệ tích cực hơn giữa học sinh và giáo viên, đem đến hứng thú học tập cho các em cảm thấy được tham gia vào những vấn đề liên quan đến cuộc sống của bản thân cũng như đem đến bầu không khí năng động hơn trong lớp học và trong trường. Từ đó giúp học viên hứng thú trong giờ học, tránh trường hợp chán nản, bỏ học, loại bỏ hình thành các yếu tố tiêu cực làm phát sinh nhân thân tội phạm XPSH. Đồng thời, quản lý tốt những học sinh cá biệt để theo dõi và kịp thời phát hiện những mâu thuẫn trong sinh hoạt, học tập tránh việc để học sinh trốn học, bỏ học vì không theo kịp chương trình, bạo lực học đường hoặc học sinh đã bỏ học, lang thang với nhóm bạn bè xấu cần có biện pháp kịp thời để khuyến khích, động viên đi học trở lại.

Thứ ba, tăng cường các hoạt động thể thao lành mạnh trong nhà trường.

Nhà trường cần lồng ghép các môn thể dục - thể thao vào thời gian học ngoại khóa, chính khóa để rèn luyện sức khỏe về tinh thần, thể chất và tâm lý cho học sinh giúp phát triển theo hướng tích cực hơn, năng động hơn, cởi mở và giao lưu, gặp gỡ được nhiều bạn bè thay vì chọn những thú vui tiêu khiển ảnh hưởng đến sự phát triển của học sinh như chơi game, nhậu nhẹt, đánh bài, cá độ, giao du với thành phần xấu, sử dụng ma túy... Qua đó, tránh được các bệnh về tinh thần mà phần lớn trẻ em gặp phải như: Trầm cảm, lo âu, stress, tự kỷ, bạo lực... Từ đó góp phần loại bỏ những yếu tố tiêu cực tác động hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB.

4.1.3. Giải pháp từ môi trường kinh tế

Kinh tế ổn định, phát triển là nền tảng vững chắc cho công tác phòng ngừa tội phạm XPSH từ khía cạnh nhân thân người phạm tội để loại bỏ quá trình hình thành động cơ, mục đích phạm tội, hạn chế các hiện tượng xã hội tiêu cực phát sinh do ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường kinh tế mang lại. Vì vậy, cần thực hiện một số biện pháp ở vùng ĐNB như sau:

Đề xuất UBND các tỉnh, thành miền ĐNB ban hành các chính sách chú trọng phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ vào khu vực để vừa tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; chú trọng đầu tư dàn đều vào các khu vực nông thôn để tránh di cư ồ ạt vào các thành phố trung tâm; đơn giản hóa thủ tục hành chính; thành lập các tổ chức

liên ngành, tổ chức hội nghị gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp để cùng chia sẻ, đồng hành và giải quyết khó khăn, vướng mắc... Làm tốt được công tác trên sẽ góp phần giúp kinh tế phát triển ổn định, nâng cao đời sống thu nhập của người dân, loại bỏ yếu tố tiêu cực như giảm tỷ lệ thất nghiệp cho người lao động, tăng thu nhập, tạo ra nhiều việc làm...

Phối hợp các đơn vị có liên quan như Sở Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học Công nghệ... chú trọng đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, hàng hóa, khuyến khích hỗ trợ phát triển các ngành là thế mạnh của miền ĐNB như thương mại, dịch vụ, du lịch, viễn thông, đặc biệt các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp... Bên cạnh đó, nông nghiệp cũng cần chú trọng đặc biệt ở một số vùng của tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước.

Cần ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới quy trình sản xuất, các mô hình canh tác tiên tiến nhằm chuyển biến mạnh mẽ về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập; chủ động triển khai hiệu quả công tác giám sát mùa màng, phòng chống dịch bệnh; củng cố, mở rộng mạng lưới dịch vụ và các hoạt động hỗ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp; kiên cố hóa các dự án thủy lợi, hồ, đập, đảm bảo cung cấp và thoát nước cho sản xuất nông nghiệp; cập nhật thông tin thời tiết, triều cường, xả lũ để có kế hoạch giúp nông dân ứng phó kịp thời; quan tâm và tạo điều kiện cho nông dân dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, với mức lãi suất thấp để phát triển sản xuất; đẩy mạnh phát triển các làng nghề truyền thống như nghề gốm, nghề sơn mài bằng các chính sách hỗ trợ, đầu tư vốn, trong thiết bị kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm làng nghề thủ công... Qua đó, loại bỏ các hiện tượng xã hội tiêu cực xuất phát từ nền kinh tế vĩ mô, di dân tự do vào các thành phố lớn... đảm bảo phát triển đồng đều kinh tế ở các vùng nông thôn, mỗi người dân đều có việc làm ổn định và dần loại bỏ tư tưởng tiêu cực, phạm tội.

4.1.4. Giải pháp từ môi trường xã hội

Bên cạnh sự phát triển đồng đều, ổn định về kinh tế vĩ mô thì đối với môi trường xã hội cũng cần chú trọng để loại bỏ, hạn chế các hiện tượng xã hội tiêu cực hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB xuất phát từ môi trường xã hội, cần thực hiện các giải pháp sau:

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội các tỉnh miền ĐNB phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và giải quyết việc làm trên địa bàn miền ĐNB, tổ chức dạy nghề và tạo việc làm để có thu nhập, xóa đói giảm nghèo là những biện pháp kinh tế, xã hội quan trọng nhằm ngăn ngừa sự phát sinh, phát triển những loại tội phạm này. Đồng thời, tăng cường quản lý và hỗ trợ các trung tâm đào tạo, dạy nghề để cung ứng lao động có tay nghề cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, cho các hoạt động dịch vụ. Mở rộng các trung tâm dạy nghề, nâng cao chất lượng các trung tâm dạy nghề, tạo điều kiện cho những người có trình độ lao động thấp có hoàn cảnh và điều kiện khó khăn để họ tiếp cận với công việc có tay nghề và chuyên môn cao. Khuyến khích doanh nghiệp cùng tham gia giải quyết việc làm cho người lao động, thông qua các chính sách ưu tiên như hỗ trợ vay vốn, miễn, giảm, gia hạn nộp thuế... để họ tiếp nhận và đào tạo lao động phổ thông, lao động nghèo, lao động thuộc diện chính sách, người chấp hành xong hình phạt tù...

Các cấp ủy Đảng và chính quyền ĐNB cần chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng tổ chức nhiều hình thức sinh hoạt, vui chơi giải trí thường xuyên ở các địa bàn, tạo môi trường sống lành mạnh để lớp thanh thiếu niên tham gia. Qua đó, kết hợp quan tâm, thu hút quần chúng nhân dân tham gia vào các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng, để vui chơi lành mạnh, nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật, đạo đức, lối sống.

Mở rộng và quản lý tốt các cơ sở hoạt động xã hội tư nhân để thu nhận, đào tạo, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em lang thang, cơ nhỡ... tạo điều kiện cho các em tái hòa nhập cộng đồng, lao động với nghề nghiệp chân chính để tự mình vươn lên trong cuộc sống. Qua đó, kịp thời giúp đỡ những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trang bị kiến thức, kỹ năng, đạo đức xã hội, ý thức pháp luật đủ để hòa nhập vào cộng đồng xã hội, từ đó góp phần hình thành nhân cách tốt tạo sức lan tỏa, tương tác với môi trường tích cực xung quanh.

Các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, ban ngành, đoàn thể cần chú trọng phối hợp chặt chẽ trong quản lý, giáo dục các đối tượng có nhân thân tiêu cực như đối tượng đã chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, các em thanh, thiếu niên cá biệt thường xuyên tụ tập gây rối trật tự công cộng, trốn học, những em vừa trở về từ các

trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở cai nghiện, những người có tiền án, tiền sự sinh sống, làm việc, học tập trên địa bàn miền ĐNB, đặc biệt là đối với đối tượng có tiền án, tiền sự về các tội XPSH, từ đó hòa nhập với môi trường sống lành mạnh, tích cực và họ dần từ bỏ những thói hư, tật xấu đó, chuyển biến loại bỏ các đặc điểm nhân thân tiêu cực.

Lực lượng Công an cấp tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị có liên quan cần tham mưu cho UBND, HĐND xây dựng kế hoạch cụ thể để quản lý, quy hoạch lại, kiểm tra chặt chẽ đối với các loại hình kinh doanh có điều kiện như vũ trường, quán bar, karaoke, quán internet... trên địa bàn. Thông qua đó sẽ quản lý chặt chẽ, hiệu quả hơn đối với các tụ điểm vui chơi, giải trí có điều kiện và kiên quyết, triệt để loại trừ các loại hình giải trí không lành mạnh, có biểu hiện biến chất về đạo đức, các tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm, cờ bạc...), kinh doanh các quán games quá thời gian cho phép. Kiểm soát, quản lý tốt loại hình kinh doanh có điều kiện còn góp phần tác động tích cực đến môi trường sống vui chơi, giải trí lành mạnh, hạn chế loại bỏ các hiện tượng xã hội tiêu cực là nguyên nhân phát sinh nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB và thực hiện hành vi phạm tội.

Kiến nghị các tỉnh, thành miền ĐNB cần chú trọng đầu tư nâng cấp và xây dựng thêm một số trung tâm cai nghiện ma túy đạt chất lượng và hiệu quả đối với người cai nghiện và tránh tái nghiện khi trở về cộng đồng. Ngoài ra, cần phối hợp với các bệnh viện ở quận, huyện nơi mình sinh sống đăng ký để được điều trị và cần thiết hỗ trợ chi phí cai nghiện cho người nghiện ma túy. Bổ sung lực lượng, tăng cường công tác quản lý các trung tâm cai nghiện ma túy không để cho người nghiện ma túy trốn khỏi trung tâm, thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Triển khai và thực hiện đề án tổ chức dạy nghề, giải quyết việc làm cho người nghiện ma túy đang được cai nghiện, quản lý tại cộng đồng và người sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng. Đối với những người nghiện ma túy đang chấp hành án phạt tù tại các trại giam, Bộ Công an và các trại giam cần tổ chức cai nghiện đối với họ, đảm bảo khi chấp hành xong án phạt tù, họ đã cai nghiện xong.

Kiểm soát tốt lĩnh vực về môi trường xã hội này góp phần hạn chế, loại bỏ các hiện tượng tiêu cực tiềm ẩn phát sinh trong đời sống xã hội tác động làm phát sinh

nhân thân tiêu cực của người dân miền ĐNB, từ đó hình thành động cơ, mục đích để chiếm đoạt tài sản của người phạm tội.

4.1.5. Giải pháp từ môi trường văn hóa, tư tưởng

Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Văn hóa, thể thao và du lịch, Cơ quan an ninh, an ninh mạng, Hải quan... cần phối hợp giải quyết, kiểm soát tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa không phù hợp của nước ngoài, văn hóa phẩm độc hại, bạo lực, đồi trụy được bày bán và sử dụng công khai như hiện nay; phải quản lý chặt chẽ việc kiểm duyệt truyện tranh, sách, báo, game online, băng đĩa, phim ảnh, internet... Từ đó, phòng ngừa từ xa, ngăn chặn sự xâm nhập của các luồng văn hóa phẩm độc hại, tác động xấu đến tư tưởng, đạo đức lối sống, hành vi của một bộ phận người dân, nhất là thanh thiếu niên. Các cấp ủy Đảng, chính quyền phải ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo hướng dẫn các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp, doanh nghiệp về công tác tuyên truyền và quản lý các loại hình dịch vụ văn hóa, văn hóa phẩm, ấn phẩm, xuất bản phẩm. Ngành văn hóa cần phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng liên quan tiến hành tiếp nhận, xử lý, kiểm tra các loại văn hóa phẩm độc hại xâm nhập.

Đảng ủy, UBND tỉnh, thành phố, các ban, ngành cần quy hoạch lại, xây dựng và phát triển thêm nhiều hoạt động vui chơi giải trí, phù hợp sở thích, lứa tuổi nhằm thu hút các em đến vui chơi, sinh hoạt lành mạnh để các em có điều kiện phát triển toàn diện kỹ năng của mình và có sân vui chơi giải trí sau giờ học tập, giảm thời gian cho thú vui vô bổ, bạo lực như game, mạng xã hội, bar, vũ trường, tệ nạn xã hội... thay vào đó là tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm, nhà văn hóa...

Ngành Giáo dục phối hợp với nhà trường đổi mới giáo dục, lồng ghép các môn học về đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, ứng xử có văn hóa và kỹ năng sống cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên; cương quyết bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nhà trường và giới trẻ. Các cơ quan báo chí, truyền thông đại chúng cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tuyên truyền và chống các văn hóa phẩm không lành mạnh, bạo lực ảnh hưởng đến thanh thiếu niên.

4.1.6. Giải pháp từ công tác quản lý

Một là, các biện pháp tác động đến công tác quản lý cư trú, quản lý địa bàn:

Như đã phân tích thì nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB xuất phát từ đa dạng các vùng miền khác về sinh sống, lao động dẫn đến khó khăn trong việc quản lý cư trú, quản lý địa bàn. Để làm tốt công việc này thì nòng cốt là lực lượng CSKV, Công an XDPT & PTX phải nâng cao tinh thần trách nhiệm làm tốt công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý tạm trú, tạm vắng. Thông qua quản lý tạm vắng, tạm trú, lưu trú để sàng lọc các đối tượng nghi vấn và phát hiện sự hình thành các băng nhóm tội phạm nói chung, các băng trộm, cướp, cướp giật, lừa đảo tài sản nói riêng để đấu tranh kịp thời, ngăn chặn hành vi phạm tội của các đối tượng. Thực tế, trong số những người ở các tỉnh khác di dân đến sinh sống tại thành phố miền ĐNB, có nhiều người không hiểu biết các quy định của pháp luật về đăng ký tạm vắng, tạm trú, lưu trú. Do đó, Công an khu vực phải tuyên truyền, phổ biến để người dân nắm được các quy định về Luật Cư trú; yêu cầu tất cả những người rời khỏi nơi ở mà họ đã đăng ký hộ khẩu thường trú đến tạm trú tại địa phương nào nhất thiết phải đăng ký tạm trú tại nơi đó; yêu cầu các chủ hộ cho người khác lưu trú (ở nhờ, ở thuê, khách đến nhà chơi ở lại qua đêm, người làm ở lại trong nhà...) phải có trách nhiệm thông báo lưu trú cho họ tại Công an phường, xã sở tại. Công an phường, xã phải yêu cầu những người đến tạm trú, lưu trú xuất trình giấy chứng minh nhân dân; ghi nhận đầy đủ, chi tiết về lai lịch của họ; nắm chắc được nghề nghiệp, sinh hoạt, điều kiện sống, các quan hệ... của những người đến tạm trú, lưu trú; kịp thời phát hiện các biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội của họ.

Lực lượng Công an cần nâng cao chất lượng công tác đăng ký, quản lý xe, áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại để kịp thời phát hiện các trường hợp sử dụng xe có biển số giả, biển số mờ hoặc che khuất, xe không có giấy tờ... hỗ trợ phát hiện và ngăn chặn không để xảy ra hành vi XPSH như cướp tài sản, cướp giật tài sản. Quản lý, giám sát chặt chẽ mọi di biến động của các đối tượng hình sự, các đối tượng đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, các đối tượng nghiện ma túy, đối tượng cá biệt và các đối tượng trở về sau khi đã chấp hành xong hình phạt, từ các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng về địa phương. Đồng thời rà soát, phát hiện những đối tượng, băng nhóm có biểu hiện nghi vấn phạm tội XPSH để có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Thông qua

hoạt động này giúp cho cơ quan có thẩm quyền phát hiện được các sơ hở và kịp thời khắc phục những sơ hở đó góp phần ngăn chặn không cho các đối tượng lợi dụng để ẩn náu và hoạt động phạm tội trên địa bàn.

Trên cơ sở nắm chắc lai lịch, nghề nghiệp, điều kiện sống... của người từ tỉnh, thành phố khác đến địa phương cư trú, Công an phường, xã phải phối hợp với các ban ngành đoàn thể ở địa phương giúp đỡ họ ổn định cuộc sống; thường xuyên động viên, giáo dục họ phải tôn trọng và thực hiện pháp luật. Khi phát hiện họ có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội, phải phối hợp với lực lượng CSHS. Nếu xác định họ có hoạt động phạm tội, lực lượng CSHS phải kịp thời ngăn chặn, điều tra và đề nghị xử lý nghiêm minh.

Hai là, các biện pháp tác động đến công tác quản lý ngành nghề kinh doanh ngành có điều kiện:

Trong thời gian qua công tác quản lý Nhà nước về ANTT ở một số địa phương trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ có điều kiện trên địa bàn miền ĐNB còn nhiều sơ hở, thiếu sót đã góp phần làm cho tội phạm nói chung và tội XPSH nói riêng có nhiều điều kiện để phát sinh và phát triển. Vì vậy, để góp phần loại trừ những nguyên nhân và điều kiện của nhân thân tội XPSH miền ĐNB phát sinh từ những sơ hở, yếu kém trong quản lý các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cần phải thực hiện các nội dung sau:

Lực lượng CSKV, Công an XDPT & PTX cần phối hợp với cơ quan văn hóa thông tin, An ninh văn hóa tư tưởng miền ĐNB tuyên truyền, hỗ trợ cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ internet, các quán bar, nhà hàng karaoke... xây dựng nội quy hoạt động kinh doanh của mình, và có trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng dịch vụ của khách hàng theo đúng quy định của pháp luật, không cho phép khách hàng truy cập vào các trang web đen có nội dung bạo lực, khiêu dâm, chơi game quá giờ quy định, tụ tập chích hút, bàn bạc kế hoạch phạm tội.

Ngành văn hóa thông tin, Quản lý thị trường, An ninh văn hóa tư tưởng... phải thường xuyên tổ chức kiểm soát chặt chẽ các ấn phẩm có nội dung bạo lực, khiêu dâm, kích dục, các loại trò chơi làm suy thoái đức, nhận thức và sức khỏe của giới trẻ, cần phải có sự phối hợp và có kế hoạch cụ thể, trách nhiệm được xác định rõ ràng cho từng đơn vị khi thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành đối với các cơ sở kinh doanh như:

Các quán Bar, Karaoke, tiệm internet, nhà nghỉ, khách sạn... kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp có vi phạm như quá giờ quy định, vi phạm quy định về âm thanh, ánh sáng, cho sử dụng các chất kích thích mà pháp luật cấm, lưu trú sai quy định... những vi phạm trên nếu không kiên quyết xử lý sẽ tạo điều kiện cho các đối tượng thanh niên lêu lổng, các đối tượng hình sự tụ tập ăn chơi, liên kết thành các băng, nhóm tội phạm để thực hiện các vụ phạm tội trong đó có tội XPSH.

Lực lượng Công an phối hợp với Cơ quan quản lý thị trường tăng cường các hoạt động kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nơi tiêu thụ tài sản khác để kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm. Đồng thời tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở và cho các cơ sở này viết bản cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật không tiếp tay, tạo điều kiện cho tội phạm.

Ba là, các biện pháp từ công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ:

Qua khảo sát, đánh giá về nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB cho thấy đối tượng thường sử dụng vũ khí, hung khí để chiếm đoạt tài sản (có 48,6% số vụ phạm tội XPSH mà người phạm tội đã sử dụng súng, dao, mã tấu, lựu đạn để gây án). Vì vậy để góp phần ngăn chặn không cho tội phạm XPSH xảy ra từ góc độ nhân thân, phải tiến hành các biện pháp quản lý nhà nước đối với vũ khí, vật liệu nổ:

Công an khu vực tích cực tuyên truyền trên nhiều phương tiện truyền thông, mạng xã hội để vận động nhân dân vừa tự giác giao nộp vũ khí vừa tích cực tham gia phát hiện, tố giác và đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm về tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí, vật liệu nổ; tổ chức cho các hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, tổ chức xã hội... ký cam kết không tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ.

Công an các tỉnh, thành miền ĐNB cần tăng cường kiểm tra, rà soát, thống kê đầy đủ các loại vũ khí, vật liệu nổ được trang bị và công tác quản lý, sử dụng, bảo quản tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Tăng cường quản lý, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ. Tăng cường kiểm tra phát hiện, bắt

giữ, xử lý nghiêm các đối tượng sản xuất, tàng trữ, sử dụng trái phép và nhập lậu, mua bán, vận chuyển các loại vũ khí, vật liệu nổ vào qua đường hàng không, hàng hải, bưu điện... Đối với các vi phạm nghiêm trọng phải khởi tố, điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông rà soát, gỡ bỏ các trang web, mạng xã hội có nội dung quảng cáo, rao bán các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trái phép.

4.2. Những giải pháp khắc phục, dần loại bỏ những hiện tượng tiêu cực từ nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

4.2.1. Giải pháp tác động đến ý thức pháp luật của cá nhân

Ý thức pháp luật là một trong những đặc điểm tâm lý đặc trưng quan trọng của nhân cách con người, nếu ý thức pháp luật kém sẽ là nhân tố thúc đẩy quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần phải có những giải pháp tác động nhằm nâng cao ý thức pháp luật của mỗi người dân như:

Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan tư pháp cần đổi mới công tác giáo dục, tuyên truyền pháp luật cho học sinh để nắm được những kiến thức cơ bản, nền tảng về pháp luật. Đổi mới, đa dạng các hình thức tuyên truyền phổ biến pháp luật cho tất cả các tầng lớp người dân trên địa bàn miền ĐNB, đặc biệt là ngay đối với đối tượng có tiền án, tiền sự về tội XPSH hoặc các tội có nghi vấn liên quan như ma túy, đánh bạc... hoặc có điều kiện, khả năng phạm tội... để nâng cao ý thức pháp luật cho những đối tượng này. Khi người dân nắm và hiểu được các quy định của pháp luật thì khắc phục được những hành vi vi phạm pháp luật, thói quen sở thích xấu, từ đó ngăn chặn và loại trừ được tội phạm xảy ra.

Sự giáo dục, tuyên truyền phải có sự phối hợp của nhiều cơ quan trên địa bàn như Công an phường phối hợp với UBND phường, xã để đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền giáo dục và phổ biến pháp luật trên báo đài, truyền thông, mạng xã hội, gặp gỡ trực tiếp... Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Xây dựng những tình huống những mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, thông qua các hội thi, hội diễn văn nghệ dưới hình thức sân khấu hóa cũng đem lại hiệu quả cao.

Kiến nghị cơ quan lập pháp cần ban hành quy định pháp luật chuyển tải đến với người dân trở nên dễ nhớ, dễ hiểu hơn, cụ thể hóa hơn đối với tài sản, sở hữu; phát

động các cuộc thi tìm hiểu pháp luật với đối tượng tham gia là tất cả các tầng lớp nhân dân; lồng ghép tuyên truyền phổ biến pháp luật trong các hoạt động tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý cho các đối tượng chính sách, người nghèo; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đạo đức, lối sống trong cộng đồng dân cư, đặc biệt là lớp trẻ, làm cho mọi người đều thực hiện tốt phương châm sống “Sống và làm việc theo pháp luật”, có lối sống hòa thuận, trọng nghĩa tình, kính trên nhường dưới...

4.2.2. Giải pháp tác động đến sở thích, nhu cầu cách thức thỏa mãn nhu cầu

Kết quả phân tích thực trạng về các yếu tố tiêu cực thuộc nhân thân người phạm tội miền Đông Nam bộ thì phần lớn tội phạm XPSH xuất phát từ sở thích, nhu cầu lệch lạc của một bộ phận người dân, do vậy cần có những giải pháp để nhằm phòng ngừa các hiện tượng xã hội tiêu cực trên:

Để khắc phục các thói quen, sở thích xấu đối với người chưa thành niên phạm tội, nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội, thì đề xuất chính quyền địa phương, Công an khu vực, cơ quan đoàn thể cần thiết phải chú trọng giải quyết vấn đề xã hội đối với họ như: Đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, an sinh xã hội, hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân... để hòa nhập tốt với cộng đồng. Đối với Nhà trường phải kịp thời phát hiện học sinh có biểu hiện tiêu cực, thói quen, sở thích xấu để phối hợp với phụ huynh, các cơ quan có trách nhiệm giáo dục, uốn nắn nhằm giúp đỡ các em có nhận thức đúng đắn trong hành vi, ứng xử.

Chính quyền địa phương cần tuyên truyền, hướng dẫn đối với các gia đình có kinh tế khá giả, giàu có, cha mẹ không nên chiều theo mọi sở thích của con cái; nhưng cũng không để cho con cái thiếu thốn về vật chất mà không giáo dục cho họ ý nghĩa của cuộc sống cũng sẽ dẫn đến hình thành tính cách tham lam, ích kỷ, sống và làm việc không chân chính, không tuân thủ theo pháp luật, dễ vi phạm pháp luật. Qua đó, hướng dẫn dạy con cách khoa học hơn của các nước tiên tiến để tác động tích cực đến nhu cầu, sở thích, thói quen lành mạnh của thanh thiếu niên.

Gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương cần phải phối hợp, trao đổi thông tin để kịp thời phát hiện những trẻ vị thành niên có nhu cầu lệch lạc, có lối sống buông

thả, thích hưởng thụ, lười lao động, thực dụng... để có biện pháp giáo dục, tuyên truyền để định hướng họ phát triển theo hướng tích cực hơn.

4.2.3. Giải pháp ngăn ngừa chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội

Khi đặc điểm nhân thân xấu ở con người đã hình thành thì khi gặp điều kiện thuận lợi ở môi trường sống, một tình huống cụ thể sẽ thực hiện hành vi phạm tội nói chung và phạm tội XPSH miền ĐNB nói riêng. Đối với nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB đã được hình thành thì vấn đề đặt ra là phải phòng ngừa ngay từ khi đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu từ giai đoạn chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội bằng những giải pháp cụ thể sau:

Tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng CSHS, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động, Công an phường, xã, thị trấn, lực lượng bảo vệ dân phố, phường đội ở các tỉnh thành miền ĐNB để thường xuyên tuần tra, canh gác, phục kích, chốt chặn ở những tuyến, những địa bàn trọng điểm xảy ra tội phạm XPSH để kịp thời phát hiện bắt giữ đối tượng; phát hiện các đối tượng có biểu hiện nghi vấn, kiểm tra hành chính, phát hiện và tịch thu thu tang vật, xử lý đối tượng, không cho đối tượng có cơ hội tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội XPSH của mình, từ đó có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa đối với những đối tượng này.

Kiến nghị Bộ Công an cần tăng cường lực lượng cho Công an các tỉnh, thành miền ĐNB, tiếp tục thành lập các “Tổ tuần tra đặc biệt” theo “mô hình 141” của công an thành phố Hà Nội. Các tổ này phải hoạt động liên tục vào tất cả các thời điểm trong năm, chứ không phải chỉ hoạt động vào các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; mở rộng phạm vi hoạt động trên tất cả các tuyến đường, kể cả các khu vực ngoại thành. Ngoài ra, lực lượng Công an cơ sở phối hợp với bảo vệ dân phố, dân phòng, các nhóm “Hiệp sĩ truy bắt tội phạm”, các “Câu lạc bộ phòng chống tội phạm” tiến hành tuần tra tại một số địa bàn phức tạp về ANTT, các khu vực vắng vẻ để kịp thời phát hiện các đối tượng phạm pháp hình sự, XPSH.

Tăng thêm kinh phí để đầu tư trang thiết bị, hệ thống camera ở hầu hết các tổ dân phố, khu phố, khu nhà trọ, các khu vực vắng người, các tuyến đường phức tạp về ANTT... trên địa bàn phường các tỉnh miền ĐNB để theo dõi tình hình an ninh trật tự 24/24 và kịp thời phát hiện đối tượng nghi vấn, phát hiện tội phạm XPSH.

Trong công tác phòng ngừa tội phạm chuẩn bị, thực hiện tội phạm thì không thể thiếu được vai trò của quần chúng nhân dân. Bởi vậy, quần chúng nhân dân phải nêu cao tính tích cực trong việc quan sát, phát hiện kịp thời phát hiện, tố giác hành vi phạm tội của đối tượng.

4.2.4. Các giải pháp từ công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội

Giáo dục, cải tạo đề phạm nhân không chỉ quan tâm đến việc lao động mà còn phải quan tâm đến việc đạo đức, nhân cách của họ, xây dựng các quan điểm, quan niệm đúng đắn về các giá trị cuộc sống, giá trị đạo đức, hình thành ở họ tình cảm, thái độ, niềm tin về các giá trị của cuộc sống, hình thành ở họ nhu cầu, sở thích, khuynh hướng giá trị và cách thức thoả mãn nhu cầu một cách đúng đắn. Muốn làm được điều này, cán bộ trại giam phải có kiến thức, trình độ, nắm vững nghiệp vụ giáo dục và cải tạo phạm nhân, có phương pháp giáo dục hợp lý. Đồng thời, bản thân cán bộ trại giam cũng phải là người có nhân cách đạo đức, có tấm lòng nhân ái. Lãnh đạo trại giam phải kiên quyết xử lý những cán bộ vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật như nhận hối lộ, đánh đập hành hạ phạm nhân, đối xử không công bằng với các phạm nhân...

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân phải gắn liền với các hoạt động cụ thể của trại giam. Phạm nhân phạm tội XPSH là những người đã bị suy thoái về mặt đạo đức và nhân cách do đó nếu chỉ giáo dục họ về mặt lý thuyết thì sẽ gặp nhiều khó khăn dẫn đến phạm nhân khó tiếp thu, vì vậy giáo dục đạo đức lối sống cho họ phải thông qua các hoạt động cụ thể. Ban giám thị các trại giam miền ĐNB cần có kế hoạch cụ thể xây dựng nội dung giáo dục đề phạm nhân học tập và làm theo, phải gắn liền với gương người tốt cụ thể, khơi dậy trong phạm nhân tình yêu thương con người, phát động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phạm nhân học tập nâng cao trình độ văn hóa, đọc sách về tấm gương đạo đức, nhân văn.

Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa ban quản lý trại giam với chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức xã hội và gia đình của phạm nhân để đạt hiệu quả cao trong công tác giáo dục, cải tạo về đạo đức, lối sống. Qua đó còn giúp minh bạch hơn trong công tác quản lý, giáo dục phạm nhân phạm tội XPSH, giúp cho gia đình nạn nhân theo dõi việc chấp hành nội quy, quy định của trại giam, quá trình tiến bộ,

chuyển biến của phạm nhân. Kịp thời phát hiện sai phạm của phạm nhân, tránh tình trạng bao che, bỏ mặc những hành vi sai trái về đạo đức lối sống. Sử dụng các phương pháp giáo dục tác động đến mặt đạo đức, tình cảm để phạm nhân thực sự hiểu được việc làm sai trái của mình trước đây, tự đấu tranh với những cái xấu, cái chưa tốt hình thành cho họ thói quen và hành vi đạo đức tốt.

Ban giám thị các trại giam miền ĐNB cần xây dựng kế hoạch cụ thể để thành lập thành các đội tự quản trong phạm nhân để đào tạo, bồi dưỡng thêm và được sử dụng để nắm tình hình phạm nhân, quá trình cải tạo của mỗi phạm nhân từ đó nắm rõ tình hình trong trại và tác động đến từng loại nhân thân phạm nhân để đạt hiệu quả cao nhất trong cải tạo, giáo dục.

Cần quan tâm đến việc giáo dục pháp luật, văn hoá cho người bị kết án nói chung, người bị kết án về tội XPSH nói riêng. Bởi vì hiện nay, tại các trại giam, các phạm nhân là người chưa thành niên thì được tổ chức cho học chương trình tiểu học, còn các phạm nhân là người đã thành niên thì chỉ được học văn hoá để xoá mù chữ (nếu chưa biết chữ). Như vậy, các trại giam tổ chức cho phạm nhân học văn hoá ở trình độ còn rất thấp, không đầy đủ các cấp học. Với trình độ văn hoá thấp, người bị kết án sẽ không thể nhận thức đúng đắn, đầy đủ các vấn đề xã hội, nên rất dễ tái phạm. Vì vậy, trong thời gian tới, các trại giam phải tổ chức cho tất cả các phạm nhân học tập và phổ cập trung học cơ sở cho họ.

Trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát phạm nhân. Phần lớn các trại giam hiện nay chưa có hệ thống theo dõi giám sát phạm nhân hiện đại, hoặc có thì thiếu camera, cổng từ... do đó mà phạm nhân vẫn có thể dễ dàng trốn, lùn lách, thực hiện vi phạm trong trại giam, phạm tội về ma túy... làm công tác giáo dục, cải tạo không đạt hiệu quả.

Người chấp hành xong án phạt tù có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không có nơi cư trú nhất định, nếu tự nguyện xin được làm việc tại các cơ sở sản xuất do trại giam tổ chức, thì các trại giam phải xem xét bố trí nơi ở, làm việc tại các cơ sở này. Căn cứ vào đối tượng, điều kiện cụ thể, Bộ Công an phải quyết định thành lập và quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động của các cơ sở sản xuất để tổ chức việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không có nơi cư trú nhất định.

4.2.5. Các giải pháp tái hòa nhập cộng đồng

Khi người phạm tội XPSH chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương, chính quyền xã, phường, thị trấn phải tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ họ tái hòa nhập cộng đồng; phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và vận động nhân dân trong khu vực dân cư phối hợp chặt chẽ với gia đình quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù; vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp nhận, giúp đỡ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù.

Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng phải thường xuyên nắm tình hình, hoạt động, diễn biến tư tưởng, tâm tư nguyện vọng, những thuận lợi, khó khăn của người chấp hành xong án phạt tù để kịp thời phản ánh với cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã; đôn đốc, nhắc nhở người chấp hành xong án phạt tù chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương, tích cực tham gia các hoạt động chung tại cộng đồng dân cư; phối hợp với Chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trao đổi, thống nhất biện pháp giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tiếp tục học tập, tìm kiếm việc làm, giải quyết khó khăn, ổn định cuộc sống; kịp thời phát hiện, thông báo cho chính quyền và cơ quan chức năng địa phương về những biểu hiện, thái độ, hành vi vi phạm của người chấp hành xong án phạt tù để có biện pháp quản lý, giáo dục phù hợp và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các vi phạm của họ theo quy định của pháp luật.

Gia đình người chấp hành xong án phạt tù phải giáo dục, động viên, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù xóa bỏ mặc cảm, tích cực lao động, học tập và tham gia các hoạt động xã hội, ổn định cuộc sống; hỗ trợ, tạo điều kiện giúp người chấp hành xong án phạt tù tiếp tục thực hiện đầy đủ các hình phạt bổ sung, án phí, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ dân sự khác (nếu có); kịp thời phát hiện, thông báo cho chính quyền và các cơ quan chức năng địa phương về những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật của người chấp hành xong án phạt tù.

Về phía người phạm tội cần nhận thức được những lỗi lầm mà mình đã phạm phải, cũng như trang bị những kỹ năng cần thiết để sau khi chấp hành xong hình phạt

có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng. Mặt khác, cần phải phấn đấu nỗ lực vượt qua khó khăn, xóa bỏ mặc cảm tội lỗi để trở thành người có ích cho xã hội, cố gắng vươn lên trong cuộc sống.

Đối với địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, cấp ủy, chính quyền địa phương cần chỉ đạo, xây dựng mô hình cảm hóa giáo dục từng đối tượng đã chấp hành xong án phạt tù, đối tượng được đặc xá, đối tượng được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ với những nội dung và hình thức hoạt động phong phú, lồng ghép nội dung cảm hóa, giáo dục với việc đào tạo nghề.

Các cơ quan, tổ chức xã hội, gia đình, kết hợp nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trong quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng, qua đó để các cơ quan, tổ chức xã hội, cá nhân thấy được vai trò, trách nhiệm của mình trong tham gia giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù về địa phương ổn định cuộc sống. Qua đó còn giúp người chấp hành xong án vượt qua mặc cảm, tự ti đối với quá khứ lỗi lầm, sớm hòa nhập cộng đồng xã hội nơi cư trú.

Lực lượng Công an cơ sở ở các tỉnh, thành miền ĐNB chủ động làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, đề xuất kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu các câu lạc bộ thành công trong việc giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, góp phần phòng ngừa tội phạm và nhân rộng mô hình hiệu quả này với các vùng, địa bàn quản lý khác.

Các cơ quan ban ngành miền ĐNB cần phải tạo mọi điều kiện, chính sách ưu đãi, kêu gọi đầu tư của các công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là các đối tượng đã chấp hành xong án phạt tù để họ có công việc ổn định cuộc sống, an cư từ đó sẽ làm giảm tư tưởng phạm tội. Ngoài ra, cần phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan công an với các lực lượng ban ngành, đoàn thể ở địa phương trong việc xây dựng cơ sở vật chất, lập quỹ hòa nhập cộng đồng, hỗ trợ cho người chấp hành xong án phạt tù có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không nơi cư trú nhất định tái hòa nhập cộng đồng.

4.2.6. Các giải pháp khắc phục từ người phạm tội sai lệch

Một là, hạn chế các yếu tố thuộc về đặc điểm xã hội - nhân khẩu học của người phạm tội. Qua phân tích và nhận xét đánh giá về độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thành phần, nghề nghiệp và địa vị xã hội của người phạm tội XPSH miền ĐNB và phân tích các yếu tố hình thành nhân thân người phạm tội XPSH, chúng ta thấy hầu hết người phạm tội là nam giới đã thành niên (từ 18 đến 30 tuổi), là những người có trình độ học vấn thấp từ trung học cơ sở trở xuống, họ thất nghiệp, lao động, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh, chỉ phụ giúp gia đình hoặc đi làm thuê làm mướn. Để hạn chế phát sinh từ đặc điểm tiêu cực của cá nhân mỗi con người, trước hết phải tạo ra môi trường xã hội lành mạnh mà ở đó không có các yếu tố tiêu cực để tội phạm phát sinh, phát triển được coi là biện pháp phòng ngừa hàng đầu, mang tính bền vững và lâu dài, có thể đề cập các biện pháp sau:

Mặc dù đã hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực từ môi trường sống nhưng cần thiết phải áp dụng các giải pháp để hạn chế, loại bỏ các hiện tượng xã hội tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội, văn hóa... để hạn chế dần sự tương tác của các yếu tố tiêu cực từ môi trường sống của nhân thân tiêu cực. Giải pháp này xuất phát từ sự tác động, cải thiện môi trường sống như: Xây dựng giải pháp tổng thể trong việc quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh ĐNB, bảo đảm xây dựng phát triển kinh tế bền vững, tạo công ăn việc làm cho những người bị thu hồi đất phục vụ cho việc xây dựng phát triển các khu công nghiệp, công nghệ cao, dịch vụ, thương mại, xây dựng nhà máy, đường xá, cầu cống, kênh rạch... được đào tạo nghề phù hợp cũng như tạo việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó, phải có giải pháp phù hợp làm giảm các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, nhậu nhẹt, cho vay nặng lãi, thất nghiệp... đang phát triển mạnh ở ĐNB.

Sau khi hạn chế, tác động cải thiện về môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội... thì cần thiết phải tác động chính ngay đối với nhân thân tiêu cực nói chung và nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB nói riêng. Vì vậy, chính quyền cơ sở, Công an phường, xã phải tăng cường công tác quản lý địa bàn để trước hết là quản lý tốt về nhân khẩu tạm trú, tạm vắng, quản lý đối tượng được tại ngoại, đối tượng chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ, đối tượng chấp hành án về địa phương, các địa bàn

phức tạp về an ninh trật tự có ảnh hưởng tiêu cực, các gia đình thường xuyên cãi vã nhau, có con cái bỏ học, vi phạm pháp luật... Từ đó, phối hợp với người dân hỗ trợ về việc làm, tâm tư, nguyện vọng, hỗ trợ vốn và những điều kiện cần thiết tái hòa nhập cộng đồng.

Qua đó, cần quản lý tốt thông tin, tình hình an ninh trật tự, nhất là các băng ỏ nhóm thanh thiếu niên nam giới trong độ tuổi từ 18 đến 30 hoạt động lưu động để có các biện pháp phát hiện ngăn chặn kịp thời có hiệu quả về hành vi phạm tội hoặc cung cấp thông tin cho các cơ quan bảo vệ pháp luật nhằm đảm bảo giải quyết vụ án đúng luật định. Từ các thanh thiếu niên thường xuyên phạm tội sẽ có các biện pháp mạnh mẽ và vừa giáo dục như phạt tiền, cảnh cáo, tạm giam, phạt tù; đồng thời liên hệ với gia đình, nhà trường, chính quyền nơi cư trú để giáo dục nhân cách, ý thức pháp luật...

Hai là, hạn chế các yếu tố thuộc về đặc điểm đạo đức, tâm lý - xã hội của người phạm tội. Để phòng ngừa những tồn tại của đặc điểm đạo đức, tâm lý - xã hội của người phạm tội thì trước tiên về phía gia đình, phải tiên phong trong công tác giáo dục, kể đến là nhà trường, nhằm giúp họ hiểu được các tiêu chí về mặt đạo đức, lối sống của con người Việt Nam tồn tại nhiều đời nay. Thông qua đó có sự cư xử đúng mực trong quá trình tham gia các quan hệ xã hội. Trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống, vai trò của gia đình cực kỳ quan trọng và mang tính gốc rễ.

Các ban, ngành, đoàn thể và Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đạo đức, lối sống trong cộng đồng dân cư, đặc biệt là lớp trẻ, làm cho mọi người đều thực hiện tốt phương châm sống “Sống và làm việc theo pháp luật”, có lối sống hòa thuận, trọng nghĩa tình, kính trên nhường dưới...

Đoàn thanh niên đóng vai trò quan trọng, phải thường xuyên tổ chức các phong trào đoàn có ý nghĩa thu hút hoặc bắt buộc các thanh thiếu niên trong khu vực xã, phường, trường học tham gia, đặc biệt là thanh niên nghỉ học sớm hoặc biểu hiện phát triển lệch lạc thói quen, sở thích... Từ đó, bản thân họ tham gia vào môi trường tích cực, có ý nghĩa sẽ dần thay đổi nhận thức, phát triển tích cực hơn góp phần hạn chế khả năng vi phạm pháp luật của thế hệ này trong xã hội.

Đối với đối tượng có biểu hiện lệch lạc về sở thích, nhu cầu thì cần phải báo với chính quyền địa phương, Công an xã, phường để cùng theo dõi và có biện pháp hữu hiệu. Qua đó, các thành viên trong gia đình cũng không nên chiều theo mọi sở thích những cá nhân có biểu hiện nhân thân tiêu cực này để tránh con cái hư hỏng, lợi ích có dễ dàng dẫn đến lười lao động, ỷ lại, dẫn đến hình thành tính cách tham lam, ích kỷ, sống và làm việc không chân chính, không tuân thủ theo pháp luật, dễ vi phạm pháp luật.

Ba là, phòng ngừa dựa trên đặc điểm pháp lý hình sự của người phạm tội. Đối với nhân thân có đặc điểm pháp lý hình sự thì ngoài tác động vào các yếu tố xã hội thì áp dụng các biện pháp trực tiếp đối với đối tượng thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Căn cứ vào đặc điểm pháp lý này của người phạm tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB, trong thời gian tới cần xem xét và đưa ra các biện pháp phòng ngừa như sau:

Lực lượng công an tham mưu cho chính quyền địa phương chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, nhà trường gắn các biển cảnh báo, pa nô, áp phích, trên truyền thông đại chúng, mạng internet, mạng xã hội để tuyên truyền những phương thức thủ đoạn mới của tội phạm XPSH để người dân nâng cao cảnh giác.

Chính quyền địa phương, mặt trận tổ quốc Việt nam các cấp cùng cố toàn diện hoạt động của Ban bảo vệ dân phố, tổ dân cư tự quản, phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng tuần tra nhân dân kịp thời phát hiện và ngăn chặn các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội XPSH trên đường, khu vực vắng, sử dụng hung khí nóng, có tổ chức...

Thông báo rộng rãi đường dây nóng, số điện thoại 113, công an phường, xã, thị trấn đảm bảo trực 24/24 giờ để tiếp nhận, xử lý tin báo tội phạm; xây dựng các hộp thư tố giác tội ở các cơ quan, đơn vị, nơi công cộng, tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân tham gia tố giác tội phạm.

Cảnh sát hình sự, xác định các địa bàn trọng điểm, địa bàn giáp ranh thường xảy ra tội phạm XPSH để huy động lực lượng xử lý kịp, triệt phá kịp thời. Cần nhân rộng các mô hình có hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm XPSH trên địa bàn miền ĐNB. Lực lượng công an tỉnh, thành phố phải chủ động trong việc trao đổi thông

tin, xác minh, điều tra, truy bắt những đối tượng phạm tội cờ bạc, ổ nhóm cờ bạc chuyên nghiệp, lưu động liên tỉnh.

Để các biện pháp phòng ngừa nêu trên phát huy được hiệu quả cao trong thực tế trước mắt và lâu dài thì chúng ta phải khắc phục được đồng bộ những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn về nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ từ năm 2008 đến năm 2017, là cơ sở để nghiên cứu sinh đề ra các giải pháp nhằm phòng ngừa tội phạm XPSH từ góc độ nhân thân người phạm tội XPSH, bao gồm:

Các giải pháp loại bỏ những hiện tượng tiêu cực từ môi trường sống bao gồm các giải pháp từ môi trường gia đình, nhà trường, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng, công tác quản lý... Các giải pháp này sẽ góp phần tác động đến các lĩnh vực quan trọng của môi trường sống để hạn chế, loại bỏ các yếu tố tiêu cực làm ảnh hưởng, hình thành nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB.

Các giải pháp loại bỏ những hiện tượng tiêu cực thuộc về người phạm tội XPSH bao gồm các giải pháp tác động đến ý thức pháp luật của cá nhân người phạm tội; đến sở thích, nhu cầu, cách thức thỏa mãn nhu cầu của mỗi con người; phòng ngừa từ giai đoạn chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội; công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội; công tác tái phạm tội và giải pháp hạn chế, khắc phục đặc điểm nhân thân tiêu cực đã hình thành. Các giải pháp này tác động trực tiếp và gián tiếp đến mỗi cá nhân con người miền ĐNB để hạn chế, loại bỏ các yếu tố, hiện tượng tiêu cực làm nảy sinh, thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, công tác phòng ngừa tình hình tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB đã được các cấp chính quyền quan tâm thực hiện và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, thực tế cho thấy tội phạm XPSH vẫn xảy ra với phương thức thủ đoạn tinh vi hơn, khó phát hiện, phức tạp, có tổ chức, sử dụng công nghệ... Để phòng ngừa tội phạm XPSH trước hết phải phòng ngừa ngay chính người phạm tội - là chủ thể hành vi phạm tội để hạn chế các yếu tố hình thành nhân thân người phạm tội XPSH, loại bỏ các đặc điểm tiêu cực. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài: *“Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ”* làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ. Với kết quả nghiên cứu của trên, luận án đã giải quyết được những vấn đề sau:

Một là, luận án đã làm rõ cơ sở về lý luận và thực trạng của các công trình nghiên cứu có liên quan trong chương 1, bao gồm tập trung nghiên cứu, phân tích và làm sáng tỏ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế cũng như những khoảng trống về mặt khoa học thể hiện trong các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trong và ngoài nước, như: Các công trình nghiên cứu làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn nhân thân người phạm tội nói chung và XPSH nói riêng, các công trình về giải pháp phòng ngừa tội phạm XPSH dưới góc độ nhân thân người phạm tội, phân tích những vấn đề vướng mắc, hạn chế cần đặt ra khi tiếp cận nghiên cứu.

Hai là, luận án đã phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, trong đó đã đưa ra khái niệm về nhân thân người phạm tội XPSH, rút ra ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH, phân loại nhân thân người phạm tội XPSH, tình hình nhân thân người phạm tội XPSH, xác định nguyên nhân và điều kiện của tội phạm từ khía cạnh nhân thân, thúc đẩy cá nhân thực hiện hành vi phạm tội XPSH, từ đó nhận định nhân thân người phạm tội đóng vai trò quan trọng và cần thiết để nghiên cứu, qua đó xác định 2 vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu: Phân tích đặc điểm nhân thân người phạm tội tham gia vào cơ chế

hành vi phạm tội cụ thể; chỉ ra toàn bộ hệ thống những hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến quá trình hình thành nhân thân người phạm tội XPSH.

Ba là, luận án phân tích thực trạng các đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam bộ. Trong đó làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH thường là nam giới, độ tuổi từ 18 đến 30, thất nghiệp hoặc không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, xuất thân gia đình có điều kiện khó khăn về kinh tế, thường sống trong gia đình khiếm khuyết, bất hòa, không hạnh phúc, có trình độ học vấn thấp; đa số là những người có tư tưởng hám lợi, ăn bám, tham lam, chây lười lao động, có nhu cầu, sở thích lệch lạc, tham gia vào các hoạt động tệ nạn xã hội, tâm lý coi trọng đồng tiền, xuống cấp về đạo đức; thường có tiền án, tiền sự, tái phạm nguy hiểm...

Bốn là, làm rõ thực trạng các hiện tượng xã hội tiêu cực tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ để giải thích vì sao con người với các đặc điểm tiêu cực đó lại thực hiện hành vi phạm tội, bao gồm thực trạng những hiện tượng xã hội tiêu cực thuộc môi trường sống và thực trạng những hiện tượng tiêu cực thuộc về người phạm tội xâm phạm sở hữu.

Năm là, trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn về nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn các tỉnh, thành miền Đông Nam bộ từ năm 2008 đến năm 2017, nghiên cứu sinh có thể dự báo được xu hướng tội phạm thay đổi như thế nào để xây dựng kế hoạch và lựa chọn các giải pháp phòng ngừa tối ưu, phù hợp với thực tế góp phần giải quyết tốt tình hình tội XPSH trong tương lai trên địa bàn miền ĐNB, bao gồm các giải pháp loại bỏ các yếu tố tiêu cực tác động đến quá trình hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu và giải pháp phòng ngừa đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu đã hình thành.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2009), *Hoàn thiện các qui định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2.
2. Phạm Tuấn Bình (2003), *Tội phạm ẩn ở Việt nam- Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài cấp Bộ, Bộ Công an.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2011), *Các văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Ban chấp hành Trung ương (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*.
5. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
6. Nguyễn Mai Bộ (2009), *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
7. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
8. C. Mác và Ph. Ăng- Ghen toàn tập (1986), *tập 3*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
9. Phạm Văn Cảnh, Phạm Văn Tĩnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện CSND.
10. Công an các tỉnh, thành phố miền Đông Nam bộ (2006), *Chương trình phối hợp số 70/CTPH-CAT (PV11) ngày 19/5/2006 trên lĩnh vực bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH và xây dựng lực lượng*.
11. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội: Một vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10/2001.
12. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội: Một vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 11/2001.
13. Lê Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002), *Nhân thân người phạm tội: Một vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 01/2002.

14. Lê Cẩm (2007), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia.
15. Trần Vi Dân (2013), *Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm sở hữu*, Tạp chí Thanh tra, số 03/2013.
16. Trương Tuấn Dũng (2016), *Nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu do người nước ngoài thực hiện của Phòng Cảnh sát hình sự, Công an thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài cấp cơ sở, Trường Cao đẳng CSND II.
17. Bùi Kiên Điện (2003), *Nghiên cứu nhân thân bị can trong điều tra hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6/2003.
18. Bùi Kiên Điện (2002), *Tìm hiểu các quy định về nhân thân bị can*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 8/2002;
19. Bùi Kiên Điện (2001), *Nhân thân bị can trong điều tra hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11/2001.
20. Lê Văn Định (2015), *Đặc điểm nhân thân người phạm tội và phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Tạp chí kiểm sát, số 6/2015, tr.47-53.
21. Ngô Ngọc Đông (2016), *Nhân thân người phạm tội từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
22. Đại học Huế (2008), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
23. Phạm Hồng Hải (2000), *Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Nhà xuất bản CAND.
24. Nguyễn Ngọc Hòa (2009), *Cấu thành tội phạm: lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Tư pháp.
25. Nguyễn Xuân Hà (2014), *Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm nhân thân và sở hữu*, Trường Cao đẳng CSND II, TpHCM.
26. Đỗ Đức Hồng Hà (2005), *Các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh mức độ lỗi và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 18/2005, tr.17-20.

27. Nguyễn Bích Huyền (2015), *Nhân thân người phạm tội với việc quyết định hình phạt từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, luận văn thạc sỹ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.
28. Nguyễn Ngọc Hoà (2007), *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, số 6/2007.
29. Học viện Cảnh sát nhân dân (2013), *Tội phạm ở Việt Nam năm 2013 và dự báo năm 2014*, Nxb Công an nhân dân.
30. Học viện Cảnh sát nhân dân (2014), *Tội phạm ở Việt Nam năm 2014 và dự báo năm 2015*, Nxb Công an nhân dân.
31. Nguyễn Quang Hạnh (2013), *Một số vấn đề nhân thân người phạm tội*, Tạp chí nghề luật, số 1/2013, tr.52-57.
32. Lê Văn Luật, *Bàn về định tội danh với một số tội xâm phạm sở hữu*.
33. Ly SuViChhay (2005), *Đặc điểm hình sự tội phạm cướp giết tài sản công dân trên địa bàn thành phố Phnômpenh vương quốc Campuchia*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân.
34. Nguyễn Đức Mai (2010), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Phần các tội phạm*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
35. Phạm Thị Triều Mến (2016), *Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*, Luận văn luật học, Học viện KHXH .
36. Dương Tuyết Miên (2009), *Tội phạm học nhập môn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
37. Nguyễn Tuyết Mai (2006), *Một số đặc điểm chú ý về nhân thân người phạm tội về ma túy ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 11/2006, tr.32-37.
38. Nguyễn Xuân Nghĩa, *Giáo trình Xã hội học khái niệm - Khuynh hướng – Vấn đề*, Trường Đại học Mở bán công TP. Hồ Chí Minh.
39. Nguyễn Hữu Nam (2011), *Hoạt động phòng ngừa tội phạm cướp giết tài sản người nước ngoài của lực lượng CSĐTTP về TTXH Công an thành phố Hồ Chí Minh*, luận văn thạc sỹ, Đại học CSND.

40. Cao Thị Oanh chủ biên (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm*.
41. Phạm Văn Phương (2015), *Nhân thân người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Bình Định*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện KHXH.
42. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đinh Văn Quế (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự, Phần các tội phạm, tập II, các tội xâm phạm sở hữu*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
46. Đinh Văn Quế (2006), *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999 - so sánh với các qui định của Bộ luật Hình sự 1985, đối chiếu với thực tế xét xử các vụ án Hình sự*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
47. Đinh Văn Quế (2009), *Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 14/2009.
48. Trần Đại Quang – Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam – Tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Trần Đại Quang – Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam – Tập 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Trần Đại Quang – Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam – Tập 3*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Chu Thị Quỳnh (2015), *Vai trò nhân thân người phạm tội – Dấu hiệu quy định trách nhiệm hình sự*, luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.
52. Trần Văn Sơn (1997), *Nhân thân người phạm tội một căn cứ để quyết định hình phạt*, Tạp chí Luật học, số 1/1997, tr.41-43.
53. Tập thể tác giả (1993), *Triết học Mác - Lênin Chủ nghĩa duy vật biện chứng*, Nxb Sách giáo khoa, Hà Nội

54. Hồ Sỹ Sơn (2008), *Chủ thể của tội phạm qua so sánh pháp luật hình sự nước ta với pháp luật hình sự của một số nước thuộc hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2/2008, tr.68-72.
55. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
56. Hồ Sỹ Sơn (2011), *Tập bài giảng về tình hình tội phạm, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm ở nước ta hiện nay*.
57. Hồ Sỹ Sơn (2018), *sách chuyên khảo Luật hình sự so sánh*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
58. Lương Ngọc Trâm (1998), *Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học*, Luận văn thạc sỹ, Viện NN&PL.
59. Trường Học viện Cảnh sát nhân dân, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - phần các tội phạm*, Nhà xuất bản CAND.
60. Trường Đại học luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
61. Tổng cục XDLL-CAND (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*.
62. Trường Đại học luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Tội phạm học*, Nhà xuất bản CAND.
63. Phạm Uyên Thy (2015), *Nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sỹ, Học viện KHXH.
64. Phạm Tài Tuệ, *Một số vấn đề về động cơ phạm tội trong các tội xâm phạm sở hữu*.
65. Trịnh Văn Thanh (2009), *Hoạt động lừa đảo do người nước ngoài thực hiện tại các tỉnh thành phía nam – Thực trạng và giải pháp*, Đề tài cấp Bộ, Đại học CSND.
66. Nguyễn Đức Thảo (2015), *Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*.
67. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2001), *Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Viện nhà nước và pháp luật, số 5/2001, tr.46-53.

68. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2003), *Vấn đề phân loại nhân thân người phạm tội trong tội phạm học*, Tạp chí Viện nhà nước và pháp luật, số 3/2003.
69. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam*, luận án Tiến sĩ, Viện NN&PL.
70. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội với việc quy định trách nhiệm hình sự*, Tạp chí tòa án nhân dân, số 8/2005.
71. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội và chính sách hình sự*, Tạp chí Công an nhân dân, số 5/2005.
72. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, số 17/2005.
73. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 19/2005.
74. Phạm Văn Tĩnh (1998), *Tội phạm ẩn tự nhiên có lý do ẩn từ phía chủ thể của hành vi phạm tội*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7/1998;
75. Phạm Văn Tĩnh (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ luật học, Hà Nội;
76. Phạm Văn Tĩnh (1994), *Tình trạng người phạm tội ở nước ta hiện nay và vấn đề tuyên truyền giáo dục pháp luật*, Tạp chí Công an nhân dân, số 10/1994;
77. Phạm Văn Tĩnh (2011), *Phòng ngừa tội phạm và vấn đề bảo vệ quyền con người – một nghiên cứu liên ngành tội phạm học và nhân quyền học*, Tạp chí Công an nhân dân, số 7/2011.
78. Phạm Văn Tĩnh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, số 1/1996.
79. Phạm Văn Tĩnh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, số 3/1996.
80. Phạm Văn Tĩnh (2003), *Tội phạm ẩn thống kê*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 12/2003.
81. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, số 12, Tạp chí nhà nước và pháp luật.

82. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm của nước ta hiện nay- Mô hình lý luận*, số 6, Tạp chí nhà nước và pháp luật.
83. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm học và vấn đề nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta*, số 6, Tạp chí nhà nước và pháp luật.
84. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, số 4, Tạp chí nhà nước và pháp luật.
85. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Phòng ngừa tội phạm và bảo vệ quyền con người – Một nghiên cứu liên ngành Tội phạm học và Nhân quyền học*, Tạp chí Cảnh sát nhân dân số 7/2011.
86. Trần Hữu Tráng (2000), *Một số vấn đề về tình hình tội phạm ẩn ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 3/2000.
87. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, Tạp chí Luật học, số 11/2010, tr 37-51.
88. Trần Hữu Tráng (2012), *Bàn về dự báo tội phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 17/2012, tr 35-45.
89. TS. Trần Hữu Tráng (2009), *Tọa đàm về một số thuật ngữ tội phạm học*, Tạp chí luật học số 7/2009.
90. Lê Thế Tiệm (1994), *Tội phạm ở Việt Nam- Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài cấp bộ KX04-14, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
91. Phạm Văn Tĩnh (2006), *Bàn thêm về tái phạm, tái phạm nguy hiểm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, 10/2006.
92. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, nhà xuất bản Tư pháp.
93. Tập thể tác giả (1993), *Triết học Mác - Lênin Chủ nghĩa duy vật biện chứng*, Nxb Sách giáo khoa, Hà Nội
94. Đào Trí Úc (2000), *Tội phạm học – Quá trình hình thành và phát triển của tội phạm học Việt Nam (Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn)*, Nxb. Công an nhân dân, H.2000, tr.20.
95. Đào Trí Úc (2005), *Xã hội học thực hiện pháp luật – Những khía cạnh nhận thức cơ bản*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2/2005.

96. Đào Trí Úc (1993), *Hệ thống các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm*, kỷ yếu hội thảo khoa học. Bộ nội vụ;
97. Phạm Việt, Trần Quốc Thắng (2010), *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội xuất bản.
98. Phùng Thế Vắc chủ biên (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Phần các tội phạm, Nhà xuất bản CAND.
99. Trịnh Tiến Việt (2003), *Nhân thân người phạm tội một căn cứ cần cân nhắc khi quyết định hình phạt*, Tạp chí Kiểm sát, số 1/2003.
100. Trương Quang Vinh (2000), *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật Hình sự năm 1999*, Tạp chí Luật học, số 4/2000.
101. Võ Khánh Vinh (1990), *Nguyên tắc cá thể hóa việc quyết định hình phạt*, số 8, Tạp chí Tòa án nhân dân, Hà Nội.
102. Võ Khánh Vinh (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
103. Võ Khánh Vinh (2009), *Tội phạm học*, Đại học Huế.
104. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
105. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
106. Võ Khánh Vinh (2013), *Triết học pháp luật: Đối tượng nghiên cứu, vị trí và chức năng*, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 4/2013.
107. Võ Khánh Vinh (2009), *Luật Hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
108. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
109. Võ Khánh Vinh (2010), *Xã hội học Pháp luật, những vấn đề cơ bản*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
110. Võ Khánh Vinh (2013), *Luật học so sánh*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
111. Võ Khánh Vinh (2015), *Quyền con người*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.

112. Võ Khánh Vinh - Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia.

113. Võ Khánh Vinh - Đào Trí Úc - Nguyễn Mạnh Kháng (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

114. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Nxb Công an nhân dân.

115. Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng chống các loại tội phạm ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Học viện Cảnh sát nhân dân.

Tiếng nước ngoài

116. Andrian Raine (2013), *The anatomy of violence*.

117. Ametsina X.M (1986), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Liên bang Nga*, Nhà xuất bản Pháp lý, Matxcova.

118. Borzenkop và Kanuixarop chủ biên, *Phân tích các đặc điểm chung của các tội xâm phạm sở hữu, phân tích các dấu hiệu của từng tội phạm*, Nhà xuất bản Trường Đại học tổng hợp Xretlofv, Liên bang Nga.

119. Sanders, Bill (2005), *Youth crime and youth culture in the inner city*, của tác giả, Nhà xuất bản New York: Routledge.

120. G.I. Checbrarốp (1977), *Nghiên cứu về phòng ngừa các tội xâm phạm thân thể*, Viện khoa học Công an dịch, Hà Nội

121. Can Ueda (1989), *Crime and criminology in Japan*, Trường Đại học Tổng hợp Ritsumeikan, (dịch từ bản dịch tiếng Nga của Nhà xuất bản Tiến Bộ), Moskva.

122. Chris E. McGoey (2011), *Robbery facts, Violent crimes against persons*, Carolina Academic Press.

123. Dolgova. AI (1981), *Những khía cạnh tâm lý – xã hội của THPT người chưa thành niên*.

124. Gusta Aschaffenburg (1903), *Tội phạm và đấu tranh tội phạm*.

125. Macilwee, Mick (2011), *The Liverpool underworld: crime in the city, 1750-1900*, Nhà xuất bản Liverpool University Press.

126. Mus Ekrem (2010), *Examining Violent and Property Crimes in the Provinces of Turkey for the Years of 2000 and 2007*, Virginia Commonwealth University.

127. Mikovskij G.M (1977), *Cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tội phạm*, Nxb. Max – xơ – va, Jurid, Literature. (Bản dịch của Viện thông tin Khoa học xã hội, năm 1982).

128. Melnikova. E.B (1970), *Vì sao họ phạm tội? Tình trạng thanh, thiếu niên phạm tội ở các nước tư bản chủ nghĩa*, Viện Thông tin khoa học xã hội dịch năm 1982.

129. Lombroso (1876), *Der verbrecher – Người phạm tội*.

130. Lafargue (1980), “Die Neue Zeit” – *Tình hình tội phạm ở Pháp từ năm 1840 đến 1886 – Động thái và các nguyên nhân*.

131. Stephen R. Schneider, *Crime prevention – Theory and Practice*, Đại học Saint mary, Halifax, Nova Scotia, Canada.

132. Shaun L. Gabbidon và Helen Taylor Greene (2005), *Race, crime, and justice*, Nhà xuất bản Routledge, New York, năm 2005.

133. I-O.B. Golik (1991), *Tình hình tội phạm ở Liên Xô: Những vấn đề mới và cũ*.

134. Kudrjavcev và Minkovskij (1975), *Nhân thân người phạm tội*.

135. Larry Siegel (2014), *Criminology – The Core*, Nhà xuất bản Cengage Learning.

136. Lebedev (2007), *Bình luận Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nhà xuất bản Tòa án Tối cao Liên bang Nga.

PHỤ LỤC

**Bảng 2.1. Số liệu xét xử sơ thẩm số vụ án và bị cáo xâm phạm sở hữu từ năm 2008 - 2017
trên địa bàn miền Đông Nam Bộ**

Năm	Vũng Tàu		Tây Ninh		Bình Dương		Bình Phước		Đồng Nai		TP. HCM		Tổng cộng	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2008	355	440	386	485	612	884	255	351	989	1635	2.705	3.903	5.302	7.698
2009	363	449	493	581	634	957	296	375	1110	1920	2.860	3.603	5.756	7.885
2010	372	449	424	519	650	1050	335	441	1185	2153	2.910	4.103	5.876	8.715
2011	346	440	465	585	710	1100	334	490	788	1345	2925	4367	5.568	8.327
2012	337	442	473	566	730	1299	403	645	927	1601	3177	4701	6.047	9.254
2013	367	483	0	589	741	1345	465	819	1079	1843	3277	4674	5.929	9.753
2014	380	479	466	587	790	1400	515	940	1087	1785	3134	4456	6.372	9.647
2015	403	547	456	590	881	1598	474	774	1061	1655	3359	4760	6.634	9.924
2016	413	529	0	600	885	1628	485	802	1081	1719	3155	4176	6.019	9.454
2017	487	576	480	606	902	1654	498	846	1000	1389	3362	4801	6.729	9.872
Tổng	3823	4834	3643	5708	7535	12915	4060	6483	10307	17045	30864	43544	60.232	90.529
Tỷ lệ (%)	(1)/(13)	(2)/(14)	(3)/(13)	(4)/(14)	(5)/(13)	(6)/(14)	(7)/(13)	(8)/(14)	(9)/(13)	(10)/(14)	(11)/(13)	(12)/(14)		
	6,3	5,3	6	6,3	12,5	14,3	6,7	7,2	17,1	18,8	51,2	48,1	100%	100%

Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ

Bảng 2.2. Tỷ lệ xét xử sơ thẩm xét theo tội danh thuộc nhóm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam Bộ từ 2008 - 2017

Tội danh	Vũng Tàu		Tây Ninh		Bình Dương		Bình Phước		Đồng Nai		TP. HCM		Tổng cộng			
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	% số vụ	Bị cáo	% số BC
Điều 168. Cướp tài sản	310	392	220	345	847	1452	330	808	795	1888	1864	2630	4366	7,25	7515	8,3
Điều 169. Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	7	9	3	4	20	35	8	10	18	46	23	32	79	0,13	136	0,15
Điều 170. Cưỡng đoạt tài sản	106	134	21	33	274	470	112	227	217	445	191	270	921	1,53	1579	1,74
Điều 171. Cướp giật tài sản	135	170	949	1486	631	1082	143	248	791	1380	8036	11338	10685	17,74	15704	17,35
Điều 172. Công nhiên chiếm đoạt tài sản	3	4	15	23	165	283	3	7	31	47	124	175	341	0,57	539	0,6
Điều 173. Trộm cắp tài sản	2411	3049	2268	3554	4495	7705	2561	3975	6581	10629	19215	27109	37531	62,31	56021	61,88
Điều 174. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	390	493	121	189	546	935	414	497	912	1193	1021	1441	3404	5,65	4748	5,24
Điều 175. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	241	304	30	46	382	655	255	258	486	592	250	353	1644	2,73	2208	2,44
Điều 176. Chiếm giữ trái phép tài sản	1	2	2	3	2	3	2	1	12	15	17	24	36	0,06	48	0,05
Điều 177. Sử dụng trái phép tài sản	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	16	23	18	0,03	25	0,03
Điều 178. Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	210	266	11	18	168	286	223	443	461	803	97	136	1170	1,94	1952	2,16
Điều 179. Thiêu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	3	4	0	2	0	0	3	3	0	0	3	4	9	0,01	13	0,01
Điều 180. Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản	6	7	1	3	5	9	6	6	3	7	7	9	28	0,05	41	0,05
Tổng	3823	4834	3643	5708	7535	12915	4060	6483	10307	17045	30864	43544	60232	100	90529	100

Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ

Bảng 2.3. Tỷ lệ tình hình tội phạm XPSH trong tình hình tội phạm hình sự trên địa bàn miền Đông Nam Bộ từ năm 2008 - 2017

Năm	Tình hình các tội XPSH trên địa bàn miền ĐNB		Tình hình tội phạm hình sự trên địa bàn miền ĐNB		Tỷ lệ %	
	Số vụ (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ (3)	Số bị cáo (4)	(1)/(3)	(2)/(4)
2008	5.302	7.698	9.761	12.798	54	60
2009	5.756	7.885	10.670	14.037	54	56
2010	5.876	8.715	9.091	13.421	65	65
2011	5.568	8.327	8.599	12.924	65	64
2012	6.047	9.254	8.272	11.071	73	84
2013	5.929	9.753	8.408	11.998	71	81
2014	6.372	9.647	10.173	13.798	63	70
2015	6.634	9.924	10.378	14.056	64	71
2016	6.019	9.454	10.322	13.973	58	68
2017	6.729	9.872	10.494	14.321	64	69
TC	60.232	90.529	96.168	132.397	63	68

Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ

Bảng 2.4. Số vụ, số bị cáo XPSH trên số diện tích, dân số từ năm 2008 - 2017 của Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ

Địa danh	Diện tích (km2)	Dân số (người)	Số vụ	Số bị cáo	Số dân/1 bị cáo	Số bị cáo/1km2
Đông Nam Bộ	23.590,7	15.790.400	60.232	90.529	174,4	3,8
Tây Nguyên	54.691,0	5.525.800	2.360	2.900	1905,4	0,05
Tây Nam Bộ	40.576,0	17.517.600	3.367	5.135	3411,4	0,13

Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ

Bảng 2.5. Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu từ năm 2008 - 2017 được tính toán trên cơ sở số dân của các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ

STT	Địa danh	Số dân	Tổng số bị cáo	Số dân/1 bị cáo	STT theo mức độ
1	Tp. Hồ Chí Minh	7.981.950	43544	183	4
2	Vũng Tàu	1.059.513	4834	219	6
3	Bình Dương	1.873.600	12915	145	2
4	Đồng Nai	2.838.607	17045	167	3
5	Bình Phước	932.510	6483	144	1
6	Tây Ninh	1.104.220	5708	193	5
7	TC	15.790.400	90.529		

Nguồn: Tòa án nhân dân và Cục Thống kê các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ

**Bảng 2.6. Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu từ năm 2008 - 2017
được tính toán trên cơ sở diện tích của các tỉnh, thành trên
địa bàn miền Đông Nam Bộ**

STT	Địa danh	Diện tích (km ²)	Tổng số bị cáo (người)	Số bị cáo/1km ²	STT theo mức độ
1	Tp. Hồ Chí Minh	2.095,5	43544	20,8	1
2	Vũng Tàu	1.989,5	4834	2,4	4
3	Bình Dương	2.694,4	12915	4,8	2
4	Đồng Nai	5.907,2	17045	2,9	3
5	Bình Phước	6.871,5	6483	0,9	6
6	Tây Ninh	4.032,6	5708	1,4	5
7	TC	23.590,7	90.529		

Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ

**Bảng 2.7. Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu từ năm 2008 - 2017
được tính toán trên cơ sở kết hợp yếu tố dân cư và diện tích
của các tỉnh, thành trên địa bàn miền Đông Nam Bộ**

STT	Địa danh	Thứ bậc đã xác định theo dân cư và diện tích	Hệ số tiêu cực	Cường độ nguy hiểm
1	Tp. Hồ Chí Minh	4+1	5	2
2	Vũng Tàu	6+4	10	5
3	Bình Dương	2+2	4	1
4	Đồng Nai	3+3	6	3
5	Bình Phước	1+6	7	4
6	Tây Ninh	5+5	10	5

Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ

Bảng 2.8. Thống kê tính chất hành vi phạm tội thông qua hình phạt từ năm 2008 - 2017

Hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Ấn treo, cải tạo không giam giữ	153	16,8%
Dưới 03 năm tù	580	63,7%
Từ 03 năm đến dưới 07 năm tù	129	14,2%
Từ 07 năm đến dưới 15 năm tù	45	4,9%
Chung thân	2	0,2%
Tử hình	1	0,1%
Tổng	910	100%

Bảng 2.9. Cơ cấu của tình hình tội xâm phạm sở hữu xét theo thời gian gây án

Tổng	0h đến 8h	8h đến 16h	16h đến 24h
600	61	134	405
100%	10,1%	22,4%	67,5%

Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH

Bảng 2.10. Cơ cấu về giới tính của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2008 - 2017

Tội danh	Số bị cáo nam	Tỷ lệ %	Số bị cáo nữ	Tỷ lệ %
Điều 168. Cướp tài sản	6662	8,55	852	6,73
Điều 169. Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	120	0,15	16	0,13
Điều 170. Cưỡng đoạt tài sản	1390	1,8	189	1,5
Điều 171. Cướp giật tài sản	15455	19,9	249	1,97
Điều 172. Công nhiên chiếm đoạt tài sản	491	0,63	48	0,38
Điều 173. Trộm cắp tài sản	47848	61,5	8173	64,5
Điều 174. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	2410	3,1	2338	18,44
Điều 175. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	1662	2,13	546	4,31
Điều 176. Chiếm giữ trái phép tài sản	32	0,04	16	0,13
Điều 177. Sử dụng trái phép tài sản	25	0,03	0	0
Điều 178. Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	1713	2,2	239	1,89
Điều 179. Thiêu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	13	0,02	0	0
Điều 180. Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản	32	0,04	9	0,06
Tổng	77855	100%	12674	100%

Bảng 2.11. Cơ cấu trình độ học vấn của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008 - 2017

Năm	Số bị cáo	Trình độ học vấn			
		Không biết chữ, bỏ học	Tiểu học, trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trung cấp, cao đẳng, đại học
Tổng	910	136	508	211	55
Tỷ lệ %	100	14,9%	55,9%	23,2%	6%

**Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH*

Bảng 2.12. Cơ cấu nghề nghiệp của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008 - 2017

	Số bị cáo	Nghề nghiệp					
		Không có nghề nghiệp	Nghề nghiệp không ổn định	Nghề nghiệp ổn định			
				Tổng	cán bộ, công chức	Đảng viên	khác
Tổng	910	313	595	18	5	6	7
Tỷ lệ %	100%	34,4%	65,4%	2%	0,56%	0,67%	0,78 %

**Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH*

Bảng 2.13. Cơ cấu hoàn cảnh gia đình của nhân thân người phạm tội XPSH miền ĐNB giai đoạn 2008 - 2017

Kết hôn	356	39,07%
Chưa kết hôn	554	60,93%
Sinh sống và xuất thân trong gia đình không hoàn thiện (cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ mất hoặc cả hai mất, cha hoặc mẹ bỏ đi, không biết cha mẹ)	223	24,49%
Gia đình hoàn thiện	687	75,51%
Đã có con	289	31,79%
Chưa lập gia đình, Chưa có con	621	68,21%
Đông con (từ 3 trở lên)	194	66,89%
Ít con	95	33,11%
Người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (xuất thân và sinh sống trong gia đình nghèo khó, sống bằng nghề lao động...)	327	35,89%
Gia đình không thuận lợi (cha mẹ hay cãi vã nhau, thường xuyên vi phạm pháp luật...)	492	54,11%

**Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH*

Bảng 2.14. Cơ cấu nơi cư trú, hộ khẩu thường trú của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008 - 2017

	Số bị cáo	Hộ khẩu		Nơi cư trú		
		Thường trú	Tạm trú, chưa đăng ký tạm trú	Ổn định	Không ổn định	sông Lang thang
Tổng	910	299	611	338	508	64
Tỷ lệ %	100%	32,9%	67,1%	37,1%	55,9%	7,0%

**Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH*

Bảng 2.15. Một số đặc điểm cơ bản của nhân thân người phạm tội XPSH trên địa bàn miền Đông Nam Bộ từ năm 2008 - 2017

Dân tộc	Thiểu số	113	12,4%
	Kinh	797	87,6%
Quốc tịch	Người nước ngoài	2	0,11%
	Người Việt Nam	908	99,89%
Tiền án, tiền sự	Có tiền án, tiền sự	234	25,7%
	Không có tiền án, tiền sự	676	74,3%
Phạm tội lần đầu hay tái phạm, tái phạm nguy hiểm tội XPSH	Lần đầu	624	68,6%
	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	286	31,4%
Tái phạm cụ thể	Cướp giật tài sản	346	37,9%
	Trộm cắp tài sản	137	15,1%
	Cướp tài sản	91	10,1%
	Các tội còn lại trong nhóm tội XPSH	45	4,9%
	Các tội ngoài nhóm tội XPSH	291	32%
Phạm tội đơn lẻ, đồng phạm	Phạm tội đơn lẻ	366	61%
	Đồng phạm	234	39%
Quen biết trước với nạn nhân	Quen biết trước với nạn nhân	683	75%
	Không quen biết trước	227	25%
Giới tính	Nam	777	85,4%
	Nữ	133	14,6%
Độ tuổi	Dưới 18 tuổi	62,79	6,9
	Từ 18 đến	576,03	63,3
	Từ 30 đến 45 tuổi	220	24,2
	Trên 45 tuổi	51	5,6

** Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH*

Bảng 2.16. Cơ cấu động cơ, mục đích phạm tội của người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008 - 2017

	Số bị cáo	Động cơ, mục đích vụ lợi		Động cơ, mục đích không vụ lợi
		Chiếm đoạt	Không chiếm đoạt	
Tổng	910	866	0	34
Tỷ lệ %	100	96,3%	0	3,7%

** Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH*

Bảng 2.17. Nguyên nhân trực tiếp phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008 - 2017

	Số bị cáo	Nguyên nhân trực tiếp						
		Thiếu tiền để ăn nhập	Chơi game	Trả nợ	Nghiện ma túy	Thiếu tiền tiêu xài cá nhân	Đánh bạc	Khác (tham lam, yếu tố nạn nhân....)
Tổng	910	141	13	35	180	350	31	160
Tỷ lệ %	100	15,5%	1,4%	3,9%	19,8%	38,5%	3,4%	17,6%

** Nguồn: 600 bản án hình sự sơ thẩm về tội XPSH*

Bảng 2.18. Công cụ phương tiện gây án của người phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh miền ĐNB giai đoạn 2008 - 2017

	Vụ án	Công cụ phương tiện gây án			
		Dao, kiếm, mã tấu, búa, cuốc	Sức mạnh tay chân	Vũ khí quân dụng	Khác
Tổng	600	416	86	19	79
Tỷ lệ %	100	69,3%	14,4%	3,1%	13,2%

**Bảng 2.19. Thống kê về trình độ nghiệp vụ của cán bộ trình sát hình sự,
CSKV và Công an XDPT và PTX về ANTT**

Trình độ nghiệp vụ	Trình sát hình sự		CSKV		Công an XDPT và PTX về ANTT	
	<i>Tổng số</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Đại học	610	33,23	839	25,29	226	49,34
Trung cấp	1.115	60,73	1.849	55,75	203	44,33
Sơ cấp	111	6,04	629	18,96	29	6,33
Tổng	1.836		3.317		458	

*Nguồn từ phòng Tổ chức cán bộ Công an các tỉnh, thành phố
miền Đông Nam Bộ tháng 12/2015*

Bảng 2.20. Bảng thống kê tổng hợp Phiếu điều tra xã hội học

- Số phiếu phát ra: 200/mỗi phiếu

- Số phiếu thu về: 200/mỗi phiếu

	Nội dung	Kết quả (%)
Phiếu số 1	Câu 1. Theo đồng chí nhóm tội XPSH “ẩn” là do những nguyên nhân nào?	
	Người bị hại không trình báo cho cơ quan chức năng	32,8
	Do người phạm tội không khai báo	10,5
	Những sai sót trong thông kê của các cơ quan chức năng	43,2
	Yếu kém trong nhận tin và xử lý tin của cơ quan Công an	10,1
	Ý kiến khác	3,4
	Câu 2. Theo đồng chí nhóm tội xâm phạm sở hữu “ẩn” nhiều nhất ở tội danh nào?	
	Điều 168. Tội cướp tài sản	21,2
	Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	5,4
	Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản	3,2
	Điều 171. Tội cướp giật tài sản	25,1
	Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản	1,2
	Điều 173. Tội trộm cắp tài sản	40,5
	Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	3,4
	Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	0
	Các tội khác	0
	Câu 3. Theo đ/c nhóm tội XPSH do người nước ngoài thực hiện chủ yếu ở tội danh nào?	
	Điều 171. Tội cướp giật tài sản	0,3
	Điều 173. Tội trộm cắp tài sản	40,4
	Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	49,3
	Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	6,5
	Các tội khác	3,5
	Câu 4. Theo đồng chí nam giới thường phạm tội XPSH nhiều nhất ở tội danh nào?	
	Điều 168. Tội cướp tài sản	25,8
	Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	5,2
	Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản	2,5
	Điều 171. Tội cướp giật tài sản	35,5
	Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản	1,2

	Điều 173. Tội trộm cắp tài sản	28,2
	Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	1,2
	Ý kiến khác	0,4
	Câu 5. Theo đồng chí nữ giới thường phạm tội xâm phạm sở hữu nhiều nhất ở tội danh nào?	
	Điều 168. Tội cướp tài sản	10,4
	Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	2,5
	Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản	1,5
	Điều 171. Tội cướp giật tài sản	2,2
	Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản	0
	Điều 173. Tội trộm cắp tài sản	26,4
	Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	24,6
	Điều 175. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	30,2
	Ý kiến khác	2,2
	Câu 6. Theo đồng chí đối tượng thường sử dụng hung khí nào để gây án?	
	Súng	16,3
	Dao, mã tấu	65,5
	Khác	18,2
	Câu 7. Đồng chí đánh giá về công tác phòng ngừa tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu tại địa phương mình như thế nào?	
	Tốt	15
	Bình thường	40
	Còn hạn chế	45
	Câu 8. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong phòng ngừa tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu ở địa phương của đồng chí như thế nào?	
	Có quan hệ chặt chẽ, thường xuyên	38,5
	Quan hệ mang tính hình thức	61,5
	Câu 9. Đồng chí cho biết các tội xâm phạm sở hữu ở địa bàn của mình phụ trách là do những nguyên nhân và điều kiện nào?	
	Do hạn chế nhận thức pháp luật, đạo đức của một bộ phận thanh, thiếu niên	32,6
	Quan điểm đạo đức lệch lạc, thiếu trách nhiệm đối với gia đình, xã hội	25,2
	Do nghiện game, nghiện ma túy, cờ bạc của một bộ phận thanh, thiếu niên	13,6
	Do nạn thất nghiệp, việc làm không ổn định, thu nhập thấp	12,4
	Do sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan chức năng	9,3
	Do ý thức chủ quan thiếu cảnh giác của người dân	5,7
	Ý kiến khác	1,2
Phiếu	Câu 1. Anh/Chị cho biết mối quan hệ giữa cha mẹ với con trong việc quản	

số 2	lý, giáo dục như thế nào?	
	Cha mẹ rất quan tâm đến con, thường xuyên dành nhiều thời gian cho con	16,7
	Cha mẹ ít quan tâm đến con, dành ít thời gian dành cho con	70,3
	Cha mẹ phải lo làm ăn để lo cho cuộc sống, không có thời gian quan tâm, chăm sóc cho con	13
	Câu 2. Anh/Chị cảm thấy đâu là bất cập, hạn chế trong gia đình, nhà trường ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách lệch lạc ở học sinh?	
	Tình trạng bạo lực học đường	7,1
	Gia đình quá nuông chiều con cái, thường xuyên bênh vực, bao che lỗi cho con.	19,3
	Sự quản lý lỏng lẻo, nội dung học tập nặng nề, phương pháp không phù hợp	34,3
	Sự phân biệt đối xử của thầy cô, việc giáo dục chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng	22,7
	Chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống	14,2
	Yếu tố khác	2,4
	Câu 3. Khi con mắc lỗi, cha mẹ xử sự thế nào để giáo dục con?	
	Thường xuyên bênh vực, bao che lỗi cho con	19,3
	Tìm hiểu kỹ nguyên nhân con mắc lỗi rồi phân tích để con hiểu và tự đề ra hướng khắc phục lỗi lầm	8,7
	Cha mẹ chỉ hỏi han sơ qua, mắng chửi cho hả giận rồi thôi	56
	Cha mẹ mắng chửi thậm tệ, đánh đập, bắt nhịn ăn, nhịn uống	16
	Câu 4. Cha mẹ có quan tâm đến bạn bè của con không?	
	Thường xuyên quan tâm bạn bè của con cái	5,5
	Chỉ quan tâm đến một vài bạn thân, còn những người khác không biết	14,4
	Cha mẹ không quan tâm và không biết các bạn của con là những ai	80,1
	Câu 5. Khi thấy con chơi với bạn bè xấu cha mẹ thường đối xử với con thế nào?	
	Phân tích để con nhận ra không nên chơi với bạn bè xấu và tạo điều kiện để con tham gia các hoạt động vui chơi lành mạnh và quen với bạn bè tốt.	7,1
	Chửi mắng, ngăn cản và kiểm soát thời gian của con cái	70,6
	Đánh đập và bắt buộc con cái không được chơi với bạn bè xấu nữa	22,3
	Câu 6. Mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục trẻ thế nào?	
	Gia đình rất quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường để giáo dục trẻ	9,2
	Gia đình chỉ quan tâm khi nhà trường mời lên họp phụ huynh	15,8
	Gia đình thường ỷ lại, giao phó việc quản lý, quan tâm và giáo	35,4

	dục trẻ cho nhà trường	
	Gia đình không quan tâm nhà trường giáo dục trẻ thế nào.	39,4
	Câu 7. Những học sinh có kết quả học tập kém chủ yếu do nguyên nhân nào?	
	Do học sinh có tư chất kém	40,3
	Do giáo viên có năng lực chuyên môn kém	20,2
	Do giáo viên không có phương pháp sư phạm tốt	20,5
	Yếu tố khác	19,9
Phiếu số 3	Câu 1. Anh/Chị có hoàn cảnh gia đình thế nào trước khi bị bắt về hành vi phạm tội?	
	Có gia đình thuận lợi, hạnh phúc, kinh tế ổn định	8,2
	Có gia đình không hoàn hảo (cha, mẹ hoặc cả hai mất hoặc ly dị, ly thân, thường xuyên cãi vã nhau...)	11,4
	Gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các thành viên trong gia đình không có công ăn việc làm ổn định	52,3
	Gia đình có người vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội	28,1
	Câu 2. Tài sản có được sau khi phạm tội Anh/Chị thường sử dụng vào việc gì?	
	Chơi game tại các tiệm internet	7,1
	Mua ma túy để sử dụng	15,3
	Đánh bài, cá độ...	35,4
	Sử dụng vào các nhu cầu khác	42,2
	Câu 3. Anh/Chị có nghiên cứu, chuẩn bị, lên kế hoạch trước khi thực hiện hành vi phạm tội?	
	Có	56,5
	Không	43,5
	Câu 4. Vì sao Anh/Chị lại phạm tội?	
	Do bất mãn với gia đình	20,3
	Bạn bè xấu lôi kéo, bị đối tượng hình sự lợi dụng	20,5
	Không có việc làm, việc làm không ổn định, thu nhập thấp	41,6
	Do cần tiền để chơi game, mua ma túy, cờ bạc, ăn nhậu	5,1
	Do bị kích thích từ những sơ hở của nạn nhân	4,6
	Do cơ quan Nhà nước có nhiều sơ hở, thiếu sót trong quản lý	1,5
	Nguyên nhân khác	6,4
	Câu 5. Thái độ của gia đình, bạn bè, làng xóm đối với Anh/Chị khi biết Anh/Chị đã thực hiện hành vi phạm tội?	
	Xa lánh	77,3
	Động viên	5,3
	Bao che	15,2
	Khác	2,2
	Câu 6. Anh/Chị có hài lòng với phương pháp giáo dục của cha mẹ?	
	Rất hài lòng	6,3
	Chưa hài lòng lắm	89,2

	Không hài lòng	4,5
	Câu 7. Anh/Chị có hài lòng với phương pháp giáo dục của nhà trường, thầy cô khi còn đi học?	
	Rất hài lòng	6,2
	Chưa hài lòng lắm	53,4
	Không hài lòng	40,4
	Câu 8. Anh/Chị có mong muốn gì sau khi đã chấp hành xong hình phạt trở về địa phương	
	Trở về gia đình	50,3
	Kiểm việc làm	39,4
	Khác	10,4

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 1

Đối tượng khảo sát: Thẩm phán, Kiểm sát viên, cán bộ, chiến sĩ của lực lượng Cảnh sát hình sự, Cảnh sát khu vực, Công an Xây dựng phong trào và Phụ trách xã làm nhiệm vụ phòng ngừa tình hình tội XPSH tại các tỉnh, thành trên địa bàn miền Đông Nam Bộ.

Nhóm tội xâm phạm sở hữu quy định tại: Chương XVI - BLHS năm 2015, từ Điều 168 đến 180, cụ thể: Điều 168. Tội cướp tài sản; Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản; Điều 171. Tội cướp giết tài sản; Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; Điều 173. Tội trộm cắp tài sản; Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản; Điều 177. Tội sử dụng trái phép tài sản; Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Phương pháp trả lời: Nếu đ/c đồng ý với nội dung nào thì đánh dấu “X” vào ô vuông trống. Nếu không đồng ý thì bỏ trống hoặc viết nội dung trả lời đối với câu hỏi theo hàng kẻ ngang.

1. Theo đồng chí nhóm tội xâm phạm sở hữu “ẩn” là do những nguyên nhân nào?

- Người bị hại không trình báo cho cơ quan chức năng
- Do người phạm tội không khai báo
- Những sai sót trong thống kê của các cơ quan chức năng
- Yếu kém trong nhận tin và xử lý tin của cơ quan Công an
- Ý kiến khác.....

2. Theo đồng chí nhóm tội xâm phạm sở hữu “ẩn” nhiều nhất ở tội danh nào?

- Điều 168. Tội cướp tài sản
- Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
- Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản
- Điều 171. Tội cướp giết tài sản
- Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản
- Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

- Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
- Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
- Các tội khác

☐

3. Theo đồng chí nhóm tội xâm phạm sở hữu do người nước ngoài thực hiện chủ yếu ở tội danh nào?

- Điều 171. Tội cướp giật tài sản
- Điều 173. Tội trộm cắp tài sản
- Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
- Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
- Các tội khác:

☐
☐
☐
☐

4. Theo đồng chí nam giới thường phạm tội xâm phạm sở hữu nhiều nhất ở tội danh nào?

- Điều 168. Tội cướp tài sản
- Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
- Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản
- Điều 171. Tội cướp giật tài sản
- Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản
- Ý kiến khác:.....

☐
☐
☐
☐
☐

5. Theo đồng chí nữ giới thường phạm tội xâm phạm sở hữu nhiều nhất ở tội danh nào?

- Ý kiến

6. Theo đồng chí đối tượng thường sử dụng hung khí nào để gây án?

- Súng
- Dao, mã tấu
- Khác

☐
☐
☐

7. Đồng chí đánh giá về công tác phòng ngừa tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu tại địa phương mình như thế nào?

- Tốt
- Bình thường
- Còn hạn chế

☐
☐
☐

8. Mỗi quan hệ phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong phòng ngừa tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu ở địa phương của đồng chí như thế nào?

- Có quan hệ chặt chẽ, thường xuyên
- Quan hệ mang tính hình thức

☐
☐
☐

- Chưa xây dựng được quy chế phối hợp trong phòng ngừa

9. Đồng chí cho biết những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu ở địa bàn của mình phụ trách?

- Do sự xuống cấp về nhận thức pháp luật, đạo đức của một bộ phận thanh, thiếu niên ☐
- Do nghiện game, nghiện ma túy, cờ bạc của một bộ phận thanh, thiếu niên ☐
- Do nạn thất nghiệp, việc làm không ổn định, thu nhập thấp ☐
- Do sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan chức năng ☐
- Do ý thức chủ quan thiếu cảnh giác của người dân ☐
- Ý kiến khác.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 2

Đối tượng khảo sát: Cha, mẹ trong gia đình nhiều thành phần khác nhau; Giáo viên, giảng viên đang làm việc ở các cấp từ tiểu học đến đại học khác nhau tại các tỉnh, thành trên địa bàn miền Đông Nam Bộ.

Nhóm tội xâm phạm sở hữu quy định tại: Chương XVI - BLHS năm 2015, từ Điều 168 đến 180, cụ thể: Điều 168. Tội cướp tài sản; Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản; Điều 171. Tội cướp giật tài sản; Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; Điều 173. Tội trộm cắp tài sản; Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản; Điều 177. Tội sử dụng trái phép tài sản; Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Phương pháp trả lời: Nếu Anh/Chị đồng ý với nội dung nào thì đánh dấu “X” vào ô vuông trống. Nếu không đồng ý thì bỏ trống hoặc viết nội dung trả lời đối với câu hỏi theo hàng kẻ ngang.

1. Anh/Chị cho biết mối quan hệ giữa cha mẹ với con trong việc quản lý, giáo dục như thế nào?

- Cha mẹ rất quan tâm đến con, thường xuyên dành nhiều thời gian cho con ☐
- Cha mẹ ít quan tâm đến con, dành ít thời gian dành cho con ☐
- Cha mẹ phải lo làm ăn để lo cho cuộc sống, không có thời gian quan tâm, chăm sóc cho con ☐

2. Anh/Chị cảm thấy đâu là bất cập, hạn chế trong gia đình, nhà trường ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách lệch lạc ở học sinh?

- Tình trạng bạo lực học đường ☐
- Gia đình quá nuông chiều con cái, thường xuyên bênh vực, bao che lỗi cho con. ☐
- Sự quản lý lỏng lẻo, nội dung học tập nặng nề, phương pháp không phù hợp ☐
- Sự phân biệt đối xử của thầy cô, việc giáo dục chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng ☐
- Chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống ☐
- Yếu tố khác.....

3. Khi con mắc lỗi, cha mẹ xử sự thế nào để giáo dục con?

- Thường xuyên bênh vực, bao che lỗi cho con ☐

- Tìm hiểu kỹ nguyên nhân con mắc lỗi rồi phân tích để con hiểu và tự đề ra hướng khắc phục lỗi lầm ☐

Cha mẹ chỉ hỏi han sơ qua, mắng chửi cho hả giận rồi thôi ☐

- Cha mẹ mắng chửi thậm tệ, đánh đập, bắt nhin ăn, nhin uống ☐

- Cha mẹ ít quan tâm nên không biết con mắc lỗi ☐

4. Cha mẹ có quan tâm đến bạn bè của con không?

- Thường xuyên quan tâm bạn bè của con cái ☐

- Chỉ quan tâm đến một vài bạn thân, còn những người khác không biết ☐

- Cha mẹ không quan tâm và không biết các bạn của con là những ai ☐

5. Khi thấy con chơi với bạn bè xấu cha mẹ thường đối xử với con thế nào?

- Phân tích để con nhận ra không nên chơi với bạn bè xấu và tạo điều kiện để con tham gia các hoạt động vui chơi lành mạnh và quen với bạn bè tốt. ☐

- Chửi mắng, ngăn cản và kiểm soát thời gian của con cái ☐

- Đánh đập và bắt buộc con cái không được chơi với bạn bè xấu nữa ☐

6. Mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục trẻ thế nào?

- Gia đình rất quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường để giáo dục trẻ. ☐

- Gia đình chỉ quan tâm khi nhà trường mời lên họp phụ huynh ☐

- Gia đình thường ỷ lại, giao phó việc quản lý, quan tâm và giáo dục trẻ cho nhà trường ☐

- Gia đình không quan tâm nhà trường giáo dục trẻ thế nào. ☐

7. Những học sinh có kết quả học tập kém chủ yếu do nguyên nhân nào?

- Do học sinh có tư chất kém ☐

- Do giáo viên có năng lực chuyên môn kém ☐

- Do giáo viên không có phương pháp sư phạm tốt ☐

- Yếu tố khác.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn!

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 3

Đối tượng: Là các phạm nhân đang chấp hành án tại trại giam Z30A - Xuân Lộc, Đồng Nai và trại giam Thủ Đức Z30D, Hàm Tân, Bình Thuận của Bộ Công an, phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn miền Đông Nam Bộ.

Nhóm tội xâm phạm sở hữu quy định tại: Chương XVI - BLHS năm 2015, từ Điều 168 đến 180, cụ thể: Điều 168. Tội cướp tài sản; Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản; Điều 171. Tội cướp giết tài sản; Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; Điều 173. Tội trộm cắp tài sản; Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản; Điều 177. Tội sử dụng trái phép tài sản; Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Phương pháp trả lời: Nếu Anh/Chị đồng ý với nội dung nào thì đánh dấu “X” vào ô vuông trống. Nếu không đồng ý thì bỏ trống hoặc viết nội dung trả lời đối với câu hỏi theo hàng kẻ ngang.

1. Anh/Chị có hoàn cảnh gia đình thế nào trước khi bị bắt về hành vi phạm tội?

- Có gia đình thuận lợi, hạnh phúc, kinh tế ổn định ☐
- Có gia đình không hoàn hảo (cha, mẹ hoặc cả hai mất hoặc ly dị, ly thân, thường xuyên cãi vã nhau...) ☐
- Gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các thành viên trong gia đình không có công ăn việc làm ổn định ☐
- Gia đình có người vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội ☐

2. Tài sản có được sau khi phạm tội Anh/Chị thường sử dụng vào việc gì?

- Chơi game tại các tiệm internet ☐
- Mua ma túy để sử dụng ☐
- Đánh bài, cá độ... ☐
- Sử dụng vào các nhu cầu khác ☐

3. Anh/Chị có nghiên cứu, chuẩn bị, lên kế hoạch trước khi thực hiện hành vi phạm tội?

- Có
- Không

4. Vì sao Anh/Chị lại phạm tội?

- Do bất mãn với gia đình
- Bạn bè xấu lôi kéo, bị đối tượng hình sự lợi dụng
- Không có việc làm, việc làm không ổn định, thu nhập thấp
- Do cần tiền để chơi game, mua ma túy, cờ bạc, ăn nhậu
- Do bị kích thích từ những sơ hở của nạn nhân
- Do cơ quan Nhà nước có nhiều sơ hở, thiếu sót trong quản lý
- Nguyên nhân khác.....

5. Thái độ của gia đình, bạn bè, làng xóm đối với Anh/Chị khi biết Anh/Chị đã thực hiện hành vi phạm tội?

- Xa lánh
- Động viên
- Bao che
- Khác.....

6. Anh/Chị có hài lòng với phương pháp giáo dục của cha mẹ?

- Rất hài lòng
- Chưa hài lòng lắm
- Không hài lòng

7. Anh/Chị có hài lòng với phương pháp giáo dục của nhà trường, thầy cô khi còn đi học?

- Rất hài lòng
- Chưa hài lòng lắm
- Không hài lòng

8. Anh/Chị có mong muốn gì sau khi đã chấp hành xong hình phạt trở về địa phương.....

Xin chân thành cảm ơn!